T.T.MEC Co ., Ltd

HỒ SƠ NĂNG LỰC
PROFILE

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Thi Công :

* Thiết kế thi công nhà thép dân dụng và công nghiệp.
* Thiết kế và thi công nhà thép tiền chế.
* Thi công kết cấu thép công trình thủy lợi, thủy điện
* Thiết kế chế tạo máy móc thiết bị CN&DD.

T.T.MEC Co.,Ltd

THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Công ty: **CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC**

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Túy Loan Đông, Xã Hòa Phong, Huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại 0905.977.391 - 0905.808.869

Đại diện Ông: **Nguyễn Thị Minh Lý** – Chức vụ: **Giám đốc**

2. Nơi và năm thành lập Doanh nghiệp:

2.1 Nơi thành lập: Thành phố Đà Nẵng

2.2 Năm thành lập: 2017

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh soá 0401850491 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Đà Nẵng cấp ngày 29 tháng 8 năm 2017

3. Các ngành nghề kinh doanh chính:

a. Thiết kế và thi công Nhà thép Dân dụng và Công nghiệp;
b. Thiết kế và thi công nhà thép tiền chế;
c. Thi công kết cấu thép công trình thủy lợi, thủy điện;
d. Thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị và dân dụng

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ MINH LÝ

Thông điệp !

Hành trình xây dựng những ước mơ!

Trước tiên chúng tôi xin gửi lời chào trân trọng đến tất cả Quý khách hàng đã – đang và sẽ hợp tác với **Công ty TNHH cơ khí và chế tạo máy T.T.MEC!**

Kính thưa Quý khách, **Công ty TNHH cơ khí và chế tạo máy T.T.MEC** được ra đời vào ngày 11 tháng 01 năm 2010 cũng là lúc ngành cơ khí và xây dựng phát triển vượt bậc. Ra đời với sứ mệnh phục vụ khách hàng tốt nhất đưa ra những giải pháp hữu ích nhất. **Công ty TNHH cơ khí và chế tạo máy T.T.MEC** đã lựa chọn cho mình con đường đi lên lấy chất lượng và uy tín làm hàng đầu. Năm 2010 cũng là năm thương hiệu **Công ty TNHH cơ khí và chế tạo máy T.T.MEC!** chính thức được ra đời.

Là một Doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực như: Thiết kế và xây dựng nhà dân dụng và công nghiệp, nhà trọn gói, thiết kế và thi công kèo thép tiền chế, cầu thang lan can cơ khí, các cửa cống công trình thủy lợi ... Chúng tôi luôn không ngừng nâng cao giá trị về nhân lực và vật lực để đáp ứng cho nhu cầu thi công trong thời kỳ mới.

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401850491 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Đà Nẵng cấp vào ngày 29 tháng 8 năm 2017..

*Tên Công ty : **Công ty TNHH cơ khí và chế tạo máy T.T.MEC!**

*Trụ sở chính : Thửa lô số 1348, tờ bản đồ số 3, thôn Túy Loan Đông, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

*Đại diện pháp luật : Bà Nguyễn Thị Minh Lý - Chức vụ : **Giám đốc**

Nguyên tắc: Luôn tuân thủ về những quy định an toàn lao động, phòng chống cháy nổ... đặc biệt luôn hoàn thành tiến độ đúng của chủ đầu tư nhưng đảm bảo về chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật công trình. Với đội ngũ kỹ sư, công nhân được đào tạo chính quy, có tay nghề cao cùng sự đầu tư và không ngừng cải tiến về phương pháp, trang thiết bị làm việc để nâng cao chất lượng công trình và khẳng định thương hiệu của mình. Phương châm làm việc của công ty chúng tôi: **"UY TÍN, CHẤT LƯỢNG TẠO NÊN THƯƠNG HIỆU, NIỀM TIN CỦA KHÁCH HÀNG LÀ SỰ SỐNG CÒN CỦA Công ty TNHH cơ khí và chế tạo máy T.T.MEC"**

Dựa trên tiềm lực hiện có về cơ sở vật chất và con người, **Công ty TNHH cơ khí và chế tạo máy T.T.MEC** cam kết rằng với lòng nhiệt huyết của mình cùng với sự tín nhiệm tuyệt đối của Quý khách chúng ta trở thành đối tác tin cậy lẫn nhau, nâng cao uy tín và vị thế chúng ta lên một tầm cao mới. Sự hài lòng của Quý khách là thành công của Doanh nghiệp chúng tôi.

Xin kính gửi đến Quý vị lời chúc Sức khoẻ, Hạnh phúc và Thành đạt.

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Công ty TNHH cơ khí và chế tạo máy T.T.MEC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Minh Lý

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Công trình Trạm không lưu sân bay Khánh Hòa.
Thi công hạng mục: Tháp không lưu

Thi công kết cấu thép sàn liên hợp thuộc Công trình Nhà ở vận động viên Đồng xanh Đồng nghệ sở thể thao và du lịch TP Đà Nẵng

Dự án:Thi công xây lắp nhà văn phòng 6 tầng bằng kết cấu sàn thép liên hợp.
Địa chỉ: 31-33 Ngô Gia Tự - TP Đà Nẵng

Dự án: Thi công các hạng mục Nhà máy sản xuất ngư lưới cụ Hải Thanh . Diện tích 30.000m2
Địa chỉ: Cụm công nghiệp An Lưu, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

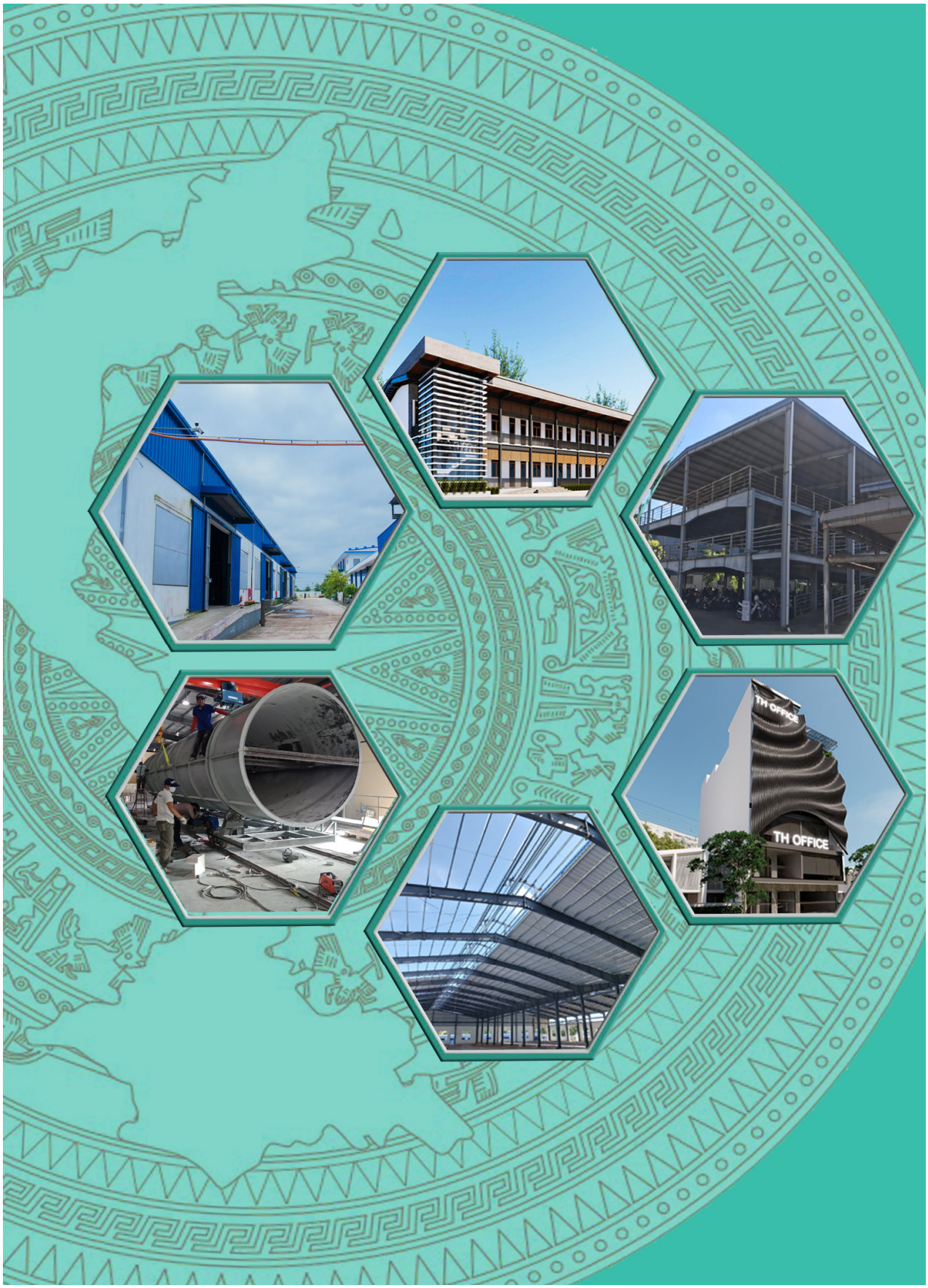
TH OFFICE
TH OFFICE

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Công ty trách nhiệm hữu hạn Cơ khí và Chế tạo máy T.T.MEC đã trải qua không ít những thăng trầm. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo của Giám đốc cùng đội ngũ nhân viên đã có kinh nghiệm lâu năm cùng với sự thống nhất giữa các bộ phận mà Chúng tôi đã tạo dựng được thương hiệu và niềm tin của Khách hàng.

Cơ cấu tổ chức trong Công ty được bố trí theo mô hình chiến lược do Ban Giám đốc đề ra với phương châm: "Uy tín tạo niềm tin – An toàn để sản xuất".

Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty

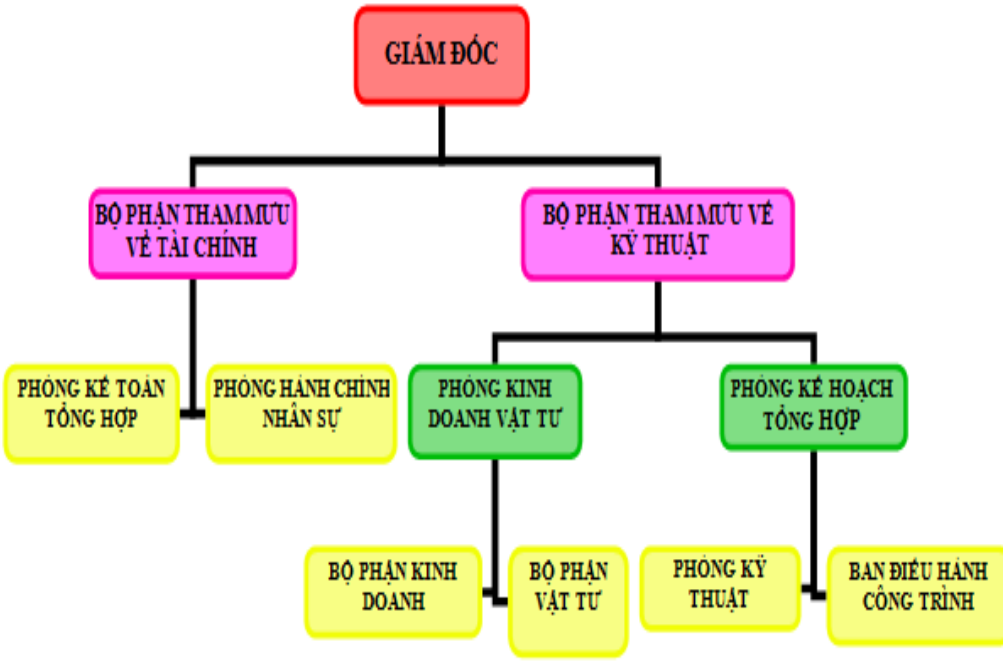

Sơ đồ tổ chức phân theo chức năng được quản lý và điều hành chặt chẽ theo mô hình thông tin hai chiều tương tác hợp lý. Cho phép mệnh lệnh cao cấp nhất đi theo con đường ngắn nhất, rõ ràng tới mọi nhân viên, do đó công việc triển khai đúng mục tiêu, đúng người, đúng việc. Thêm vào đó đội ngũ nhân lực có trình độ và chuyên nghiệp sẽ tạo uy tín và niềm tin đối với Khách hàng.

Tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Cơ khí và Chế tạo máy T.T.MEC chúng tôi luôn đặt niềm tin vào nhân sự của mình. Thành công của công ty được chia cho chính những thành viên xuất sắc của Công ty, những nhân viên đã làm nên sức mạnh của Công ty T.T.Mec ngày nay.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0401850491

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 08 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 10 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất số 1458, Tờ bản đồ số 3, Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: *0905.977.491* Fax:

Email: *trongcimec@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ MINH LÝ	Việt Nam	Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	5.000.000.000	50,000	201468791	
2	TRẦN QUANG TRỌNG	Việt Nam	Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	5.000.000.000	50,000	201416724	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MINH LÝ Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *10/11/1983* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *201468791*

Ngày cấp: *09/11/2015* Nơi cấp: *Công an Thành phố Đà Nẵng*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đoàn Việt Tiến

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0401850491

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 08 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 10 tháng 08 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất số 1458, Tờ bản đồ số 3, Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: *0905.977.491* Fax:

Email: *trongcimec@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ MINH LÝ	Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	201468791	
2	TRẦN QUANG TRÔNG	Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	201416724	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MINH LÝ Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *10/11/1983* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *201468791*

Ngày cấp: *09/11/2015* Nơi cấp: *Công an Thành phố Đà Nẵng*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phan Minh Diệu Hằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 – 2021 – 2022

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
Địa Chỉ : Thôn Túy Loan Đông, Xã Hòa Phong, Huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: 0905.977.491 / 0905 80 88 69

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Tóm tắt các số liệu về tài chính của CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
03 năm tài chính gần nhất (2020, 2021, 2022) (ĐVT : Đồng)

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng tài sản	19.099.486.982	8.804.905.546	7.401.326.918
2	Tổng nợ phải trả	17.032.827.000	6.787.497.125	5.302.521.519
3	Doanh thu	23.296.204.655	3.588.370.807	4.928.416.282
4	Lợi nhuận trước thuế	69.816.244	-49.251.561	81.396.978
5	Lợi nhuận sau thuế	44.918.428	-49.251.561	81.396.978

1. **Tài liệu đính kèm :**
   Báo cáo tài chính 03 năm 2020, 2021, 202

Ngày 20 tháng 02 năm 2023
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ MINH LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B01a - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
[02] Mã số thuế: 0401850491
[03] Địa chỉ: Thửa đất số 1458, Tờ bản đồ số 3, Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong,
[04] Quận/Huyện: Huyện Hoà Vang
[05] Tỉnh/Thành phố: Đà Nẵng
[06] Điện thoại:
[07] Fax:
[08] E-mail:
BCTC đã được kiểm toán: []
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tiền: đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**7.519.903.506**	**12.038.065.053**
II. Đầu tư tài chính	**120**		**0**	**0**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		0	0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		0	0
III. Các khoản phải thu	**130**		**8.699.553.493**	**25.000.000**
1. Phải thu của khách hàng	131		8.674.553.493	0
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		0	0
4. Phải thu khác	134		25.000.000	25.000.000
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135		0	0
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		0	0
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.441.162.211**	**1.296.513.031**
1. Hàng tồn kho	141		1.441.162.211	1.296.513.031
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		0	0
V. Tài sản cố định	**150**		**1.346.164.834**	**1.534.635.352**
- Nguyên giá	151		1.723.105.870	1.723.105.870
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		(376.941.036)	(188.470.518)
VI. Bất động sản đầu tư	**160**		**0**	**0**
- Nguyên giá	161		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		0	0
VII. XDCB dở dang	**170**		**0**	**0**
VIII. Tài sản khác	**180**		**92.702.938**	**114.268.811**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		0	65.896.523
2. Tài sản khác	182		92.702.938	48.372.288
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	**200**		**19.099.486.982**	**15.008.482.247**

NGUỒN VỐN				
I. Nợ phải trả	**300**		**17.032.827.000**	**12.986.740.693**
1. Phải trả người bán	311		16.015.142.394	3.124.454.317
2. Người mua trả tiền trước	312		0	9.061.542.983
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		65.496.498	10.819.022
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Phải trả khác	315		0	0
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		952.188.108	789.924.371
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317		0	0
8. Dự phòng phải trả	318		0	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		0	0
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320		0	0
II. Vốn chủ sở hữu	**400**		**2.066.659.982**	**2.021.741.554**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.000.000.000	2.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		0	0
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		0	0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		66.659.982	21.741.554
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	**500**		**19.099.486.982**	**15.008.482.247**

Lập ngày 24 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC.*

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B02 - DNN**
(*Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính*)

Năm 2020

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
[03] Mã số thuế: 0401850491

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**23.296.204.655**	**10.364.505.770**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**23.296.204.655**	**10.364.505.770**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**21.861.396.745**	**10.022.435.817**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**1.434.807.910**	**342.069.953**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		**63.292**	**105.947**
7. Chi phí tài chính	**22**		**21.272.603**	**1.793.151**
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		21.272.603	1.793.151
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		**1.335.630.556**	**321.923.149**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**77.968.043**	**18.459.600**
10. Thu nhập khác	**31**		**0**	**0**
11. Chi phí khác	**32**		**8.151.799**	**477.500**
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(8.151.799)**	**(477.500)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**69.816.244**	**17.982.100**
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		**24.897.816**	**6.000.000**
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**44.918.428**	**11.982.100**

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 24 tháng 04 năm 2023
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC.*

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Mẫu số: **B03 - DNN**
(*Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính*)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
[03] Mã số thuế: 0401850491

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		8.035.639.841	10.364.505.770
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(11.295.371.361)	(1.541.628.697)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.118.000.000)	(858.000.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(21.272.603)	(1.793.151)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(24.897.816)	(6.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.378.800	1.525.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(260.965.437)	(261.451.262)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		**(4.680.488.576)**	**7.697.157.660**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		63.292	105.947
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		**63.292**	**105.947**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		162.263.737	375.786.900
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34		0	(685.075.629)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		**162.263.737**	**(309.288.729)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(4.518.161.547)**	**7.387.974.878**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**12.038.065.053**	**4.650.090.175**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**7.519.903.506**	**12.038.065.053**

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	*Lập ngày 24 tháng 04 năm 2023*
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
		(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Các chỉ tiêu không có số liệu thì doanh nghiệp không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.

(2) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC.*

PHỤ LỤC
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Mẫu số: **F01 - DNN**
(*Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính*)

Năm 2020

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
[03] Mã số thuế: 0401850491

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	**Tiền mặt**	**11.985.742.002**	**0**	**8.394.726.437**	**12.913.328.882**	**7.467.139.557**	**0**
1111	Tiền Việt Nam	11.985.742.002	0	8.394.726.437	12.913.328.882	7.467.139.557	0
1112	Ngoại tệ	0	0	0	0	0	0
112	**Tiền gửi Ngân hàng**	**52.323.051**	**0**	**18.933.632.094**	**18.933.191.196**	**52.763.949**	**0**
1121	Tiền Việt Nam	52.323.051	0	18.933.632.094	18.933.191.196	52.763.949	0
1122	Ngoại tệ	0	0	0	0	0	0
121	**Chứng khoán kinh doanh**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
128	**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1281	Tiền gửi có kỳ hạn	0	0	0	0	0	0
1288	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0
131	**Phải thu của khách hàng**	**0**	**9.061.542.983**	**25.727.948.317**	**7.991.851.841**	**8.674.553.493**	**0**
133	**Thuế GTGT được khấu trừ**	**65.896.523**	**0**	**2.207.431.478**	**2.273.328.001**	**0**	**0**
1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	65.896.523	0	2.207.431.478	2.273.328.001	0	0
1332	Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	0	0	0	0	0	0
136	**Phải thu nội bộ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1361	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	0	0	0	0	0	0
1368	Phải thu nội bộ khác	0	0	0	0	0	0
138	**Phải thu khác**	**25.000.000**	**0**	**0**	**0**	**25.000.000**	**0**
1381	Tài sản thiếu chờ xử lý	0	0	0	0	0	0
1386	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	25.000.000	0	0	0	25.000.000	0

1388	Phải thu khác	0	0	0	0	0	0
141	**Tạm ứng**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
151	**Hàng mua đang đi đường**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
152	**Nguyên liệu, vật liệu**	**1.053.859.346**	**0**	**0**	**1.053.859.346**	**0**	**0**
153	**Công cụ, dụng cụ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
154	**Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**	**242.653.685**	**0**	**23.059.905.271**	**21.861.396.745**	**1.441.162.211**	**0**
155	**Thành phẩm**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
156	**Hàng hoá**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
157	**Hàng gửi đi bán**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
211	**Tài sản cố định**	**1.723.105.870**	**0**	**0**	**0**	**1.723.105.870**	**0**
2111	TSCĐ hữu hình	1.723.105.870	0	0	0	1.723.105.870	0
2112	TSCĐ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
2113	TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0	0
214	**Hao mòn TSCĐ**	**0**	**188.470.518**	**0**	**188.470.518**	**0**	**376.941.036**
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	0	188.470.518	0	188.470.518	0	376.941.036
2142	Hao mòn TSCĐ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
2143	Hao mòn TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0	0
2147	Hao mòn bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
217	**Bất động sản đầu tư**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
228	**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2281	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	0	0	0	0	0	0
2288	Đầu tư khác	0	0	0	0	0	0
229	**Dự phòng tổn thất tài sản**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2291	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0	0
2292	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	0	0	0	0	0	0
2293	Dự phòng phải thu khó đòi	0	0	0	0	0	0
2294	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0	0	0	0	0
241	**Xây dựng cơ bản dở dang**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2411	Mua sắm TSCĐ	0	0	0	0	0	0

2412	Xây dựng cơ bản	0	0	0	0	0	0
2413	Sửa chữa lớn TSCĐ	0	0	0	0	0	0
242	**Chi phí trả trước**	**48.372.288**	**0**	**102.000.000**	**57.669.350**	**92.702.938**	**0**
	LOẠI TÀI KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ						
331	**Phải trả cho người bán**	**0**	**3.124.454.317**	**10.387.446.252**	**23.278.134.329**	**0**	**16.015.142.394**
333	**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**	**0**	**10.819.022**	**2.309.992.601**	**2.364.670.077**	**0**	**65.496.498**
3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	0	10.819.022	2.274.942.986	2.329.620.462	0	65.496.498
33311	*Thuế GTGT đầu ra*	0	10.819.022	2.274.942.986	2.329.620.462	0	65.496.498
33312	*Thuế GTGT hàng nhập khẩu*	0	0	0	0	0	0
3332	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0	0	0
3333	Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	0	0	0	0
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	24.897.816	24.897.816	0	0
3335	Thuế thu nhập cá nhân	0	0	0	0	0	0
3336	Thuế tài nguyên	0	0	0	0	0	0
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	0	0	0	0	0
3338	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	0	0	2.000.000	2.000.000	0	0
33381	*Thuế bảo vệ môi trường*	0	0	0	0	0	0
33382	*Các loại thuế khác*	0	0	2.000.000	2.000.000	0	0
3339	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	0	8.151.799	8.151.799	0	0
334	**Phải trả người lao động**	**0**	**0**	**1.118.000.000**	**1.118.000.000**	**0**	**0**
335	**Chi phí phải trả**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
336	**Phải trả nội bộ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3361	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	0	0	0	0	0	0
3368	Phải trả nội bộ khác	0	0	0	0	0	0
338	**Phải trả, phải nộp khác**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3381	Tài sản thừa chờ giải quyết	0	0	0	0	0	0
3382	Kinh phí công đoàn	0	0	0	0	0	0
3383	Bảo hiểm xã hội	0	0	0	0	0	0
3384	Bảo hiểm y tế	0	0	0	0	0	0

3385	Bảo hiêm thât nghiệp	0	0	0	0	0	0
3386	Nhận ký quỹ, ký cược	0	0	0	0	0	0
3387	Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0	0	0	0
3388	Phải trả, phải nộp khác	0	0	0	0	0	0
341	**Vay và nợ thuê tài chính**	**0**	**789.924.371**	**0**	**162.263.737**	**0**	**952.188.108**
3411	Các khoản đi vay	0	789.924.371	0	162.263.737	0	952.188.108
3412	Nợ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
352	**Dự phòng phải trả**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3521	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	0	0	0	0	0	0
3522	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	0	0	0	0	0	0
3524	Dự phòng phải trả khác	0	0	0	0	0	0
353	**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3531	Quỹ khen thưởng	0	0	0	0	0	0
3532	Quỹ phúc lợi	0	0	0	0	0	0
3533	Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	0	0	0	0	0	0
3534	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	0	0	0	0	0	0
356	**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3561	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0
3562	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	0	0	0	0	0	0
	LOẠI TÀI KHOẢN VỐN CHỦ SỞ HỮU						
411	**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**	**0**	**2.000.000.000**	**0**	**0**	**0**	**2.000.000.000**
4111	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	0	2.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000
4112	Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	0	0
4118	Vốn khác	0	0	0	0	0	0
413	**Chênh lệch tỷ giá hối đoái**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
418	**Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
419	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

421	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**	**0**	**21.741.554**	**16.365.379.177**	**16.410.297.605**	**0**	**66.659.982**
4211	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	0	0	0	0	0	0
4212	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	0	21.741.554	16.365.379.177	16.410.297.605	0	66.659.982
	LOẠI TÀI KHOẢN DOANH THU						
511	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**0**	**0**	**23.296.204.655**	**23.296.204.655**	**0**	**0**
5111	Doanh thu bán hàng hoá	0	0	23.296.204.655	23.296.204.655	0	0
5112	Doanh thu bán thành phẩm	0	0	0	0	0	0
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0	0	0	0	0
5118	Doanh thu khác	0	0	0	0	0	0
515	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**0**	**0**	**63.292**	**63.292**	**0**	**0**
	LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH						
611	**Mua hàng**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
631	**Giá thành sản xuất**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
632	**Giá vốn hàng bán**	**0**	**0**	**21.861.396.745**	**21.861.396.745**	**0**	**0**
635	**Chi phí tài chính**	**0**	**0**	**21.272.603**	**21.272.603**	**0**	**0**
642	**Chi phí quản lý kinh doanh**	**0**	**0**	**1.335.630.556**	**1.335.630.556**	**0**	**0**
6421	Chi phí bán hàng	0	0	1.125.434.650	1.125.434.650	0	0
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	0	0	210.195.906	210.195.906	0	0
	LOẠI TÀI KHOẢN THU NHẬP KHÁC						
711	**Thu nhập khác**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ KHÁC						
811	**Chi phí khác**	**0**	**0**	**8.151.799**	**8.151.799**	**0**	**0**
821	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	**0**	**0**	**24.897.816**	**24.897.816**	**0**	**0**
	TÀI KHOẢN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH						

911	**Xác định kết quả kinh doanh**	**0**	**0**	**39.661.647.124**	**39.661.647.124**	**0**	**0**
	Tổng cộng	**15.196.952.765**	**15.196.952.765**	**194.815.726.217**	**194.815.726.217**	**19.476.428.018**	**19.476.428.018**

Lập ngày 24 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*

Ghi chú:*Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B01a - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
[02] Mã số thuế: 0401850491
[03] Địa chỉ: Thửa đất số 1458, Tờ bản đồ số 3, Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong,
[04] Quận/Huyện: Huyện Hoà Vang
[05] Tỉnh/Thành phố: Đà Nẵng
[06] Điện thoại:
[07] Fax:
[08] E-mail:
BCTC đã được kiểm toán: []
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tiền: đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**2.744.510.596**	**7.519.903.506**
II. Đầu tư tài chính	**120**		**0**	**0**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		0	0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		0	0
III. Các khoản phải thu	**130**		**2.316.481.081**	**8.699.553.493**
1. Phải thu của khách hàng	131		2.282.866.081	8.674.553.493
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		0	0
4. Phải thu khác	134		33.615.000	25.000.000
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135		0	0
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		0	0
IV. Hàng tồn kho	**140**		**2.291.045.904**	**1.441.162.211**
1. Hàng tồn kho	141		2.291.045.904	1.441.162.211
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		0	0
V. Tài sản cố định	**150**		**1.346.164.834**	**1.346.164.834**
- Nguyên giá	151		1.723.105.870	1.723.105.870
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		(376.941.036)	(376.941.036)
VI. Bất động sản đầu tư	**160**		**0**	**0**
- Nguyên giá	161		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		0	0
VII. XDCB dở dang	**170**		**0**	**0**
VIII. Tài sản khác	**180**		**106.703.131**	**92.702.938**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		70.791.858	0
2. Tài sản khác	182		35.911.273	92.702.938
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	**200**		**8.804.905.546**	**19.099.486.982**

NGUỒN VỐN				
I. Nợ phải trả	**300**		**6.787.497.125**	**17.032.827.000**
1. Phải trả người bán	311		1.351.344.634	16.015.142.394
2. Người mua trả tiền trước	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		0	65.496.498
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Phải trả khác	315		0	0
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		5.436.152.491	952.188.108
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317		0	0
8. Dự phòng phải trả	318		0	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		0	0
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320		0	0
II. Vốn chủ sở hữu	**400**		**2.017.408.421**	**2.066.659.982**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.000.000.000	2.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		0	0
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		0	0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		17.408.421	66.659.982
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	**500**		**8.804.905.546**	**19.099.486.982**

Lập ngày 24 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC.*

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B02 - DNN**
(*Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính*)

Năm 2021

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
[03] Mã số thuế: 0401850491

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**3.588.370.807**	**23.296.204.655**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**3.588.370.807**	**23.296.204.655**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**3.433.632.931**	**21.861.396.745**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**154.737.876**	**1.434.807.910**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		**240.574**	**63.292**
7. Chi phí tài chính	**22**		**0**	**21.272.603**
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		0	21.272.603
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		**194.926.211**	**1.335.630.556**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**(39.947.761)**	**77.968.043**
10. Thu nhập khác	**31**		**0**	**0**
11. Chi phí khác	**32**		**9.303.800**	**8.151.799**
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(9.303.800)**	**(8.151.799)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**(49.251.561)**	**69.816.244**
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		**0**	**24.897.816**
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**(49.251.561)**	**44.918.428**

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	*Lập ngày 24 tháng 04 năm 2023*
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
		(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC.*

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Mẫu số: **B03 - DNN**
(*Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính*)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
[03] Mã số thuế: 0401850491

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		10.336.447.296	8.035.639.841
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(19.312.878.200)	(11.295.371.361)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(96.000.000)	(1.118.000.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	(21.272.603)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	(24.897.816)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.448.000	4.378.800
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(189.614.963)	(260.965.437)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		**(9.259.597.867)**	**(4.680.488.576)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		240.574	63.292
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		**240.574**	**63.292**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.000.000.000	162.263.737
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34		(516.035.617)	0
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		**4.483.964.383**	**162.263.737**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(4.775.392.910)**	**(4.518.161.547)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**7.519.903.506**	**12.038.065.053**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**2.744.510.596**	**7.519.903.506**

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	*Lập ngày 24 tháng 04 năm 2023*
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
		(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Các chỉ tiêu không có số liệu thì doanh nghiệp không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.

(2) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC.*

PHỤ LỤC
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Mẫu số: **F01 - DNN**
(*Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính*)

Năm 2021

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
[03] Mã số thuế: 0401850491

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	**Tiền mặt**	**7.467.139.557**	**0**	**14.249.043.000**	**18.977.011.302**	**2.739.171.255**	**0**
1111	Tiền Việt Nam	7.467.139.557	0	14.249.043.000	18.977.011.302	2.739.171.255	0
1112	Ngoại tệ	0	0	0	0	0	0
112	**Tiền gửi Ngân hàng**	**52.763.949**	**0**	**28.460.487.870**	**28.507.912.478**	**5.339.341**	**0**
1121	Tiền Việt Nam	52.763.949	0	28.460.487.870	28.507.912.478	5.339.341	0
1122	Ngoại tệ	0	0	0	0	0	0
121	**Chứng khoán kinh doanh**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
128	**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1281	Tiền gửi có kỳ hạn	0	0	0	0	0	0
1288	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0
131	**Phải thu của khách hàng**	**8.674.553.493**	**0**	**3.920.279.884**	**10.311.967.296**	**2.282.866.081**	**0**
133	**Thuế GTGT được khấu trừ**	**0**	**0**	**429.628.935**	**358.837.077**	**70.791.858**	**0**
1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	0	0	429.628.935	358.837.077	70.791.858	0
1332	Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	0	0	0	0	0	0
136	**Phải thu nội bộ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1361	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	0	0	0	0	0	0
1368	Phải thu nội bộ khác	0	0	0	0	0	0
138	**Phải thu khác**	**25.000.000**	**0**	**0**	**0**	**25.000.000**	**0**
1381	Tài sản thiếu chờ xử lý	0	0	0	0	0	0
1386	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	25.000.000	0	0	0	25.000.000	0
1388	Phải thu khác	0	0	0	0	0	0

141	**Tạm ứng**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
151	**Hàng mua đang đi đường**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
152	**Nguyên liệu, vật liệu**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
153	**Công cụ, dụng cụ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
154	**Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**	**1.441.162.211**	**0**	**4.283.516.624**	**3.433.632.931**	**2.291.045.904**	**0**
155	**Thành phẩm**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
156	**Hàng hoá**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
157	**Hàng gửi đi bán**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
211	**Tài sản cố định**	**1.723.105.870**	**0**	**0**	**0**	**1.723.105.870**	**0**
2111	TSCĐ hữu hình	1.723.105.870	0	0	0	1.723.105.870	0
2112	TSCĐ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
2113	TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0	0
214	**Hao mòn TSCĐ**	**0**	**376.941.036**	**0**	**0**	**0**	**376.941.036**
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	0	376.941.036	0	0	0	376.941.036
2142	Hao mòn TSCĐ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
2143	Hao mòn TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0	0
2147	Hao mòn bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
217	**Bất động sản đầu tư**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
228	**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2281	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	0	0	0	0	0	0
2288	Đầu tư khác	0	0	0	0	0	0
229	**Dự phòng tổn thất tài sản**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2291	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0	0
2292	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	0	0	0	0	0	0
2293	Dự phòng phải thu khó đòi	0	0	0	0	0	0
2294	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0	0	0	0	0
241	**Xây dựng cơ bản dở dang**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2411	Mua sắm TSCĐ	0	0	0	0	0	0
2412	Xây dựng cơ bản	0	0	0	0	0	0
2413	Sửa chữa lớn TSCĐ	0	0	0	0	0	0
242	**Chi phí trả trước**	**92.702.938**	**0**	**0**	**56.791.665**	**35.911.273**	**0**
	LOẠI TÀI KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ						
331	**Phải trả cho người**	**0**	**16.015.142.394**	**18.684.999.744**	**4.021.201.984**	**0**	**1.351.344.634**

	bán						
333	**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**	**0**	**65.496.498**	**434.948.575**	**360.837.077**	**8.615.000**	**0**
3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	0	65.496.498	432.948.575	358.837.077	8.615.000	0
33311	*Thuế GTGT đầu ra*	0	65.496.498	432.948.575	358.837.077	8.615.000	0
33312	*Thuế GTGT hàng nhập khẩu*	0	0	0	0	0	0
3332	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0	0	0
3333	Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	0	0	0	0
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0	0	0
3335	Thuế thu nhập cá nhân	0	0	0	0	0	0
3336	Thuế tài nguyên	0	0	0	0	0	0
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	0	0	0	0	0
3338	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	0	0	2.000.000	2.000.000	0	0
33381	*Thuế bảo vệ môi trường*	0	0	0	0	0	0
33382	*Các loại thuế khác*	0	0	2.000.000	2.000.000	0	0
3339	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	0	0	0	0	0
334	**Phải trả người lao động**	**0**	**0**	**96.000.000**	**96.000.000**	**0**	**0**
335	**Chi phí phải trả**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
336	**Phải trả nội bộ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3361	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	0	0	0	0	0	0
3368	Phải trả nội bộ khác	0	0	0	0	0	0
338	**Phải trả, phải nộp khác**	**0**	**0**	**16.044.055**	**16.044.055**	**0**	**0**
3381	Tài sản thừa chờ giải quyết	0	0	0	0	0	0
3382	Kinh phí công đoàn	0	0	0	0	0	0
3383	Bảo hiểm xã hội	0	0	16.044.055	16.044.055	0	0
3384	Bảo hiểm y tế	0	0	0	0	0	0
3385	Bảo hiểm thất nghiệp	0	0	0	0	0	0
3386	Nhận ký quỹ, ký cược	0	0	0	0	0	0
3387	Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0	0	0	0
3388	Phải trả, phải nộp khác	0	0	0	0	0	0
341	**Vay và nợ thuê tài chính**	**0**	**952.188.108**	**516.035.617**	**5.000.000.000**	**0**	**5.436.152.491**
3411	Các khoản đi vay	0	952.188.108	516.035.617	5.000.000.000	0	5.436.152.491
3412	Nợ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
352	**Dự phòng phải trả**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3521	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	0	0	0	0	0	0

3522	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	0	0	0	0	0	0
3524	Dự phòng phải trả khác	0	0	0	0	0	0
353	**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3531	Quỹ khen thưởng	0	0	0	0	0	0
3532	Quỹ phúc lợi	0	0	0	0	0	0
3533	Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	0	0	0	0	0	0
3534	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	0	0	0	0	0	0
356	**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3561	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0
3562	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	0	0	0	0	0	0
	LOẠI TÀI KHOẢN VỐN CHỦ SỞ HỮU						
411	**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**	**0**	**2.000.000.000**	**0**	**0**	**0**	**2.000.000.000**
4111	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	0	2.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000
4112	Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	0	0
4118	Vốn khác	0	0	0	0	0	0
413	**Chênh lệch tỷ giá hối đoái**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
418	**Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
419	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
421	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**	**0**	**66.659.982**	**1.937.209.667**	**1.887.958.106**	**0**	**17.408.421**
4211	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	0	66.659.982	1.937.209.667	1.887.958.106	0	17.408.421
4212	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	0	0	0	0	0	0
	LOẠI TÀI KHOẢN DOANH THU						
511	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**0**	**0**	**3.588.370.807**	**3.588.370.807**	**0**	**0**
5111	Doanh thu bán hàng hoá	0	0	3.588.370.807	3.588.370.807	0	0
5112	Doanh thu bán thành phẩm	0	0	0	0	0	0
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0	0	0	0	0
5118	Doanh thu khác	0	0	0	0	0	0
515	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**0**	**0**	**240.574**	**240.574**	**0**	**0**
	LOẠI TÀI KHOẢN						

	CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH						
611	**Mua hàng**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
631	**Giá thành sản xuất**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
632	**Giá vốn hàng bán**	**0**	**0**	**3.433.632.931**	**3.433.632.931**	**0**	**0**
635	**Chi phí tài chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
642	**Chi phí quản lý kinh doanh**	**0**	**0**	**194.926.211**	**194.926.211**	**0**	**0**
6421	Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0	0
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	0	0	194.926.211	194.926.211	0	0
	LOẠI TÀI KHOẢN THU NHẬP KHÁC						
711	**Thu nhập khác**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ KHÁC						
811	**Chi phí khác**	**0**	**0**	**9.303.800**	**9.303.800**	**0**	**0**
821	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	TÀI KHOẢN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH						
911	**Xác định kết quả kinh doanh**	**0**	**0**	**5.525.821.048**	**5.525.821.048**	**0**	**0**
	Tổng cộng	**19.476.428.018**	**19.476.428.018**	**85.780.489.342**	**85.780.489.342**	**9.181.846.582**	**9.181.846.582**

Lập ngày 24 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*

Ghi chú:*Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B01a - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
[02] Mã số thuế: 0401850491
[03] Địa chỉ: Thửa đất số 1458, Tờ bản đồ số 3, Thôn Túy Loan Đông, Xã Hoà Phong,
[04] Quận/Huyện: Huyện Hoà Vang
[05] Tỉnh/Thành phố: Đà Nẵng
[06] Điện thoại:
[07] Fax:
[08] E-mail:
BCTC đã được kiểm toán: []
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tiền: đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**3.064.973.894**	**2.744.510.596**
II. Đầu tư tài chính	**120**		**0**	**0**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		0	0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		0	0
III. Các khoản phải thu	**130**		**81.380.042**	**2.316.481.081**
1. Phải thu của khách hàng	131		47.765.042	2.282.866.081
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		0	0
4. Phải thu khác	134		33.615.000	33.615.000
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135		0	0
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		0	0
IV. Hàng tồn kho	**140**		**3.043.459.946**	**2.291.045.904**
1. Hàng tồn kho	141		3.043.459.946	2.291.045.904
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		0	0
V. Tài sản cố định	**150**		**1.039.237.774**	**1.346.164.834**
- Nguyên giá	151		1.723.105.870	1.723.105.870
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		(683.868.096)	(376.941.036)
VI. Bất động sản đầu tư	**160**		**0**	**0**
- Nguyên giá	161		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		0	0
VII. XDCB dở dang	**170**		**0**	**0**
VIII. Tài sản khác	**180**		**172.275.262**	**106.703.131**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		144.863.989	70.791.858
2. Tài sản khác	182		27.411.273	35.911.273
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	**200**		**7.401.326.918**	**8.804.905.546**

NGUỒN VỐN				
I. Nợ phải trả	**300**		**5.302.521.519**	**6.787.497.125**
1. Phải trả người bán	311		816.243.322	1.351.344.634
2. Người mua trả tiền trước	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		0	0
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Phải trả khác	315		0	0
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		4.486.278.197	5.436.152.491
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317		0	0
8. Dự phòng phải trả	318		0	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		0	0
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320		0	0
II. Vốn chủ sở hữu	**400**		**2.098.805.399**	**2.017.408.421**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.000.000.000	2.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		0	0
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		0	0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		98.805.399	17.408.421
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	**500**		**7.401.326.918**	**8.804.905.546**

Lập ngày 06 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
		NGUYỄN THỊ MINH LÝ

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC.*

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B02 - DNN**
(*Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính*)

Năm 2022

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
[03] Mã số thuế: 0401850491

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**4.928.416.282**	**3.588.370.807**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**4.928.416.282**	**3.588.370.807**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**4.115.460.922**	**3.433.632.931**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**812.955.360**	**154.737.876**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		**194.054**	**240.574**
7. Chi phí tài chính	**22**		**40.649.690**	**0**
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		**691.102.746**	**194.926.211**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**81.396.978**	**(39.947.761)**
10. Thu nhập khác	**31**		**0**	**0**
11. Chi phí khác	**32**		**0**	**9.303.800**
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**0**	**(9.303.800)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**81.396.978**	**(49.251.561)**
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		**0**	**0**
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**81.396.978**	**(49.251.561)**

Lập ngày 06 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
		NGUYỄN THỊ MINH LÝ

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC.*

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

Mẫu số: **B03 - DNN**
(*Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính*)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
[03] Mã số thuế: 0401850491

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		9.021.003.915	10.336.447.296
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(7.307.905.425)	(19.312.878.200)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(351.000.000)	(96.000.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(40.649.690)	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		0	2.448.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(51.305.262)	(189.614.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		**1.270.143.538**	**(9.259.597.867)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		194.054	240.574
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		**194.054**	**240.574**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.471.206.626	5.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34		(3.421.080.920)	(516.035.617)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		**(949.874.294)**	**4.483.964.383**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**320.463.298**	**(4.775.392.910)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**2.744.510.596**	**7.519.903.506**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**3.064.973.894**	**2.744.510.596**

Lập ngày 06 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
		NGUYỄN THỊ MINH LÝ

Ghi chú:

(1) Các chỉ tiêu không có số liệu thì doanh nghiệp không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.

(2) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC*.

PHỤ LỤC
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Mẫu số: **F01 - DNN**
(*Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính*)

Năm 2022

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
[03] Mã số thuế: 0401850491

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	**Tiền mặt**	**2.739.171.255**	**0**	**5.757.944.705**	**6.135.968.227**	**2.361.147.733**	**0**
1111	Tiền Việt Nam	2.739.171.255	0	5.757.944.705	6.135.968.227	2.361.147.733	0
1112	Ngoại tệ	0	0	0	0	0	0
112	**Tiền gửi Ngân hàng**	**5.339.341**	**0**	**12.513.209.064**	**11.814.722.244**	**703.826.161**	**0**
1121	Tiền Việt Nam	5.339.341	0	12.513.209.064	11.814.722.244	703.826.161	0
1122	Ngoại tệ	0	0	0	0	0	0
121	**Chứng khoán kinh doanh**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
128	**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1281	Tiền gửi có kỳ hạn	0	0	0	0	0	0
1288	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0
131	**Phải thu của khách hàng**	**2.282.866.081**	**0**	**6.485.902.876**	**8.721.003.915**	**47.765.042**	**0**
133	**Thuế GTGT được khấu trừ**	**70.791.858**	**0**	**487.933.495**	**413.861.364**	**144.863.989**	**0**
1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	70.791.858	0	487.933.495	413.861.364	144.863.989	0
1332	Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	0	0	0	0	0	0
136	**Phải thu nội bộ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1361	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	0	0	0	0	0	0
1368	Phải thu nội bộ khác	0	0	0	0	0	0
138	**Phải thu khác**	**25.000.000**	**0**	**0**	**0**	**25.000.000**	**0**
1381	Tài sản thiếu chờ xử lý	0	0	0	0	0	0
1386	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	25.000.000	0	0	0	25.000.000	0
1388	Phải thu khác	0	0	0	0	0	0
141	**Tạm ứng**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
151	**Hàng mua đang đi đường**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

152	**Nguyên liệu, vật liệu**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
153	**Công cụ, dụng cụ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
154	**Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**	**2.291.045.904**	**0**	**4.867.874.964**	**4.115.460.922**	**3.043.459.946**	**0**
155	**Thành phẩm**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
156	**Hàng hoá**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
157	**Hàng gửi đi bán**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
211	**Tài sản cố định**	**1.723.105.870**	**0**	**0**	**0**	**1.723.105.870**	**0**
2111	TSCĐ hữu hình	1.723.105.870	0	0	0	1.723.105.870	0
2112	TSCĐ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
2113	TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0	0
214	**Hao mòn TSCĐ**	**0**	**376.941.036**	**0**	**306.927.060**	**0**	**683.868.096**
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	0	376.941.036	0	306.927.060	0	683.868.096
2142	Hao mòn TSCĐ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
2143	Hao mòn TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0	0
2147	Hao mòn bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
217	**Bất động sản đầu tư**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
228	**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2281	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	0	0	0	0	0	0
2288	Đầu tư khác	0	0	0	0	0	0
229	**Dự phòng tổn thất tài sản**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2291	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0	0
2292	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	0	0	0	0	0	0
2293	Dự phòng phải thu khó đòi	0	0	0	0	0	0
2294	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0	0	0	0	0
241	**Xây dựng cơ bản dở dang**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2411	Mua sắm TSCĐ	0	0	0	0	0	0
2412	Xây dựng cơ bản	0	0	0	0	0	0
2413	Sửa chữa lớn TSCĐ	0	0	0	0	0	0
242	**Chi phí trả trước**	**35.911.273**	**0**	**0**	**8.500.000**	**27.411.273**	**0**
	LOẠI TÀI KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ						
331	**Phải trả cho người bán**	**0**	**1.351.344.634**	**5.909.444.433**	**5.374.343.121**	**0**	**816.243.322**
333	**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**	**8.615.000**	**0**	**415.861.364**	**415.861.364**	**8.615.000**	**0**
3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	8.615.000	0	413.861.364	413.861.364	8.615.000	0

33311	*Thuế GTGT đầu ra*	8.615.000	0	413.861.364	413.861.364	8.615.000	0
33312	*Thuế GTGT hàng nhập khẩu*	0	0	0	0	0	0
3332	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0	0	0
3333	Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	0	0	0	0
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0	0	0
3335	Thuế thu nhập cá nhân	0	0	0	0	0	0
3336	Thuế tài nguyên	0	0	0	0	0	0
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	0	0	0	0	0
3338	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	0	0	2.000.000	2.000.000	0	0
33381	*Thuế bảo vệ môi trường*	0	0	0	0	0	0
33382	*Các loại thuế khác*	0	0	2.000.000	2.000.000	0	0
3339	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	0	0	0	0	0
334	**Phải trả người lao động**	**0**	**0**	**351.000.000**	**351.000.000**	**0**	**0**
335	**Chi phí phải trả**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
336	**Phải trả nội bộ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3361	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	0	0	0	0	0	0
3368	Phải trả nội bộ khác	0	0	0	0	0	0
338	**Phải trả, phải nộp khác**	**0**	**0**	**4.179.285**	**4.179.285**	**0**	**0**
3381	Tài sản thừa chờ giải quyết	0	0	0	0	0	0
3382	Kinh phí công đoàn	0	0	0	0	0	0
3383	Bảo hiểm xã hội	0	0	4.179.285	4.179.285	0	0
3384	Bảo hiểm y tế	0	0	0	0	0	0
3385	Bảo hiểm thất nghiệp	0	0	0	0	0	0
3386	Nhận ký quỹ, ký cược	0	0	0	0	0	0
3387	Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0	0	0	0
3388	Phải trả, phải nộp khác	0	0	0	0	0	0
341	**Vay và nợ thuê tài chính**	**0**	**5.436.152.491**	**3.421.080.920**	**2.471.206.626**	**0**	**4.486.278.197**
3411	Các khoản đi vay	0	5.436.152.491	3.421.080.920	2.471.206.626	0	4.486.278.197
3412	Nợ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
352	**Dự phòng phải trả**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3521	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	0	0	0	0	0	0
3522	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	0	0	0	0	0	0
3524	Dự phòng phải trả khác	0	0	0	0	0	0
353	**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3531	Quỹ khen thưởng	0	0	0	0	0	0
3532	Quỹ phúc lợi	0	0	0	0	0	0

3533	Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	0	0	0	0	0	0
3534	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	0	0	0	0	0	0
356	**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3561	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0
3562	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	0	0	0	0	0	0
	LOẠI TÀI KHOẢN VỐN CHỦ SỞ HỮU						
411	**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**	**0**	**2.000.000.000**	**0**	**0**	**0**	**2.000.000.000**
4111	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	0	2.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000
4112	Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	0	0
4118	Vốn khác	0	0	0	0	0	0
413	**Chênh lệch tỷ giá hối đoái**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
418	**Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
419	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
421	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**	**0**	**17.408.421**	**332.125.886**	**413.522.864**	**0**	**98.805.399**
4211	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	0	0	0	0	0	0
4212	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	0	17.408.421	332.125.886	413.522.864	0	98.805.399
	LOẠI TÀI KHOẢN DOANH THU						
511	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**0**	**0**	**4.928.416.282**	**4.928.416.282**	**0**	**0**
5111	Doanh thu bán hàng hoá	0	0	4.928.416.282	4.928.416.282	0	0
5112	Doanh thu bán thành phẩm	0	0	0	0	0	0
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0	0	0	0	0
5118	Doanh thu khác	0	0	0	0	0	0
515	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**0**	**0**	**194.054**	**194.054**	**0**	**0**
	LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH						
611	**Mua hàng**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
631	**Giá thành sản xuất**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
632	**Giá vốn hàng bán**	**0**	**0**	**4.115.460.922**	**4.115.460.922**	**0**	**0**
635	**Chi phí tài chính**	**0**	**0**	**40.649.690**	**40.649.690**	**0**	**0**
642	**Chi phí quản lý kinh doanh**	**0**	**0**	**691.102.746**	**691.102.746**	**0**	**0**

6421	Chi phí bán hàng	0	0	352.986.600	352.986.600	0	0
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	0	0	338.116.146	338.116.146	0	0
	LOẠI TÀI KHOẢN THU NHẬP KHÁC						
711	**Thu nhập khác**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ KHÁC						
811	**Chi phí khác**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
821	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	TÀI KHOẢN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH						
911	**Xác định kết quả kinh doanh**	**0**	**0**	**5.260.736.222**	**5.260.736.222**	**0**	**0**
	Tổng cộng	**9.181.846.582**	**9.181.846.582**	**55.583.116.908**	**55.583.116.908**	**8.085.195.014**	**8.085.195.014**

Lập ngày 06 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
		NGUYỄN THỊ MINH LÝ

Ghi chú:*Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC.*

HÌNH ẢNH THI CÔNG CÁC LĨNH VỰC CHUYÊN NGÀNH

Công trình Trạm không lưu sân bay Khánh Hòa.

Thi công hạng mục: Tháp không lưu

Dự án:Thi công xây lắp nhà văn phòng 6 tầng bằng kết cấu sàn thép liên hợp.
Địa chỉ: 31-33 Ngô Gia Tự - TP Đà Nẵng

Dự án: Thi công các hạng mục Nhà máy sản xuất ngư lưới cụ Hải Thanh . Diện tích 30.000m2
Địa chỉ: Cụm công nghiệp An Lưu, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Dự án: Thi công các hạng mục Nhà máy sản xuất ngư lưới cụ Hải Thanh . Diện tích 30.000m2
Địa chỉ: Cụm công nghiệp An Lưu, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Dự án: Thi công các hạng mục Nhà máy sản xuất ngư lưới cụ Hải Thanh .
Hạng mục: Nhà văn phòng

Thi công kết cấu thép sàn liên hợp
Công trình Nhà ở vận động viên Đồng xanh Đồng nghệ sở thể thao và du lịch TP Đà Nẵng

NHÀ Ở VẬN ĐỘNG VIÊN

Máy đúc composite tự động Công ty TNHH Nitto Jokaso

Khuôn đúc bồn xử lý nước thải composite
Đường kính ống: D2700mm
Chiều dài ống: 21m

VẬT TƯ CÁC LOẠI ĐƯỢC NHẬP KHO CÔNG TY

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY DAIKU 2019

Nhà ở kết cấu thép liên hợp Ông Dũng
Khu tái định cư Hòa Nhơn năm 2019

Khu nhà xử lý nước thải công ty VinaFOOD (Công ty TNHH Shimizu Việt nam) tổng thầu 2020

Nhà xưởng sản xuất Công ty TNHH May Mặc Xuất Nhập Khẩu Quốc Huy
Thời gian thi công 2022-2023 tại Phú sơn 3, Hòa Khương, Hòa Vang TP Đà Nẵng

Nhà xưởng may và Nhà xưởng cẩu trục, silo Công ty Hòa Hưng Lộc
Cụm Công Nghiệp Đại Hiệp
Thời gian thi công và hoàn thành: năm 2023

AN TOÀN - ĐOÀN KẾT - CHẤT LƯ

KHÁCH SẠN MERCY EMRALD HOTEL

ĐỊA CHỈ: 70-72-74 NGUYỄN VĂN THOẠI ĐÀ NẴNG

Erovhdow

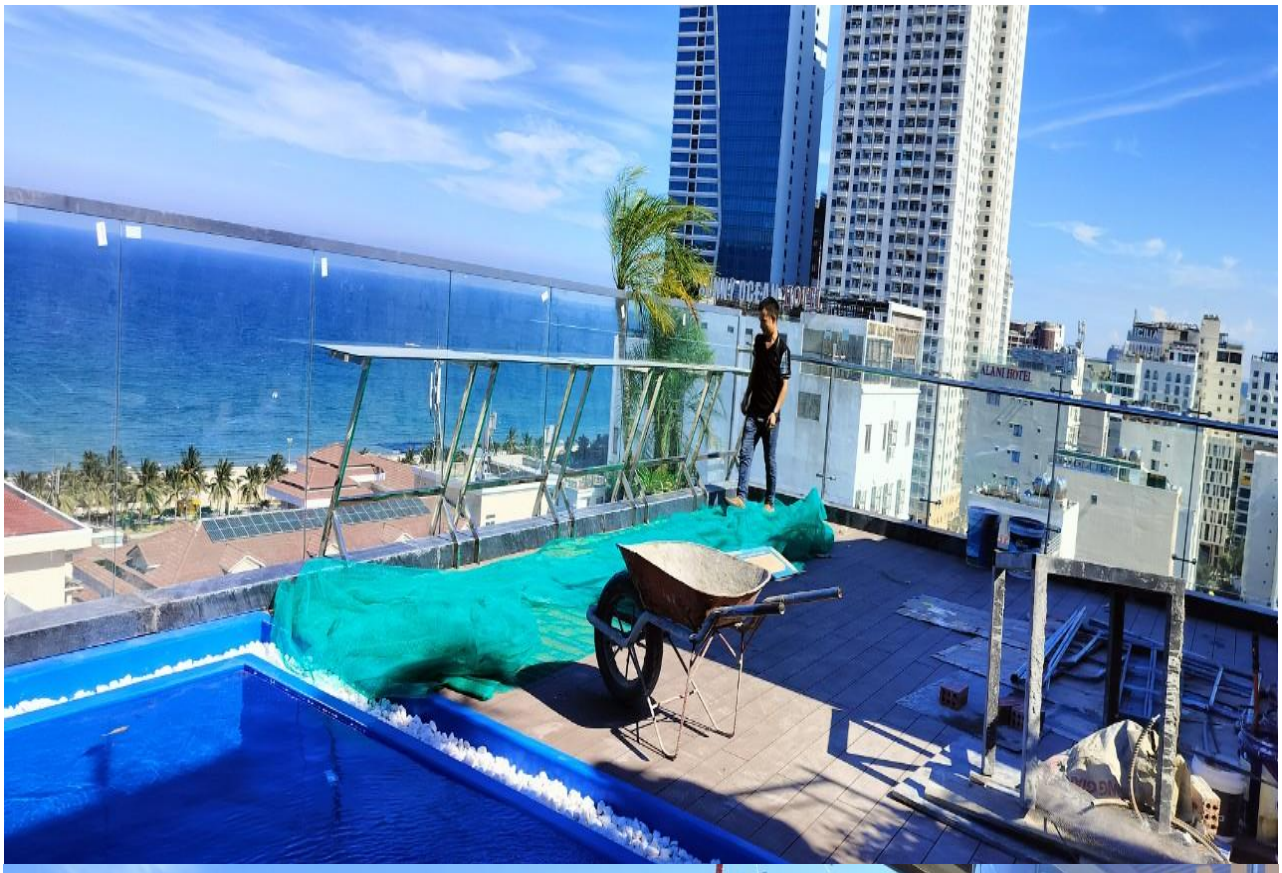

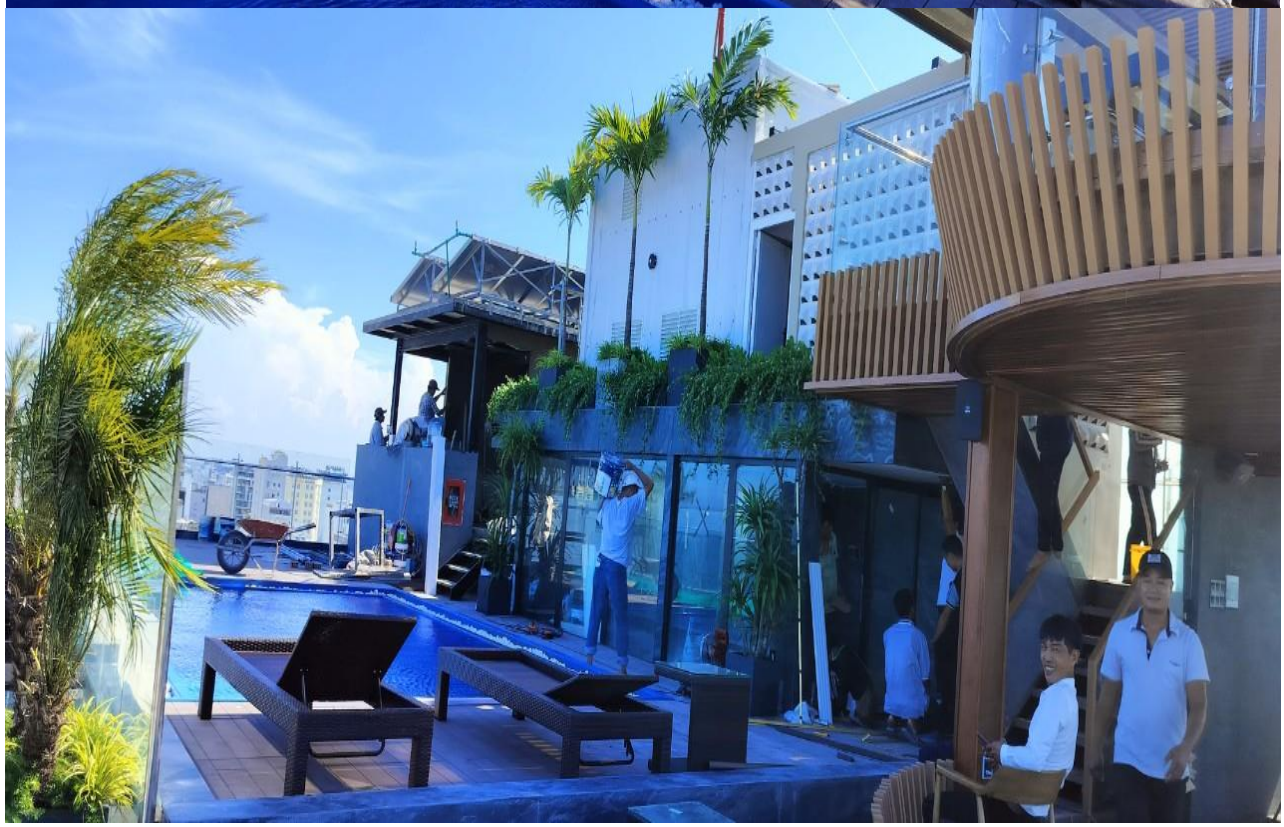

HÌNH ẢNH THI CÔNG LAN CAN MẠ KẼM NHÚNG NÓNG CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, CẦU ĐƯỜNG

HỆ THỐNG LAN CAN

CÔNG TRÌNH: HỒ CHỨA NƯỚC - NƯỚC RÔN

HUYỆN BẮC TRÀ MY TỈNH QUẢNG NAM

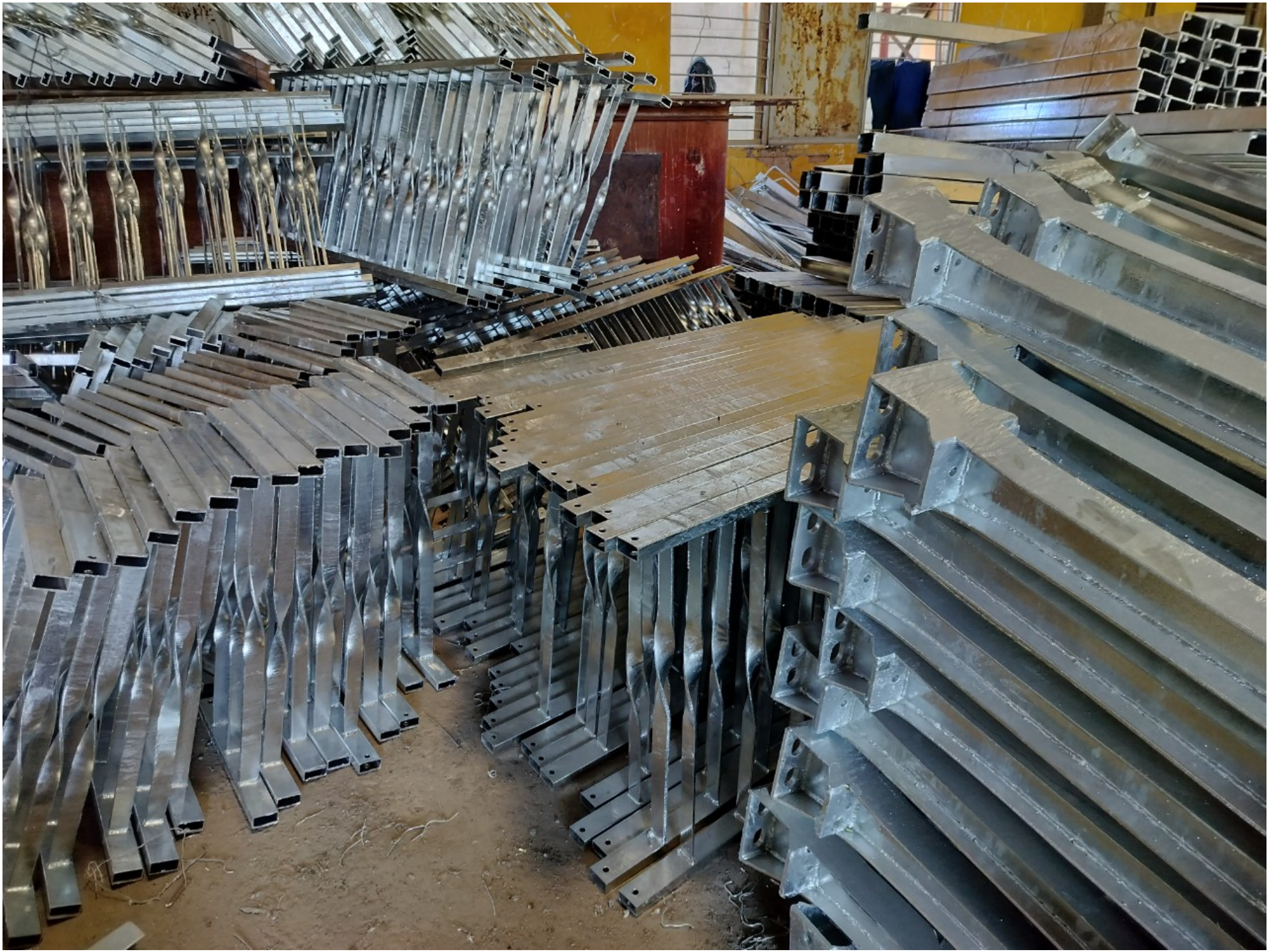

AN TOÀN

AN TOÀN

ĐÀN

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
Địa Chỉ : Thôn Túy Loan Đông, Xã Hòa Phong, Huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: 0905.977.491 / 0905 80 88 69

DANH SÁCH CÁN BỘ CNV CÔNG TY

I. Bộ phận tham mưu:

TT	Họ tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Thâm niên công tác
01	Nguyễn Minh Phương	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	Tham mưu cho Giám đốc về mặt kỹ thuật và giá công trình	>10 năm
02	Trần Thị Lan Trinh	Kỹ sư môi trường	Phụ trách an toàn lao động và tham mưu về mặt pháp lý	> 10 năm
03	Trần Quang Trông	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	Cố vấn kỹ thuật	> 10 năm

II. Bộ phận hành chính nhân sự:

TT	Họ tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Thâm niên công tác
01	Lê Thị Ngọc Trân	Cử nhân kinh tế	Phụ trách chung phòng HC	> 2 năm

III. Bộ phận kế toán:

TT	Họ tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Thâm niên công tác
02	Nguyễn Thị Lành	Cao đẳng kế toán	Kế toán tổng hợp	> 3 năm
03	Trần Văn Minh	Cử nhân kế toán	Kế toán trưởng	13 năm

IV. Bộ phận kỹ thuật:

TT	Họ tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Thâm niên công tác
01	Nguyễn Văn Hòa	Kỹ sư xây dựng	Tham mưu cho Giám đốc về mặt kỹ thuật	> 20 năm
02	Võ Mai Huy	Kỹ sư xây dựng	Chủy Huy trưởng	> 20 năm
03	Phan Hữu Dũng	Kỹ sư xây dựng	Chủy Huy phó	> 15 năm
04	Trần Văn Lân	Kỹ sư Cơ khí Chế tạo máy	Tp. Kỹ thuật	> 10 năm
05	Nguyễn Đức Liễu	Cử nhân Cơ khí Chế tạo	Kỹ thuật	> 7 năm
06	Phan Công Tình	Sơ cấp nghề Kỹ thuật	Kỹ thuật	> 5 năm

		Hàn		
07	Trần Đình Đức	Kỹ sư XD Công trình	Kỹ thuật	> 5 năm
08	Nguyễn Văn Thương	Cư nhân Điện CN/DD	Kỹ thuật	> 8 năm
09	Nguyễn Đình Thể	Cử nhân Cơ khí Chế tạo	Kỹ thuật	> 5 năm
10	Lê Văn Quyền	Sơ cấp Gò – Hàn	Kỹ thuật	> 5 năm
	Bùi Thanh Xuân	Trung cấp Hàn	Kỹ thuật	> 5 năm
11	Nguyễn Thành Nghĩa	Cử nhân Công nghệ Kỹ thuật Cơ Điện tử	Kỹ thuật	> 5 năm
12	Lê Phước Trung	Sơ cấp Nghề Điện kỹ thuật	Trắc địa	> 11 năm
13	Nguyễn Vũ Bảo	Cử nhân Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí Chế tạo	Kỹ thuật	> 6 năm
14	Vũ Văn Tuấn	Sơ cấp nghề Cơ khí Hàn	Kỹ thuật	> 7 năm
15	Lê Ngọc Thọ	Cư nhân Xây Dựng dân dụng Công nghiệp	Kỹ thuật	> 2 năm

V. Bộ phận quản lý:

TT	Họ tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Thâm niên công tác
01	Trần Quang Ba	Sơ cấp nghề Cơ khí	Quản lý công trường	> 5 năm

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ MINH LÝ

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR OF
UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY,
THE UNIVERSITY OF DANANG

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

IN MECHANICAL ENGINEERING

Upon: Mr NGUYEN MINH PHUONG
Date of birth: 01 August 1988
Year of graduation: 2013
Degree classification: Ordinary
Mode of study: Full-time

Danang, 12 August 2013

Reg. No: 2829/13/11C1LT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

cấp

BẰNG KỸ SƯ

NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY

Cho: Ông NGUYỄN MINH PHƯƠNG
Ngày sinh: 01/8/1988
Năm tốt nghiệp: 2013
Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình
Hình thức đào tạo: Chính quy

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2013

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lê Kim Hùng

Số hiệu: 0060934
Số vào sổ cấp bằng: 2829/13/11C1LT

UNIVERSITY OF DA NANG
DA NANG UNIVERSITY OF TECHNOLOGY
INSTITUTE OF MECHANICAL TECHNOLOGY AND AUTOMATION

CERTIFICATE

Mr/Mrs: NGUYEN MINH PHUONG
Born on 01/08/1988 in QUANG NGAI
has successfully completed a training course:

CNC Machine Operations and Programming with WinNC Controls: GE FANUC 21 SINUMERIK 840D

Training time: From 10/12/2012 to 10/02/2013
Grade: Excellent
Issued in accordance with Decission N°:
01/QĐ-VCK&TĐH, dated June, 28th, 2013

Vào sổ số: 01/QĐ-CC
Ngày: 28/06/2013

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
VIỆN CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

Cấp cho: NGUYỄN MINH PHƯƠNG
Ngày sinh: 01/08/1988
Nơi sinh: QUẢNG NGÃI
Đã hoàn thành khóa học:

Lập trình và vận hành máy CNC sử dụng các hệ điều khiển WinNC : GE FANUC 21 SINUMERIK 840D

Thời gian đào tạo: Từ 10/12/2012 đến 10/02/2013
Xếp loại: Xuất sắc
Theo quyết định số: 01/QĐ-VCK&TĐH
Ngày 28 tháng 06 năm 2013

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 06 năm 2013
GIÁM ĐỐC

PGS.TS. TRẦN XUÂN TÙY

Số hiệu bằng

A 0322058

Số vào sổ

0146/02C1ACQ

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1934/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường *Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng*

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUY

ngành *Cơ khí chế tạo máy*

hạng *TB Khá* năm tốt nghiệp *2007*

và công nhận danh hiệu

Kỹ sư

cho *Trần Quang Trọng*

sinh ngày *23/03/1981* tại *Đà Nẵng*

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 08 năm 2007

Hiệu trưởng

PGS. TS. TRẦN VĂN NAM

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số 106 Quyển số 2
Ngày 26 tháng 8 năm 2010
CHỦ TỊCH

Trần Văn Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường *Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng* cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUY
ngành Công nghệ Môi trường
hạng *Khá* năm tốt nghiệp *2007*
và công nhận danh hiệu

Kỹ sư

cho *Trần Thị Lan Trinh*
sinh ngày *01/05/1984* tại *Quảng Nam*
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 08 năm 2007

Hiệu trưởng
Khoa trưởng

POS. TS. TRẦN VĂN NAM

Số hiệu bằng
A 0023522

Số vào sổ
1001/02MTCQ

Chữ ký của người được cấp bằng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2602 Quyển số: 01 - SCT/BS
Ngày: 23-04-2020
CHỦ TỊCH

Trần Văn Thu

GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Số : 66503-2020/CN-ATLĐ

NỘI DUNG HUẤN LUYỆN
- Theo Chương trình khung quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP.

1.Họ và tên : **TRẦN THỊ LAN TRINH**
2.Nam, nữ : **Nữ**
3.Ngày, tháng, năm sinh : **01/05/1984**
4.Quốc tịch: **Việt nam** Số CMND(hộ chiếu): **201810981**
5.Chức vụ: **Cán bộ kỹ thuật** Đối tượng huấn luyện : **Nhóm 2**
6.Đơn vị công tác : **Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Phú Hòa**
7.Đã hoàn thành khóa huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động được tổ chức từ ngày 25 tháng 03 năm 2020
Đến ngày 27 tháng 03 năm 2020
8.Kết quả đạt loại : **Khá**
9.Giấy chứng nhận có giá trị **02 năm**
Từ ngày 27 tháng 03 năm 2020 đến ngày 27 tháng 03 năm 2022
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2020
Nơi cấp Giấy chứng nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN LAO ĐỘNG BÌNH AN

Nguyễn Văn Chí

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số: 6021.9 Quyển số: 01.-SCT/BS
Ngày 29-04-2020
TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG TƯ PHÁP

Trần Thị Bảo Khuyên

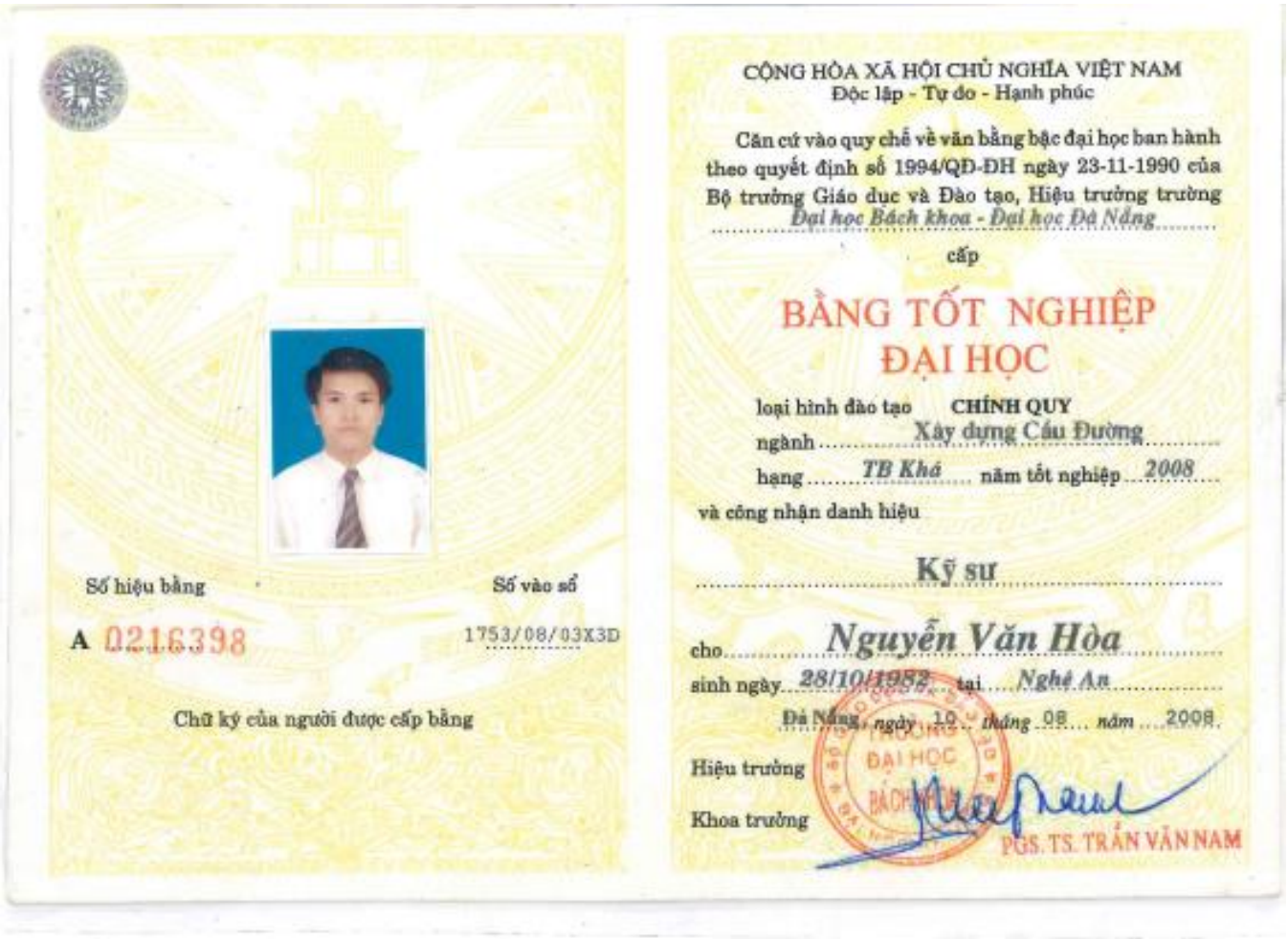

Số hiệu bằng: A 0216398

Số vào sổ: 1753/08/03X3D

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUY
ngành Xây dựng Cầu Đường
hạng TB Khá năm tốt nghiệp 2008
và công nhận danh hiệu

Kỹ sư

cho Nguyễn Văn Hòa
sinh ngày 28/10/1982 tại Nghệ An

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2008

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

PGS. TS. TRẦN VĂN NAM

VIỆN ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG

Chữ ký người được cấp

Chứng nhận ông (bà): **NGUYỄN VĂN HÒA**

Sinh ngày: 28/10/1982 Nơi sinh: Nghệ An

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ

Chỉ huy trưởng công trường xây dựng

Tổ chức từ ngày: 03/03/2014 đến ngày 13/03/2014

Kết quả xếp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2014

GIÁM ĐỐC

QĐ: 02-32/2014/BDCHT

Bùi Văn Thiên

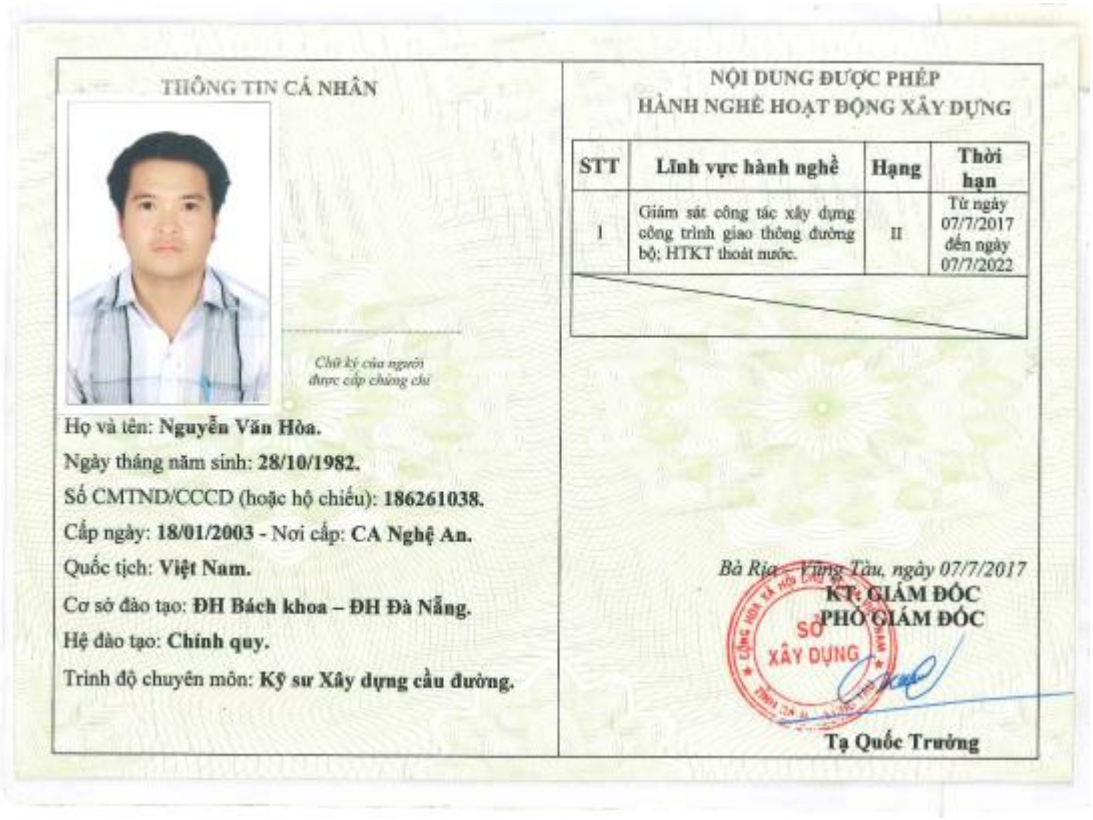

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Nguyễn Văn Hòa.**
Ngày tháng năm sinh: **28/10/1982.**
Số CMTND/CCCD (hoặc hộ chiếu): **186261038.**
Cấp ngày: **18/01/2003** - Nơi cấp: **CA Nghệ An.**
Quốc tịch: **Việt Nam.**
Cơ sở đào tạo: **ĐH Bách khoa – ĐH Đà Nẵng.**
Hệ đào tạo: **Chính quy.**
Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Xây dựng cầu đường.**

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông đường bộ; HTKT thoát nước.	II	Từ ngày 07/7/2017 đến ngày 07/7/2022

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 07/7/2017
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ XÂY DỰNG
Tạ Quốc Trưởng

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
Địa Chỉ : Thôn Túy Loan Đông, Xã Hòa Phong, Huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: 0905.977.491 / 0905 80 88 69

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

- Họ và tên: **Hồ Ngọc Pháp**
- Ngày, tháng, năm sinh: **01/10/1994**
- Số CMND/CCCD: **046094013299**
- Cấp ngày: **28/06/2021** **Cục Cảnh sát QLHC về TTXH**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Cơ sở đào tạo: **Đại học Khoa học - Đại học Huế**
- Hệ đào tạo: **Đại học - Chính quy**
- Trình độ chuyên môn: **Kiến trúc sư**

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Thời hạn
1	Thiết kế Kiến trúc công trình	Từ ngày 02/12/2022 đến 02/12/2032

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 12 năm 2022

GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Phùng Phú Phong

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 0488 ...Quyển số: 01-SCT/BS
Ngày: 15-02-2023
...Ủ TỊCH
...- HỘ TỊCH

Trần Thị Hoa

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Stt	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Định giá xây dựng	III	17/03/2025
2	Thiết kế Kết cấu công trình DD&CN	III	
3	Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật	III	
4			
5			
6			

Họ và tên: Phạm Hữu Dũng
Ngày tháng năm sinh: 09/08/1988
Số CMND (hoặc hộ chiếu): 205301562
Cấp ngày: 7/11/2019
Tại: C.An Quảng Nam
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Kiến trúc ĐN
Hệ đào tạo: Chính quy
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD DD&CN

Tam Kỳ, ngày 17/03/2020
Giám đốc

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH QUẢNG NAM

Nguyễn Phú

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

SAIGON INSTITUTE
OF ECONOMICS AND TECHNOLOGY

confers

THE DEGREE OF ASSOCIATE

Upon: Ms. Nguyen Thi Lanh
Born on: 07/08/1990
Major in: Accounting
Ranking: Average good
Mode of study: Full time

Serial number:
Reference number:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KINH TẾ - KỸ THUẬT SÀI GÒN

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
CAO ĐẲNG

Cho: Bà. Nguyễn Thị Lành
Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 07/08/1990
Ngành đào tạo: Kế Toán
Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá
Hình thức đào tạo: Chính qui

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2011

Hiệu trưởng

GSTSKH Phạm Phú

Số hiệu: A 102869
Số vào sổ cấp bằng: 167 /KTCĐ

Số hiệu bằng

B.....

Số vào sổ

0045/96C1B

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường *Đại học kỹ thuật - Đại học Đà nẵng*

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo..... CHÍNH QUY .....
ngành..... *Cơ khí Chế tạo máy* .....
hạng..... *TBình* ..... năm tốt nghiệp..... 2001

và công nhận danh hiệu

Kỹ Sư

cho..... ***Trần Văn Lân***
sinh ngày..... *12/01/74* ..... tại..... *Đà Nẵng*

Đà nẵng ngày 27 tháng 07 năm 2001

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

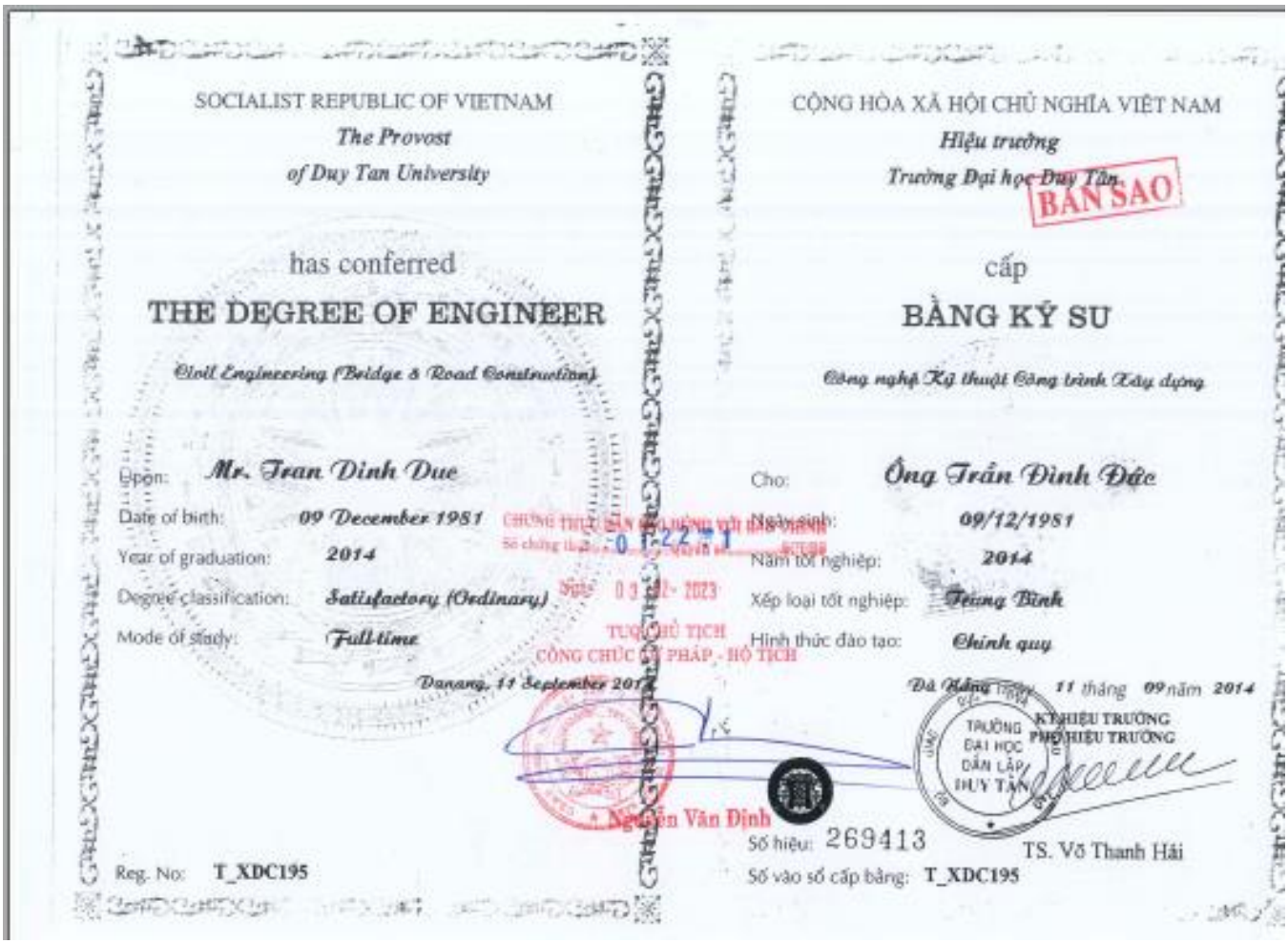

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
The Provost
of Duy Tan University

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Civil Engineering (Bridge & Road Construction)

Upon: *Mr. Tran Dinh Duc*
Date of birth: *09 December 1981*
Year of graduation: *2014*
Degree classification: *Satisfactory (Ordinary)*
Mode of study: *Full-time*

Danang, 11 September 2014

Reg. No: T_XDC195

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Hiệu trưởng
Trường Đại học Duy Tân

BẢN SAO

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng

Cho: *Ông Trần Đình Đức*
Ngày sinh: *09/12/1981*
Năm tốt nghiệp: *2014*
Xếp loại tốt nghiệp: *Trung Bình*
Hình thức đào tạo: *Chính quy*

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 09 năm 2014

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Thanh Hải

Số hiệu: 269413
Số vào sổ cấp bằng: T_XDC195

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
Địa Chỉ : Thôn Túy Loan Đông, Xã Hòa Phong, Huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng, Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NĂNG LỰC THI CÔNG CHUNG

TT	Số HĐ	Tên Hợp đồng	Ngày/tháng	Giá trị HĐ	Địa điểm XD	Ghi chú
01	Số : 1402/HĐKT/TTD-TTMEC	Gia công lan can thép, khung thép mạ kẽm, hoàn thiện cửa thép chống cháy tại khu công viên phần mềm số 2, khối tòa nhà 8 tầng	12/4/2021	480.456.011	phườngThuận Phước, quận Hải Châu tp Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV Trương Tuấn Dũng
02	17.5/2022/HĐKT/CK-TTMEC	Gia công lắp dựng nhà thép tiền chế	03/2022	821.944.798	235 Hải Phòng Đà Nẵng	Công ty tnhh Tư Vấn Thiết Kế và Xây Dựng CK
03	05/2020/HĐKT	Gia công lắp dựng hoàn chỉnh kết cấu thép, xà gồ, lợp mái nhà ở và nhà ăn vận động viên	08/10/2020	605.000.000	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang Đà Nẵng	Công ty CP Xây Dựng và Phát Triển Kinh Tế Tiền Phong
04	02/12/2020/HĐKT/ST-TTMEC	Vệ sinh tàu, làm sạch các khoang két và hầm máy,bảo dưỡng toàn bộ các thiết bị trên 3 tàu RoRo5612	02/12/2020	6.733.980.000	Tại 3 tàu RoRo5612	Tổng công ty Sông Thu
05	10/2022/HĐKT/TP-T.T.MEC	Nhà Đa Năng trường tiểu học Tô Hiến Thành	29/9/2022	329.919.000	Phường Hòa Qúy, Quận Ngũ Hành Sơn, tp Đà Nẵng	Công ty CP XD & Phát Triển Kinh Tế Tiền Phong Đà Nẵng
06	811/2023/HĐKT/HHL-T.T.MEC	Thi công khung kết cấu thép, sàn thao tác, silo, gàu tải khu vực tách quang đầu vào	08/11/2023	817.365.390	Cụm cn Đại Hiệp, xã Đại Hiệp,huyện Đại Lộc, tỉnh Quang Nam	Công ty tnhh MTV sản xuất vật liệu và thương mại Hòa Hưng Lộc
07	2505/HĐKT/2023/PH-T.T.MEC	Gia công lan can cầu	05/2023	391.641.954	Khu tái định cư Đồng Gò Tre – xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ,tỉnh Quảng Ngãi	Công ty CP Xây Dựng Phú Hòa
08	01.05/HĐKT/2023/HG-T.T.MEC	Gia công lắp dựng dầm dẫn và dầm cầu trục 3 tấn khẩu độ 25m	15/5/2023	473.440.000	Xã Hòa Nhơn, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Thương Mại Hà Giang
09	410/2023/HĐKT/HHL T.T.MEC	Thi công khung thép cầu trục khu tẩy rửa cát	04/10/2023	371.882.471	Cụm cn Đại Hiệp, xã Đại Hiệp,huyện Đại Lộc, tỉnh Quang Nam	Công ty tnhh MTV sản xuất vật liệu và thương mại Hòa Hưng Lộc
10	01.08/HĐKT/2022/QH-T.T.MEC	Gia công lắp dựng nhà xưởng	08/2023	793.008.443	Xã Hòa Khương, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Công ty TNHH H&N TRANS
11	2202/2018/HĐKT	Cung cấp máy móc thiết bị	26/2/2019	6.050.000.000	KCN Điện Nam , Điện Ngọc, tx Điện	Công ty TNHH Dệt Lưới Hồng Hải

					Bàn, tỉnh Quảng Nam	
12	11.12/2019/HT-TTM	Thi công lắp đặt nhà hoàn thiện xưởng sản xuất công ty Ngư Lưới cụ Hải Thanh	11/12/2019	440.000.000	Cụm CN An Lưu, P. Điện Nam Đông, TX Điện Bàn T. Quảng Nam	Công ty TNHH MTV Ngư Lưới Cụ Hải Thanh
13	04.09/2019/HĐKT/HT=TTM	Thi công lắp đặt khung sườn nhà xưởng	26/9/2019	6.652.800.000	Cụm CN An Lưu, P. Điện Nam Đông, TX Điện Bàn T. Quảng Nam	Công ty TNHH MTV Ngư Lưới Cụ Hải Thanh
14	01.06/HĐKT/2023/QH-TMEC	Thi công xây lắp hoàn thiện nhà xưởng may	06/02/2023	2.101.000.000	Xã Hòa Khương, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Công ty TNHH May Mặc Xuất Nhập Khẩu Quốc Huy

Ngày 20 tháng 02 năm 2023

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0401850491 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ MINH LÝ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 04.6/**2019/HT-TTM**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11, được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 01/07/2006

- Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/ QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày … tháng 6 năm 2019 tại văn phòng Công ty TNHH Cơ khí & Chế tạo máy T.T.MEC, chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV NGƯ LƯỚI CỤ HẢI THANH

Địa chỉ: Lô C4 Cụm CN An Lưu, P.Điện Nam Đông, TX.Điện Bàn, T.Quảng Nam

Điện thoại : 0912 122 934 Fax : .....

Tài khoản số: ....., Tại .....

Mã số thuế : 4001097986

Đại diện : **B**à Phạm Thị Xinh Chức vụ : **Giám đốc**

II. Bên nhận gia công (BÊN B): CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Địa chỉ : Túy Loan Đông , Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng, Việt nam

Điện thoại : 0511.3783879 Fax : 0511.3783680

Tài khoản số: 2008201006845, Tại NH Agribank Hòa Vang.

Mã số thuế : 0401850491

Đại diện : **Bà Nguyễn Thị Minh Lý** Chức vụ : **Giám đốc**

Sau khi xem xét hồ sơ thiết kế, thực tế hiện trường thi công và năng lực của các bên tham gia, chúng tôi cùng thống nhất ký hợp đồng các nội dung sau:

Điều 1: Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận thi công lắp dựng hoàn thiện nhà thép tiền chế khu công nghiệp Bình Phục Thăng Bình thuộc dự án Nhà Máy chế biến bánh và rau củ. Kích thước và chất lượng theo yêu cầu bản vẽ bên A cung cấp.

Điều 2: Hình thức giao thầu, tiến độ và giá trị

2.1 Bên B nhận khoán gọn toàn bộ các chi phí về nhân công (bao gồm chi phí trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tai nạn … và các chi phí hợp pháp khác cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật) để thực hiện thi công xây lắp hoàn thành công trình theo yêu cầu hồ sơ thiết kế và tiêu chuẩn của dự án.

2.2 Khối lượng và đơn giá:

Thiết kế thi công xây lắp hoàn thiện khu nhà máy sản xuất Ngư Lưới cụ Hải thanh Lô C4 cụm công nghiệp An Lưu, Phường điện Nam Đông, TX Điện Bàn, T.Quảng Nam: Khối lượng cụ thể như sau:

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	**ĐƯỜNG LOẠI 1 (196 x23) m**				**926,220,000**
1	Bê tông mặt đường, đá 1x2, dày 15cm, mác 250	m3	220.80	2,050,000	452,640,000
2	Ván khuôn mặt đường bê tông	m2	33.00	300,000	9,900,000
3	Giấy dầu chống thấm	m2	1,472.00	14,000	20,608,000
4	Làm móng cấp phối đá dăm Dmax 25 dày 20cm	m3	294.40	560,000	164,864,000
5	Đắp nền đường máy đầm, độ chặt yêu cầu K=0,95	100m3	14.72	1,950,000	28,704,000
6	Lu tăng cường nền đường đất tự nhiên|+cấp phối	100m2	14.72	1,750,000	25,760,000
7	GCLD thép d8a200 tăng cường cho nền	tấn	11.78	19,000,000	223,744,000
II	**ĐƯỜNG LOẠI 2 (125x12) m**				**432,240,000**
1	Bê tông mặt đường, đá 1x2, dày 15cm, mác 250	m3	92.16	2,050,000	188,928,000
2	Ván khuôn mặt đường bê tông	m2	22.56	300,000	6,768,000
3	Giấy dầu chống thấm	m2	768.00	14,000	10,752,000
4	Làm móng cấp phối đá dăm lớp trên dày 20cm	m3	153.60	560,000	86,016,000
5	Đắp nền đường máy đầm, độ chặt yêu cầu K=0,95	100m3	7.68	1,250,000	9,600,000
6	Lu tăng cường nền đường đất tự nhiên	100m2	7.68	1,750,000	13,440,000
7	GCLD thép d8a200 tăng cường cho nền	tấn	6.14	19,000,000	116,736,000
III	**ĐƯỜNG SAU NHÀ (72x1.0) m**				**18,768,000**
1	Bê tông mặt đường, đá 1x2, dày 10cm, mác 150	m3	7.20	1,650,000	11,880,000
2	Ván khuôn mặt đường bê tông	m2	7.60	300,000	2,280,000
3	Giấy dầu chống thấm	m2	72.00	14,000	1,008,000
4	Dọn dẹp sửa chữa mặt bằng	m2	72.00	50,000	3,600,000
IV	**PHẦN MÓNG NHÀ XƯỞNG**				**746,150,000**

1	Xây tường thẳng quanh xưởng bằng gạch Block bê tông rỗng (20x20x40)cm, chiều dày 20cm, chiều cao 0.8 m, vữa XM mác 75	m3	144.24	1,050,000	151,452,000
2	Trát tường trong, dày 2,0 cm, vữa XM mác 75	m2	370.40	80,000	29,632,000
3	Đào móng công trình, chiều rộng móng <=6 m, bằng máy đào <=0,8 m3, đất cấp II	100m3	5.56	2,600,000	14,456,000
4	Sửa hố móng thủ công	m3	55.6	200,000	11,120,000
5	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt yêu cầu K=0,90 (chưa bao gồm đất đắp nền móng nếu thiếu)	100m3	2.78	4,500,000	12,510,000
6	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bêtông lót móng, dầm giằng, đá 4x6, chiều rộng <=250 cm, mác 100	m3	31.1	1,300,000	40,391,000
7	Bê tông sản xuất qua dây chuyền trạm trộn tại hiện trường hoặc thương phẩm, đổ bằng bơm bê tông, bê tông móng, dầm móng, mác 250	m3	75.46	2,050,000	154,693,000
8	GCLD Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ cột chống sắt, cho móng, cổ móng	100m2	5.04	17,000,000	85,680,000
9	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ, chống sắt cho dầm móng	100m2	3.14	10,500,000	32,970,000
10	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép móng, dầm móng	tấn	10.77	19,800,000	213,246,000
V	**NỀN NHÀ XƯỞNG**				**3,987,261,000**
1	Sửa mặt bằng máy kết hợp thủ công, lu nền máy đất hiện trạng k=0.95	m2	4,430	15,000	66,450,000
2	Giấy dầu chống thấm 2 lớp	m2	8,860	14,000	124,040,000
3	Làm móng cấp phối đá dăm lớp dày 15cm	m3	664.50	560,000	372,120,000
4	Chèn ke bằng sikaflex	sum	1.00	20,000,000	20,000,000
5	Bê tông nền đá 1x2, dày 15cm, mác 250	m3	664.50	2,050,000	1,362,225,000
6	Ván khuôn mặt đường bê tông	100m2	2.85	10,000,000	28,548,000
7	Xoa mặt nền nhà xưởng	m2	4,430	15,000	66,450,000
8	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép nền nhà fi 10 2 lớp	Tấn	53	15,800,000	839,928,000
9	Quét nền nhà xưởng thi công sơn sàn Epoxy gốc nước – SuKa	m2	4,430	250,000	1,107,500,000

	ERW 103 I – Hệ lăn: 1 lót + 3 phủ				
VI	**THI CÔNG NHÀ XƯỞNG**				**6,279,228,900**
1	Khung kết cấu thép	kg	150,234	25,850	3,883,548,900
2	Tôn lợp các loại 5zem	m2	12,560	104,000	1,306,240,000
3	Cửa các loại	m2	274.00	1,060,000	290,440,000
4	Công trình phụ trợ	m2	850.00	940,000	799,000,000
	TỔNG				**12,389,900,000**
	THUẾ GTGT 10%				**1,238,990,000**
	TỔNG CỘNG				**13,628,890,000**

Số tiền bằng chữ: mười ba tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng.?.

* Đơn giá được áp dụng cố định trong quá trình thực hiện hợp đồng.

2.3 Tiến độ thi công/ thực hiện công việc

- Thời gian dự kiến: 28**0** ngày từ ngày *(Thời gian tính bắt đầu từ ngày bên A bàn giao mặt bằng cho bên B là 30 ngày)*

- Nếu chậm tiến độ 1 ngày bên A căn cứ phạt bên B số tiền : **2.000.000đ/ngày** (Một triệu đồng/ 1 ngày)

Điều 3: Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình.

-Trình tự các bước nghiệm thu, quản lý chất lượng công trình tuân thủ theo các quy định của chủ đầu tư, nhà thầu chính, tư vấn giám sát về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Việc nghiệm thu được tiến hành theo từng bộ phận trong công trình

- Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và được sự đồng ý của các bên liên quan.

- Công trình chỉ được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế và được chủ đầu tư xác nhận, đảm bảo chất lượng, an toàn và đạt các tiêu chuẩn theo quy định của chủ đầu tư.

Điều 4: Hình thức thanh toán

4.1 Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản

4.2 Phương thức thanh toán:

4.2.1 Tạm ứng:

- Tạm ứng lần 1 sau khi hợp đồng ký kết và bàn giao mặt bằng Bên A tạm ứng bên B 15% giá trị Hợp đồng.

- Tạm ứng lần 2 sau khi Hoàn thiện mặt bằng đường nền móng với 25% giá trị Hợp đồng.

- Tạm ứng lần 3 sau khi hoàn thiện nền móng tường và vật tư kết cấu chuyển ra công trình 20% giá trị của hợp đồng.

- Tạm ứng làn sau khi hoàn thiện lắp đặt nhà xưởng xây dựng tường và thi công hoàn thiện lắp đặt thiết bị 30%.

- Số tiền còn lại sẽ được khấu trừ và thanh toán nốt khi bên B hoàn trả cho bên A hóa đơn VAT 10%, chứng chỉ xuất xứ sản phẩm đã được đưa vào công trình và bên A được chủ đầu tư nghiệm thu đưa vào sử dụng.

4.2.2 Thanh toán hàng tháng

-Vào ngày 30 hàng tháng, bên B có trách nhiệm làm khối lượng thanh toán, khối lượng đề nghị thanh toán này được tính từ ngày 30 tháng trước đến ngày 29 của thàng này, và được xác nhận bởi cán bộ kỹ thuật của bên A và gửi về Kế toán của bên A.

4.3 Hồ sơ thanh toán

+ Biên bản đối chiếu công nợ.

+ Biên bản xác nhận khối lượng.

+ Chứng minh thư công nhân trong danh sách đính kèm hợp đồng này (Bản phô tô/ công chứng) Hoặc Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lý (nếu có)

+ Chứng chỉ xuất xứ chất lượng sản phẩm mà bên B cung cấp để thi công công trình cho bên A.

Điều 5: Bảo hiểm

- Bên B phải mua bảo hiểm vật tư, thiết bị của mình, phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba.

- Bên B có trách nhiệm đào tạo an toàn lao động và tự chịu trách nhiệm an toàn lao động cho 100% người lao động của bên B tham gia xây dựng công trình.

Điều 6: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng trong hoạt động xây dựng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng, giải quyết.

- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Điều 7: Bất khả kháng

7.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất , bão lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến

tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh....và các thảm họa khác chưa lường hết được , sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra

- Thông báo ngay cho bên kia về sự bất khả kháng, thời gian trong vòng 07 ngày sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng

7.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

Điều 8: Tạm dừng hoặc hủy bỏ hợp đồng

8.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng

- Do lỗi bên giao thầu hoặc bên nhận thầu gây ra

- Các trường hợp bất khả kháng khác

- Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết trước 03 ngày và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây ra thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục.

8.2. Hủy bỏ hợp đồng

- Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

- Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ.Nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường.

- Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền mà bên vi phạm hợp đồng gây nên.

Điều 9: Phạt khi vi phạm hợp đồng.

- Bên B vi phạm về chất lượng phạt 100% giá trị thanh toán cho phần việc hay công tác bị vi phạm về chất lượng.

- Trong quá trình thi công, bên B không bố trí được số lượng công nhân tương ứng để đảm bảo tiến độ thi công đề ra hoặc bên A phải gửi 3 lần thông báo yêu cầu về việc trên, Bên B bị coi là vi phạm hợp đồng và phạt 10% giá trị đã thanh toán theo hợp đồng. Trong trường hợp đó, trong vòng 03 ngày sau khi bên A yêu cầu dừng thi công, bên B phải bàn giao toàn bộ vật liệu do bên A cấp đồng thời tự có trách nhiệm bảo vệ trang thiết bị, dụng cụ lao động của bên B tại công trường. Qua thời gian trên nếu bên B không tiến hành bàn giao, bên A sẽ chủ động lấy lại vật tư đã cấp và bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu xảy ra hao hụt, mất mát.

- Bên B vi phạm về tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi bên A gây ra, bên B sẽ chịu phạt 1% giá trị hợp đồng nhân với số ngày chậm tiến độ. Qua thời gian 10 ngày mà bên B vẫn chưa hoàn thiện, bên A có quyền đưa bên thứ 3 vào thi công, mọi chi phí phát sinh do bên B chịu trách nhiệm thanh toán và trừ trực tiếp vào hồ sơ Quyết tóan.

- Bên B vi phạm do không hoàn thành đầy đủ số lượng sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu của hợp đồng thì bên B bằng kinh phí của mình (bao gồm vật tư, nhân công …) làm lại cho đủ và đúng chất lượng.

- Bên A chậm thanh tóan không do lỗi của bên B thì sẽ phải chịu phạt theo điều khoản thanh toán ở trên.

Điều 10: Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của bên A

- Cung cấp điện nước thi công, điện nước sinh hoạt trên công trường.

- Cung cấp nhà ở và kho chứa vật tư.

- Quản lý thống nhất mặt bằng xây dựng sau khi bàn giao.

- Tổ chức bảo vệ an ninh trật tự trong phạm vi công trình.

- Bàn giao mặt bằng thi công cho bên B

- Bàn giao mọi hồ sơ, bản vẽ, tài liệu cần thiết cho bên B

- Kiểm tra,giám sát khối lượng, chất lượng thi công công trình, cung cấp bản vẽ biện pháp thi công, và các bản vẽ biện pháp thi công khác liên quan được phê duyệt và đôn đốc nhà thầu thực hiện theo biện pháp thi công.

- Cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu về công trình theo tiến độ thi công và đề xuất của bên B.

- Bên A tự chịu trách nhiệm làm, hoàn thiện các công tác nghiệm thu, hoàn công,...theo quy định về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Bảo trì công trình theo Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015.

- Bên A có quyền yêu cầu Bên B tăng số lượng nhân công nếu thấy Bên B không đảm bảo tiến độ theo yêu cầu.

- Có quyền yêu cầu Bên B dừng hoạt động và chuyển giao cho bên thứ ba nếu Bên B thi công không đúng yêu cầu hoặc không tăng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

2. Trách nhiệm của bên B

- Bên B phải chịu trách nhiệm chuẩn bị số lượng nhân công và trình độ tay nghề để đảm bảo hoàn thành về kỹ thuật xây công trình,bảo đảm thi công theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, phù hợp với tiêu chuẩn xây dựng, quy trình quy phạm và yêu cầu kỹ mỹ thuật trong xây dựng.

- Bên B tự cấp dụng cụ thi công và nhân công đảm bảo tiến độ thi công theo yêu cầu của Bên A.

- Thi công đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ được phê duyệt mà bên A cung cấp, đảm bảo yêu cầu chất lượng, kỹ thuật mỹ thuật của công trình. Tuân thủ sự giám sát , hướng dẫn về kỹ thuật của bên A

- Chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho máy móc thiết bị và cho người lao động.

- Chịu trách nhiệm bảo hành công trình theo quy định của Nhà nước (thời gian 12 tháng)

- Thực hiện đầy đủ các chế độ Nhà nước quy định đối với người lao động làm việc tại công trình.

- Bên B tự chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật nhà nước về các hành vi vi phạm pháp luật bởi bất kỳ công nhân nào của bên B.

- Kỹ thuật bên A và bên B phối hợp với nhau để lập bản vẽ biện pháp thi công và các hồ sơ phục vụ thi công khác.

* **Lưu ý**:

- Không được uống bia, rượu, chơi bài dưới mọi hình thức, không gây gổ đánh nhau trong công trường thi công.

- Nếu sai phạm: lần thứ 1 nhắc nhở và phạt 01 triệu đồng. Lần thứ 2 vi phạm phạt 05 triệu đồng và không được tiếp tục thi công đồng thời ra khỏi công trường thi công.

Điều 11: Điều khoản khác

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 03 bản, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau, và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
M.S.D.N: 0401850491 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	M.S.D.N: 4001097986 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGƯ LƯỚI CỤ HẢI THANH TỈNH QUẢNG NGÃI
GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Thị Minh Lý	Phạm Thị Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

"Gia công lan can thép, khung thép mạ kẽm, hoàn thiện cửa thép chống cháy tại khu công viên phần mềm số 2, khối toà nhà 8 tầng ICT1 tại Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng"

Số: *1402/HĐKT/TTD-TTM*

- *Căn cứ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*
- *Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;*
- *Căn cứ nghị định 03/2008/NĐ – CP ngày 07/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.*
- *Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng*
- *Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT – BXD ngày 10/03/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng;*

Hôm nay, ngày 12 tháng 04 năm 2021, tại văn phòng **Công ty TNHH MTV Trương Tuấn Dũng,** chúng tôi gồm có:

BÊN A (BÊN GIAO KHOÁN): CÔNG TY TNHH MTV TRƯƠNG TUẤN DŨNG

Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ 2B, P. Hòa Thọ Đông, Q. Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng

Đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ái Hoa Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0917515687

Tài khoản số: 1012854214 – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) – Chi nhánh Đà Nẵng.

Mã số thuế: 0401589713

BÊN B (BÊN NHẬN KHOÁN): CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Địa chỉ: Thôn Túy Loan Đông, Xã Hòa Phong, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 02363780680 Fax.....

Mã số thuế: 0401850491

Đại diện pháp luật : Nguyễn Thị Minh Lý

Chức vụ: Giám đốc

Số tài khoản: 2008201006845 Ngân hàng Agribank Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng thi công xây dựng với các nội dung sau:

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG CÔNG VIỆC:

Bên A đồng ý giao cho bên B thi công Gia công lan can thép, khung thép mạ kẽm, hoàn thiện cửa thép chống cháy tại khu công viên phần mềm số 2, khối toà nhà 8 tầng ICT1 tại Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Bên B cam kết sẽ thực hiện Hợp đồng đảm bảo tiến độ, đúng chất lượng, an toàn, tuân thủ các quy định của pháp luật.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG:

- Thời gian thực hiện : Trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng.

- Công việc hoàn thành có nghĩa là Bên B phải hoàn tất mọi việc việc thi công để Bên A xác nhận nghiệm thu.

ĐIỀU 3: ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU

- Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc, từng bộ phận công trình xây dựng, từng giai đoạn thi công, từng hạng mục công trình, toàn bộ công trình. Các công việc bị che khuất phải được nghiệm thu và thể hiện bằng bản vẽ lắp dựng trước khi tiến hành các công việc tiếp theo.

- Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo quy định. Công trình chỉ được nghiệm thu khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

ĐIỀU 4: GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC TẠM ỨNG, THANH TOÁN

4.1. Giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT) : 480.456.011 đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi nghìn, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm mười một đồng./.).

- Trong quá trình thi công nếu có phát sinh phần khối lượng công việc ngoài hợp đồng thì hai bên cùng nhau thỏa thuận thống nhất khối lượng phát sinh thực tế và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

4.2. Phương thức tạm ứng, thanh toán:

- **Đợt 1:** Bên A sẽ tạm ứng cho bên B 30% giá trị hợp đồng nếu bên B cung cấp đề nghị tạm ứng cho bên A, chứng từ như sau:

+ Giấy đề nghị tạm ứng.

- **Đợt 2:** Bên A thanh toán cho bên B đến 100% giá trị công việc hoàn thành và bên B cung cấp cho bên A các chứng từ sau:

+ Giấy đề nghị thanh toán

+ Hóa đơn VAT.

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán : Việt Nam đồng.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG

5.1. Trách nhiệm bên A :

- Bàn giao toàn bộ mặt bằng thi công cho bên B.

- Cung cấp thiết kế bản vẽ thi công phần cơ sở hạ tầng có xác nhận của bên A và thống nhất về vật liệu xây dựng cho phần thi công để làm cơ sở thi công và nghiệm thu sau này.

- Tổ chức giám sát hoặc thuê đơn vị tư vấn giám sát việc thi công tại công trình.

- Kiểm tra đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ.

- Thanh toán cho bên B theo đúng tiến độ thanh toán trong hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm bên B :

- Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng.

- Thi công đúng theo thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt do bên A cấp và đúng tiến độ như trong hợp đồng mà hai bên đã cam kết.

- Tuân thủ và chấp hành đúng theo yêu cầu của giám sát kỹ thuật bên A về các vấn đề có liên quan đến kỹ thuật và chất lượng công trình.

- Thực hiện công tác nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ thanh toán theo hồ sơ quy định của bên A.

- Định kì báo cáo tiến độ thi công, nhân lực, thiết bị chính để thi công công trình

- Bên B sử dụng lao động phải có chứng chỉ an toàn lao động tại công trình do các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền cấp. Trong quá trình thi công bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xảy ra thiệt hại về con người và máy móc, thiết bị.

- Bên B phải có trách nhiệm với các khoản chi phí vật tư, nhân công mà bên B sử dụng nhằm đáp ứng các hạng mục công trình đã ký với bên A.

- Sau khi thi công hoàn thiện công trình, bên B có trách nhiệm dọn sạch và đưa đi tất cả các thiết bị, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác thải và công trình tạm ra khỏi khu vực công trình thi công, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho công trình.

- Triển khai công tác bảo trì, bảo hành công trình trong thời gian bảo hành công trình.

ĐIỀU 6: PHẠT CHẬM TIẾN ĐỘ:

Khi Bên B không thực hiện đúng tiến độ theo thời gian quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B bị phạt 2% giá trị phần công việc bị chậm tiến độ cho mỗi tuần chậm tiến độ nhưng không vượt quá 8% giá trị phần công việc bị chậm tiến độ.

ĐIỀU 7: TẠM NGỪNG HOẶC HỦY BỎ HỢP ĐỒNG

7.1. Tạm ngừng thực hiện hợp đồng

Một trong các bên có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Các trường hợp bất khả kháng.

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra.

- Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận.

- Một trong các bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên có lỗi biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết.

- Trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng sẽ dựa trên mức thiệt hại do việc tạm dừng thực hiện hợp đồng gây ra .

7.2. Hủy bỏ hợp đồng

Các trường hợp sau các sau đây các bên được quyền hủy bỏ hợp đồng này:

- Do sự thỏa thuận của các bên.

- Do lỗi của một trong các bên vi phạm các điều khoản ký kết trong hợp đồng này hoặc pháp luật có quy định. Trong trường hợp này các bên phải tạm dừng hợp đồng để tìm phương án giải quyết, nếu không tìm được phương án giải quyết thì sẽ thống nhất hủy bỏ hợp đồng. Bên có lỗi phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia và các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan (nếu có).

- Trường hợp một trong các bên tự ý hủy bỏ hợp đồng mà không thông báo cho bên kia thì bên tự ý hủy bỏ hợp đồng cũng phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại

ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hoả hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, ... và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam..

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 03 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên Bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

ĐIỀU 09: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này được thanh lý khi bên B hoàn thành khối lượng công việc được giao, có biên bản nghiệm thu hoàn thiện được bên A xác nhận và cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán công trình theo yêu cầu.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản và nghĩa vụ đã nêu trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết. Nếu không thống nhất được thì hai bên chọn Toà án kinh tế Thành phố Đà Nẵng để được xét xử giải quyết. Quyết định của Toà án kinh tế Thành phố Đà Nẵng là cơ sở pháp lý cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến toà án.

- Những vấn đề nào không được đề cập trong hợp đồng sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản: bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
M.S.D.N: 0401589713 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯƠNG TUẤN DŨNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	M.S.D.N: 0401850... - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Ái Hoa	Nguyễn Thị Minh Lý

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số 1402/HĐKT/TTD-TTM)

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gia công lan can bằng thép	tấn	3,053	26.137.257	79.797.046
2	Lắp dựng lan can	m2	164,143	136.637	22.428.007
3	Sơn tĩnh điện lan can cầu thang (Bao gồm : VL+NC hoàn thiện)	m	156,327	68.928	10.775.307
4	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	1,403	51.300	71.974
5	Gia công khung thép mạ kẽm tại vị trí mái đón khu vực công cộng	tấn	0,056	27.978.053	1.566.771
6	Cung cấp và lắp đặt hoàn thiện cửa thép chống cháy 2 cánh mở quay. Độ dày cánh 50mm. Thép làm cánh dày 1,0mm, thép làm khung dày 1,2mm . Vật liệu bên trong cánh là tấm MgO. Thời gian chống cháy thời gian 120 phút (Bao gồm đồng bộ kèm theo: Tay co thủy lực, tay kéo chữ C, ô kính trong suốt chống cháy EI120, bản lề inox, chốt âm, Doorsill inox 304...) (Hoặc tương đương)	m2	66,528	4.842.158	322.139.087
	CỘNG				**436.778.192**
	THUẾ GTGT 10%				**43.677.819**
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ (LÀM TRÒN)				**480.456.011**

(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi nghìn, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm mười một đồng./.).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-------o0o--------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(Số :17.5/2022/ HĐKT/ CK-MEC)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 ngày 24/11/2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc Hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH 11 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006.

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày…. Tháng…. năm 2022 tại Văn phòng Công ty TNHH Cơ khí & Chế tạo máy T.T.MEC, chúng tôi gồm có:

BÊN A (BÊN THUÊ): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CK

- Địa chỉ : 1176/5 Trường Chinh - Hòa Phát - Cẩm Lệ - TP.Đà Nẵng
- Mã số thuế : 0401799397
- Số tài khoản: 19035773957028 tại ngân hàng Teachcombank - Chi nhánh Đà Nẵng
- Đại diện : Ông **Nguyễn Cảnh** Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : 0904511121

BÊN B (BÊN THI CÔNG): Công ty TNHH Cơ khí và chế tạo máy T.T.MEC

- Mã số thuế : **0401850491**
- Người đại diện : Ông **Trần Quang Trông** Chức vụ: P.Giám đốc
- Địa chỉ : Thôn Túy Loan Đông- Xã Hòa Phong- Huyện Hòa Vang- Đà Nẵng.
- Tài khoản số: 2008201006845, Tại Agribank Hòa Vang, TP Đà Nẵng
- SĐT: **0905808869**

Sau khi xem xét hồ sơ thiết kế, thực tế hiện trường thi công và năng lực của các bên tham gia, chúng tôi cùng thống nhất ký hợp đồng các nội dung sau:

Điều 1: Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận gia công lắp dựng nhà thép tiền chế tạiso 235 Hải Phòng, Đà Nẵng. Kích thước quy cách và chất lượng theo yêu cầu bản vẽ bên A cung cấp.

Điều 2: Hình thức giao thầu, tiến độ và giá trị

2.1 Bên B nhận khoán gọn toàn bộ các chi phí để thực hiện thi công xây lắp hoàn thành công trình theo yêu cầu hồ sơ thiết kế và thỏa thuận 2 bên.

2.2 Khối lượng và đơn giá:

STT	Nội dung	Quy cách	kích thước	ĐVT	Slượng T.bộ	kl đơn vị	kl toàn bộ	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	KẾT CẤU NHÀ						**19,115.78**			
A	TRỤ CHÍNH									
	Bu lông móng	f24	750	bộ	76	2.66	202.39	280,000	21,280,000	
1	trụ 1-2,A-B	I298x149x6x8	8237	thanh	4	263.58	1,054.34	32,500	34,265,920	
	Bản đế	-12	200x320	tấm	8	6.03	48.23	32,500	1,567,540	
	Gân	-6	280x65	tấm	48	0.86	41.14	32,500	1,336,920	
2	Trụ 3,A-B	I298x149x6x8	8837	thanh	2	282.78	565.57	32,500	18,380,960	
	Bản đế	-12	200x320	tấm	4	6.03	24.12	32,500	783,770	
	Gân	-6	280x65	tấm	12	0.86	10.28	32,500	334,230	
3	Trụ 4,A-B	I298x149x6x8	8117	thanh	2	259.74	519.49	32,500	16,883,360	
	Bản đế	-12	200x320	tấm	4	6.03	24.12	32,500	783,770	
	Gân	-6	280x65	tấm	12	0.86	10.28	32,500	334,230	
4	Trụ 5,A-B	I298x149x6x8	8628	thanh	2	276.10	552.19	32,500	17,946,240	
	Bản đế	-12	200x320	tấm	4	6.03	24.12	32,500	783,770	
	Gân	-6	280x65	tấm	12	0.86	10.28	32,500	334,230	
5	Trụ 6,A-A'-B	I249x125x5x8	11685	thanh	3	300.30	900.91	32,500	29,279,689	
	Bản đế	-12	200x270	tấm	6	5.09	30.52	32,500	991,965	
	Gân	-6	240x65	tấm	24	0.74	17.64	32,500	573,300	
6	Trụ 7,A-A'-B	I249x125x5x8	12105	thanh	3	311.10	933.30	32,500	30,332,104	
	Bản đế	-12	200x270	tấm	6	5.09	30.52	32,500	991,965	
	Gân	-6	240x65	tấm	24	0.74	17.64	32,500	573,300	
7	Trụ 8,A-A'-B	I249x125x5x8	12824	thanh	3	329.58	988.73	32,500	32,133,738	
	Bản đế	-12	200x270	tấm	6	5.09	30.52	32,500	991,965	
	Gân	-6	240x65	tấm	24	0.74	17.64	32,500	573,300	
8	Cột cấy	I198x99x4.5x7	1350	thanh	4	24.57	98.28	32,500	3,194,100	
	Bản đế	-12	200x270	tấm	8	5.09	40.70	32,500	1,322,620	
B	DẦM TẦNG LỮNG +3000							32,500	0	
1	dầm dọc liên kết trụ	I198x99x4.5x7	2876	thanh	6	52.34	314.06	32,500	10,206,924	
	Bích liên kết dầm	-10	200x150	tấm	12	2.36	28.26	32,500	918,450	

2	dầm ngang liên kết trụ	I198x99 x4.5x7	3500	thanh	6	63.70	382.20	32,500	12,421,500	
	Bích liên kết dầm	-10	200x150	tấm	12	2.36	28.26	32,500	918,450	
3	dầm liên kết dầm	I150x75 x4.5x7	3189	thanh	3	44.65	133.94	32,500	4,352,985	
	Bích liên kết dầm	-8	200x150	tấm	6	1.88	11.30	32,500	367,380	
4	dầm liên kết dầm	I150x75 x4.5x7	3048	thanh	4	42.67	170.69	32,500	5,547,360	
	Bích liên kết dầm	-8	200x150	tấm	8	1.88	15.07	32,500	489,840	
5	dầm liên kết dầm	I150x75 x4.5x7	1142	thanh	2	15.99	31.98	32,500	1,039,220	
	Bích liên kết dầm	-8	200x150	tấm	4	1.88	7.54	32,500	244,920	
B	DẦM TẦNG 1 +4000							32,500	0	
1	dầm dọc liên kết trụ 1-2	I249x12 5x5x8	3179	thanh	2	81.70	163.40	32,500	5,310,520	
		-10	250x150	tấm	8	2.94	23.55	32,500	765,440	
1		I249x12 5x5x8	1235	thanh	3	31.74	95.22	32,500	3,094,601	
		-10	250x150	tấm	6	tầng 2.94	17.66	32,500	574,080	
		I298x14 9x6x8	3389	thanh	1	108.45	108.45	32,500	3,524,560	
		-12	300x150	tấm	2	4.24	8.48	32,500	275,535	
		I198x99 x4.5x7	6050	thanh	1	110.11	110.11	32,500	3,578,575	
		-10	250x150	tấm	2	2.94	5.89	32,500	191,360	
		I298x14 9x6x8	5895	thanh	11	188.64	2,075.04	32,500	67,438,800	
		-12	300x150	tấm	22	4.24	93.26	32,500	3,030,885	
		I298x14 9x6x8	4050	thanh	3	129.60	388.80	32,500	12,636,000	
		-12	300x150	tấm	6	4.24	25.43	32,500	826,605	
1		I249x12 5x5x8	6000	thanh	2	154.20	308.40	32,500	10,023,000	
		-10	250x150	tấm	4	2.94	11.78	32,500	382,720	
5	dầm liên kết dầm	I150x75 x4.5x7	2938	thanh	26	41.13	1,069.43	32,500	34,756,540	
	Bích liên kết dầm	-8	300x150	tấm	56	2.83	158.26	32,500	5,143,320	
5		I150x75 x4.5x7	3775	thanh	3	52.85	158.55	32,500	5,152,875	
		-8	300x150	tấm	12	2.83	33.91	32,500	1,102,140	
2	dầm ngang liên kết trụ	I198x99 x4.5x7	3500	thanh	6	63.70	382.20	32,500	12,421,500	
	Bích liên kết dầm	-10	200x150	tấm	12	2.36	28.26	32,500	918,450	
3	dầm liên kết dầm	I150x75 x4.5x7	3189	thanh	3	44.65	133.94	32,500	4,352,985	

	Bích liên kết dầm	-8	300x150	tấm	6	2.83	16.96	32,500	551,070	
4	dầm liên kết dầm	I150x75 x4.5x7	3048	thanh	4	42.67	170.69	32,500	5,547,360	
	Bích liên kết dầm	-8	300x150	tấm	8	2.83	22.61	32,500	734,760	
5	dầm liên kết dầm	I150x75 x4.5x7	1142	thanh	2	15.99	31.98	32,500	1,039,220	
	Bích liên kết dầm	-8	300x150	tấm	4	2.83	11.30	32,500	367,380	
		I198x99 x4.5x7	3100	thanh	3	56.42	169.26	32,500	5,500,950	
		-10	200x150	tấm	6	2.36	14.13	32,500	459,225	
B	DẦM TẦNG 2 +5.800							32,500	0	
		I198x99 x4.5x7	3500	thanh	6	63.70	382.20	32,500	12,421,500	
		-10	200x150	tấm	12	2.36	28.26	32,500	918,450	
		I198x99 x4.5x7	2987	thanh	6	54.36	326.18	32,500	10,600,863	
		-10	200x150	tấm	12	2.36	28.26	32,500	918,450	
	dầm liên kết dầm	I150x75 x4.5x7	3050	thanh	8	42.70	341.60	32,500	11,102,000	
		-8	200x150	tấm	16	1.88	30.14	32,500	979,680	
	dầm liên kết dầm	I150x75 x4.5x7	1040	thanh	1	14.56	14.56	32,500	473,200	
		-8	200x150	tấm	2	1.88	3.77	32,500	122,460	
B	DẦM TẦNG 3 +8.800							32,500	0	
		I198x99 x4.5x7	3500	thanh	6	63.70	382.20	32,500	12,421,500	
		-10	200x150	tấm	12	2.36	28.26	32,500	918,450	
		I198x99 x4.5x7	2987	thanh	9	54.36	489.27	32,500	15,901,295	
		-10	200x150	tấm	18	2.36	42.39	32,500	1,377,675	
	dầm liên kết dầm	I150x75 x4.5x7	3050	thanh	9	42.70	384.30	32,500	12,489,750	
		-8	200x150	tấm	18	1.88	33.91	32,500	1,102,140	
	dầm liên kết dầm	I150x75 x4.5x7	1040	thanh	2	14.56	29.12	32,500	946,400	
		-8	200x150	tấm	4	1.88	7.54	32,500	244,920	
B	DẦM MÁI							32,500	0	
1	dầm dọc liên kết trụ 1-2	I249x12 5x5x8	4680	thanh	2	120.28	240.55	32,500	7,817,940	
		-10	250x150	tấm	8	2.94	23.55	32,500	765,440	
1		I249x12 5x5x8	6050	thanh	8	155.49	1,243.88	32,500	40,426,100	
		-10	250x150	tấm	16	2.94	47.10	32,500	1,530,880	
	kèo chính	I249x12	5236	thanh	2			32,500	8,746,738	

		5x5x8				134.57	269.13			
		-12	300x150	tấm	4	4.24	16.96	32,500	551,070	
		I249x12 5x5x8	12160	thanh	2	312.51	625.02	32,500	20,313,280	
		-12	300x150	tấm	4	4.24	16.96	32,500	551,070	
	dầm phụ	I249x12 5x5x8	6000	thanh	2	154.20	308.40	32,500	10,023,000	
		-12	300x150	tấm	4	4.24	16.96	32,500	551,070	
		I249x12 5x5x8	7150	thanh	3	183.76	551.27	32,500	17,916,113	
		-12	300x150	tấm	12	4.24	50.87	32,500	1,653,210	
	Bu lông lắp dầm cb 8.8	M20x70		bộ	582			32,500	18,915,000	
	Bu lông lắp dầm cb 6.8	M16x60		bộ	288			12,300	3,542,400	
	XÀ GỒ MÁI CHE									
	Xà gồ mái	50x100x 1.8	6000	thanh	32	4.12	791.04	32,500	25,708,800	
	Tôn lợp xốp 4.5 zem xanh ngọc			m2	185		-	235,000	43,475,000	
	Diềm đỉnh, bao			md	99			125,000	12,375,000	
	Máng xối			md	14			320,000	4,480,000	
	Khung lá xách chắn nước			m2				850,000		tính thực tế
	Tôn sàn deck			m2	240			265,000	63,600,000	
	Hàn thép cấy dầm			cái				15,000		tính thực tế
E	**CẦU THANG**									
	Cầu thang chính (không thi công gỗ)						-			
	Thân thang U200x50 nhấn 5ly	-5	300x8900		2	125.76	251.51	32,500	8,174,205	
	tấm bậc chữ z 3 ly	-5	310x1000	cái	22	12.17	267.70	32,500	8,700,120	
	bậc chiếu nghĩ	-5	960x1000	cái	1	37.68	37.68	32,500	1,224,600	
	thanh tăng cứng chiếu nghĩ	30x30x1 .4	100	thanh	2	1.26	2.52	32,500	81,900	
	Bích liên kết thang - dầm-đế	-10	200x300	tấm	6.00	4.71	28.26	41,000	1,158,660	
	bu lông nền	f14	350	bộ	4			85,000	340,000	
	Cầu thang tầng lững +4000 (không thi công gỗ)			md	4.80			980,000	4,704,000	

	Cầu thang tầng lững +5.800 (không thi công gỗ)			md	2			980,000	1,960,000	
	Cầu thang trục 6-7 (không thi công gỗ) 2 bộ			md	9			980,000	8,820,000	
	TỔNG						**20,494**		**821,944,798**	

Giá trị tính làm tròn 810.000.000 VNĐ theo hồ sơ thiết kế đã thống nhất giữa 2 bên.

* Đơn giá được áp dụng cố định trong quá trình thực hiện hợp đồng.

2.3 Tiến độ thi công/ thực hiện công việc:

- Thời gian dự kiến: gia công 30-35 ngày *(Thời gian tính bắt đầu từ ngày bên A bàn giao mặt bằng cho bên B và Bên B nhận được tiền tạm ứng).*

Điều 3: Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình.

-Trình tự các bước nghiệm thu, quản lý chất lượng công trình tuân thủ theo các quy định của chủ đầu tư, nhà thầu chính, tư vấn giám sát về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Việc nghiệm thu được tiến hành theo từng bộ phận trong công trình.

- Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và được sự đồng ý của các bên liên quan.

- Công trình chỉ được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế và được chủ đầu tư xác nhận, đảm bảo chất lượng, an toàn và đạt các tiêu chuẩn theo quy định của chủ đầu tư.

Điều 4: Hình thức thanh toán

4.1 Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt- hoặc chuyển khoản.

4.2 Phương thức thanh toán:

- Lần đầu bên A sẽ tạm ứng cho bên B 30% giá trị hợp đồng sau khi ký.(Kèm theo bảo lãnh ngân hàng).

- Lần thứ 2 bên A sẽ tạm ứng cho bên B giá trị 10% hợp đồng sau khi bên B đã tiến hành sản xuất xong toàn bộ khối lượng theo hợp đồng + sơn hoàn thiện và vận chuyển đến chân công trình chuẩn bị lắp dựng.

- Lần thứ 3 tạm ứng tiếp 10 % trước khi lợp tôn mái và sàn deck.

- Lần thứ 4 thanh toán tiếp 20% giá trị sau khi hoàn thiện lợp mái.

- Lần thứ 5 thanh toán 27% còn lại sau khi nghiệm thu kỹ thuật, và xuất chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình 3% của ngân hàng đang hoạt động theo luật pháp Việt Nam cấp.

4.3 Hồ sơ thanh toán

+ Biên bản đối chiếu công nợ.

+ Biên bản xác nhận khối lượng.

+ Chứng minh thư công nhân trong danh sách đính kèm hợp đồng này (Bản phô tô/ công chứng) Hoặc Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lý (nếu có)

Điều 5: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng trong hoạt động xây dựng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng, giải quyết.

- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Điều 6: Bất khả kháng

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất , bão lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh….và các thảm họa khác chưa lường hết được , sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra

- Thông báo ngay cho bên kia về sự bất khả kháng, thời gian trong vòng 07 ngày sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng

6.2.Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

Điều 7: Tạm dừng hoặc hủy bỏ hợp đồng

7.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng

- Do lỗi bên giao thầu hoặc bên nhận thầu gây ra

- Các trường hợp bất khả kháng khác

- Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận

- Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết trước 03 ngày và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây ra thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục.

7.2. Hủy bỏ hợp đồng

- Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

- Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ.Nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường.

- Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền mà bên vi phạm hợp đồng gây nên.

Điều 8: Phạt khi vi phạm hợp đồng.

- Bên B vi phạm về chất lượng phạt 100% giá trị thanh toán cho phần việc hay công tác bị vi phạm về chất lượng.

- Trong quá trình thi công, bên B không bố trí được số lượng công nhân tương ứng để đảm bảo tiến độ thi công đề ra hoặc bên A phải gửi 3 lần thông báo yêu cầu về việc trên, Bên B bị coi là vi phạm hợp đồng và phạt 10% giá trị đã thanh toán theo hợp đồng. Trong trường hợp đó, trong vòng 03 ngày sau khi bên A yêu cầu dừng thi công, bên B phải bàn giao toàn bộ vật liệu do bên A cấp đồng thời tự có trách nhiệm bảo vệ trang thiết bị, dụng cụ lao động của bên B tại công trường. Qua thời gian trên nếu bên B không tiến hành bàn giao, bên A sẽ chủ động lấy lại vật tư đã cấp và bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu xảy ra hao hụt, mất mát.

- Bên B vi phạm về tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi bên A gây ra, bên B sẽ chịu phạt 0.05% giá trị hợp đồng nhân với số ngày chậm tiến độ. Qua thời gian 10 ngày mà bên B vẫn chưa hoàn thiện, bên A có quyền đưa bên thứ 3 vào thi công, mọi chi phí phát sinh do bên B chịu trách nhiệm thanh toán và trừ trực tiếp vào hồ sơ Quyết tóan.

- Bên B vi phạm do không hoàn thành đầy đủ số lượng sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu của hợp đồng thì bên B bằng kinh phí của mình (bao gồm vật tư, nhân công …) làm lại cho đủ và đúng chất lượng.

- Bên A chậm thanh tóan không do lỗi của bên B thì sẽ phải chịu phạt theo điều khoản thanh toán ở trên.

Điều 9: Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của bên A

- Cung cấp điện nước thi công, điện nước sinh hoạt trên công trường.

- Quản lý thống nhất mặt bằng xây dựng sau khi bàn giao.

- Tổ chức bảo vệ an ninh trật tự trong phạm vi công trình.

- Bàn giao mặt bằng thi công cho bên B

- Bàn giao mọi hồ sơ, bản vẽ, tài liệu cần thiết cho bên B

- Kiểm tra,giám sát khối lượng, chất lượng thi công công trình, cung cấp bản vẽ biện pháp thi công, và các bản vẽ biện pháp thi công khác liên quan được phê duyệt và đôn đốc nhà thầu thực hiện theo biện pháp thi công.

- Bên A tự chịu trách nhiệm làm, hoàn thiện các công tác nghiệm thu, hoàn công,...theo quy định về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Bảo trì công trình theo Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015.

- Bên A có quyền yêu cầu Bên B tăng số lượng nhân công nếu thấy Bên B không đảm bảo tiến độ theo yêu cầu.

- Có quyền yêu cầu Bên B dừng hoạt động và chuyển giao cho bên thứ ba nếu Bên B thi công không đúng yêu cầu hoặc không tăng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

- Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B đúng theo Điều 4 của Hợp đồng. Nếu bên A thanh toán không đúng theo điều khoản thanh toán của hợp đồng sẽ ảnh hưởng tiến độ công việc Bên B không chịu khoảng thời gian chậm trễ trên.

2. Trách nhiệm của bên B

- Bên B phải chịu trách nhiệm chuẩn bị số lượng nhân công và trình độ tay nghề để đảm bảo hoàn thành về kỹ thuật xây công trình,bảo đảm thi công theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, phù hợp với tiêu chuẩn xây dựng, quy trình quy phạm và yêu cầu kỹ mỹ thuật trong xây dựng.

- Bên B tự cấp dụng cụ thi công và nhân công đảm bảo tiến độ thi công theo yêu cầu của Bên A.

- Thi công đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ được phê duyệt mà bên A cung cấp, đảm bảo yêu cầu chất lượng, kỹ thuật mỹ thuật của công trình. Tuân thủ sự giám sát , hướng dẫn về kỹ thuật của bên A

- Chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho máy móc thiết bị và cho người lao động tại công trường thi công.

- Chịu trách nhiệm bảo hành công trình theo quy định của Nhà nước (thời gian 12 tháng)

- Thực hiện đầy đủ các chế độ Nhà nước quy định đối với người lao động làm việc tại công trình.

- Bên B tự chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật nhà nước về các hành vi vi phạm pháp luật bởi bất kỳ công nhân nào của bên B.

- Trong thời gian thi công tại công trường Bên B phải đảm bảo có kỹ thuật xuyên suốt giám sát và chịu trách nhiệm kỹ thuật hiện trường.

- Kỹ thuật bên A và bên B phối hợp với nhau để lập bản vẽ biện pháp thi công và các hồ sơ phục vụ thi công khác.

Điều 10: Điều khoản khác

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 03 bản, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau, và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

(V/v:Gia công, lắp dựng hoàn thiện Nhà ở và nhà ăn Vận động viên)

Số:05/2020/HĐKT

CÔNG TRÌNH : ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC HẠNG MỤC CƠ BẢN, THIẾT YẾU TẠI CÂU LẠC BỘ ĐUA THUYỀN ĐỒNG NGHỆ

GIỮA

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TIỀN PHONG ĐÀ NẴNG

VÀ

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật dân sự sô 33/2005/QH11, ngày 14/06/2006.

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003.

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện.

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về QLDA đầu tư xây dựng công trình

- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2004/NĐ-CP.

- Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

- Nhu cầu và khả năng của hai bên:

PHẦN II - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 08 tháng 10 năm 2020, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TIỀN PHONG ĐÀ NẴNG

Đại diện : Ông **NGUYỄN CHÁNH VUI** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : 79 Nguyễn Công Trứ, P.An Hải Bắc, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng
Điện thoại : 0236 3831792 Fax: 0236 3831792
Mã số thuế : 0400 467 222
Tài khoản : 2001201030348 tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Nam Đà Nẵng

BÊN B: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Đại diện : Bà **NGUYỄN THỊ MINH LÝ** Chức vụ: Giám Đốc
Địa chỉ : Túy Loan Đông II, Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 0236.3783879 Fax: 02363783680
Mã số thuế : 0401850491
Tài khoản : 2008201006845
Tại : Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Hòa Vang , TP Đà Nẵng

Hai bên chấp thuận và cùng nhau thống nhất kí Hợp Đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1:NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG:

Bên A đồng ý giao và bên B nhận gia công và lắp dựng hoàn chỉnh kết cấu thép, GCLĐ xà gồ, lợp mái Nhà ở và Nhà ăn Vận động viên theo đúng hồ sơ, chất lượng quy cách đúng theo bản vẽ thiết kế thi công với bảng tính khối lượng và thành tiền chi tiết kèm theo.

ĐIỀU2: VẬT LIỆU, PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG:

2.1- Vật liệu chính: Thép tấm và thép hình để gia công kết cấu thép 2 khối nhà do bên A cung cấp đến xưởng cho bên B.

- Phạm vi công việc bên B phải thi công bao gồm: Gia công, hàn, sơn lót, sơn màu hoàn thiện, vật tư phụ, vận chuyển và lắp dựng hoàn thiện toàn bộ khối nhà ở và nhà ăn vận động viên, hàn râu sắt để xây tường theo yêu cầu bản vẽ kỹ thuật của Chủ đầu tư, tư vấn giám sát và Bên A.

- Các nội dung công việc của bên B được thể hiện chi tiết ở bảng phụ lục chi tiết kèm theo như: định vị bulong móng, Gia công, lắp dựng hoàn thiện kết cấu cột, dầm, kèo thép 2 khối nhà (kể cả vật tư phụ) trải tôn sàn Deck, cầu thang thép, GCLD xà gồ, lợp mái, giằng mái…

- Bên A chỉ cung cấp vật tư chính như thép hình, thép tấm để gia công, xà gồ, tôn lợp mái, tôn trải sàn Deck, bulong

- Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn phần Nhân công, phương tiện, dụng cụ, máy móc thi công, vật tư phụ, sơn lót, sơn hoàn thiện, siêu âm đường hàn…

2.2 - Chất lượng thi công: Đáp ứng theo yêu cầu hồ sơ thiết kế được duyệt của công trình và các quy trình, quy phạm liên quan.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN :

3.1 - Thời gian bắt đầu: Từ khi hợp đồng được ký kết và từ ngày bên A cấp thép đến xưởng cho bên B (có giấy xác nhận giao nhận thép giữa 2 bên và vật tư được cấp đồng bộ theo yêu cầu của Bên B).

3.2 - Tiến độ thực hiện:

* Thời gian định vị bulong neo móng: Theo yêu cầu thời gian của bên A và được thông báo cho bên B trước 1 ngày. Trong quá trình đổ bê tông cổ trụ và dầm móng, bên B có trách nhiệm bố trí kĩ thuật phối hợp với bên A để kiểm tra, định vị chính xác vị trí bulong theo thiết kế.

* Nhà ở Vận động viên: GCLĐ hoàn chỉnh tại công trình trong vòng 20-25 ngày (kể từ ngày bên A cấp thép đến xưởng cho bên B)

Trong đó: Gia công và vận chuyển đến công trình trong vòng 15-17 ngày

Lắp đặt hoàn chỉnh tại công trình trong vòng 5-7 ngày (trừ những ngày mưa và phải có thông báo xác nhận của kỹ thuật bên A)

* Nhà ăn Vận động viên: GCLĐ hoàn chỉnh tại công trình sau Nhà ở VĐV lắp đặt là 7-10 ngày trừ những ngày mưa.

Trong đó: Gia công và vận chuyển đến xưởng trong vòng 2-3 ngày sau Nhà ở VĐV lắp đặt

Lắp đặt hoàn chỉnh tại công trình trong vòng 3-4 ngày (trừ những ngày mưa và phải có thông báo xác nhận của kỹ thuật bên A)

3.3 - Dừng, tạm dừng thi công theo tiến độ: việc bên B không hoàn thành đúng tiến độ trong các trường hợp sau sẽ không được coi là bên B dừng hoặc chậm trễ tiến độ thi công.

+ Sự kiện bất khả kháng mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lụt, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh…

+ Yêu cầu tạm dừng thi công của bên A hoặc Chủ đầu tư bằng văn bản.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC TRAO ĐỔI THÔNG TIN GIỮA HAI BÊN KHI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

4.1 - Hai bên cùng nhau phác thảo sơ đồ tổ chức liên lạc trong đó quy định một cách rõ ràng đường liên lạc và cách thức được chấp thuận giữa hai bên.

4.2 - Hình thức liên lạc giữa hai bên trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thứ tự ưu tiên sẽ bao gồm:

- Công văn
- Fax, điện thoại
- Email

4.3 Bên A sẽ bảo đảm rằng:

4.3.1 – Tất cả các yêu cầu đối với Bên B sẽ được gửi đến cho người đại diện, người được ủy quyền của Bên B bằng công văn, Fax, hoặc Email.

4.3.2 - Tất cả các thông tin liên quan đến hạng mục công việc của Bên B trong Hợp đồng này phải được sao một bản cho Bên B, để Bên B biết được đầy đủ các thông tin.
4.3.3 - Các thông tin liên lạc có tính chất quan trọng phải được thực hiện bằng Fax hoặc bằng thư.
4.4 – Bên B phải đảm bảo rằng :
Tất cả trao đổi với Bên A của Bên B phải được người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền của Bên B xác nhận và chuyển đến cho Bên A bằng Fax, thư đồng thời gửi cho Công ty.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU

5.1 - Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu công việc cho Bên B căn cứ theo tiến độ và giao hàng của bên B và được Bên A chấp thuận.
5.2 - Các hạng mục công việc chỉ được nghiệm thu khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định được Tư vấn giám sát hiện trường chấp thuận

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

6.1- Hình thức thanh toán : chuyển khoản

6.2– Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam

6.3 - Hồ sơ thanh toán :

- Biên bản nghiệm thu có xác nhận của bên A, bên B.
- Biên bản đối chiếu công nợ.
- Hóa đơn GTGT theo quy định.

6.4 – GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG THỜI GIAN THANH TOÁN:

- Giá trị hợp đồng: **605.000.000đ (có bảng chi tiết kèm theo)**

(Sáu trăm lẻ năm triệu đồng chẵn)

Giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế VAT

- Tạm ứng: từng đợt theo khối lượng thực tế công việc hoàn thành, trong đó:

  - Gia công và vận chuyển đến công trình: tạm ứng 35% giá trị theo khối lượng thực tế công việc hoàn thành

  - Lắp đặt hoàn chỉnh tại công trình: tạm ứng 45% giá trị theo khối lượng thực tế công việc hoàn thành

  Khối lượng thực tế hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu xác nhận giữa 2 bên (bên A và bên B)

- Thời gian thanh toán: Sau khi công trình được Chủ đầu tư nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, và bên B cung cấp đầy đủ hóa đơn thanh toán hợp lệ

ĐIỀU 7: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

7.1 - Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
7.2 - Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Phí trọng tài Bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG

8.1 - Sự kiện bất khả kháng là sự việc xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, luc, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,.... Và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.....

8.2 – Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
8.2.1 - Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do các sự kiện bất khả kháng gây ra.
8.2.2 – Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
8.2.3 - Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

ĐIỀU 9: THIẾT BỊ CỦA BÊN B

9.1 - Bên B sẽ chịu trách nhiệm đối với tất cả các thiết bị của mình để hoàn thiện sản phẩm..
9.2 - Bên B phải bảo đảm rằng các thiết bị do Bên B gia công phải trong điều kiện hoạt động tốt và phải có ngay trang thiết bị thay thế trong bất kỳ trường hợp nào máy móc hỏng.

ĐIỀU 10: AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

10.1 - Bên B phải trang bị dụng cụ an toàn và bảo hộ lao động cho cán bộ và công nhân tại nhà xưởng cũng như công trường. Mọi sự vi phạm những quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề an toàn lao động Bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm
10.2 - Bên B phải thực hiện tất cả các bước hợp lý để bảo vệ môi trường để hạn chế thiệt hại và phiền toái tới con người và tài sản do kết quả từ sự ô nhiễm, tiếng ồn và hậu quả gây ra từ hoạt động thi công của bên B
10.3 - Bên B sẻ đảm bảo việc phát ra khí thải, chất thải bề mặt gây ra từ các hoạt động của Bên B không vượt quá các chỉ số được quy định trong tiêu chuẩn kỹ thuật và sẽ không vượt quá các chỉ số được quy định bởi các luật liên quan của nhà nước Việt Nam.

ĐIỀU 11: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

11.1 - Tổ chức kĩ thuật nhận bản vẽ thi công.
11.2 - Bên B có trách nhiệm quản lý và bảo vệ vật tư, nguyên liệu, thiết bị thi công an toàn lao động và sinh hoạt của công nhân, cán bộ kỹ thuật của Bên B trong nhà xưởng cũng như trên công trường xây dựng.
11.3 - Các phương tiện lao động, thiết bị thi công, xe máy và nhân công của Bên B khi ra vào công trường phải được đăng ký với bên A, và phải có giấy chứng nhận đăng kiểm lưu hành còn hiệu lực theo qui định
11.4 - Tuân thủ các nội quy, quy định của Bên A cũng như quy định Chủ đầu tư về an toàn lao động và bảo vệ mội trường, quản lý chất lượng và tiến độ.
11.5 - Qúa trình thi công bên B phải thực hiện việc giảm ô nhiễm môi trường theo quy định của Pháp luật về xây dựng và bảo vệ môi trường.
11.6 - Bên B không được phép giao cho một bên thứ 3 nào khác thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng này.
11.7 - Thực hiện hợp đồng bằng toàn bộ chi phí của mình theo giá trị hợp đồng và tuân thủ theo các điều khoản về quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu được nêu trong các tài liệu không tách rời của hợp đồng thuộc điều 2.
11.8 – Bên B có trách nhiệm cắt mẫu thép, đường hàn mẫu theo số lượng, vị trí mà bên A và TVGS yêu cầu để siêu âm thí nghiệm. Địa điểm thí nghiêm, siêu âm đường hàn theo yêu cầu của bên A. Phần kinh phí siêu âm, thí nghiệm đường hàn do bên B chịu trách nhiệm thanh toán. Bên B chịu trách nhiệm cẩu thép xuống xưởng khi bên A cấp thép đến xưởng.
11.9 – Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về trước Pháp luật về An ninh trật tự, An toàn lao động cho công nhân, máy móc thiết bị trên công trường,

11.10 – Bên B chịu trách nhiệm bảo quản và sử dụng tốt, hợp lý vật tư do bên A cung cấp cho bên B đến xưởng và công trường. Khi có mất mát hay thất thoát xảy ra, nếu sau khi 2 bên cùng kiểm tra và xác nhận, nếu do lỗi của bên B thì bên B phải chịu trách nhiệm hoàn toàn. Phần thép hình và thép tấm còn dư, bên B phải bàn giao đầy đủ lại cho bên A.

ĐIỀU 12: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

12.1- Báo trước cho bên B 02 ngày trước khi thi công để bên B tập kết máy móc, hàng hóa.
12.2 – Bàn giao hồ sơ thiết kế do Chủ đầu tư ban hành cho Bên B.
12.3 - Bên A có trách nhiệm giải quyết các quan hệ tại hiện trường với Tư vấn giám sát công trường và Chủ đầu tư.
12.4 - Bên A có trách nhiệm thanh toán kinh phí xây dựng đúng thời hạn theo Điều 6 của hợp đồng này khi Bên B thực hiện thi công đúng tiến độ.
12.5 - Bên A phải thực hiện chế độ giám sát thi công và nghiệm thu công trình theo quy định của Luật Xây dựng gồm giám sát của Chủ đầu tư, giám sát của Tư vấn giám sát
12.6 - Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo nội dung hợp và các thỏa thuận khác hai bên đã kí kết

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

13.1 - Mọi tranh chấp liên quan đến hợp đồng này sẽ được hai bên giải quyết thông qua thương lượng trên nguyên tắc hữu nghị và hợp tác. Trong trường hợp không thoả thuận được, vụ việc sẽ được đưa ra Toà án kinh tế thuộc toà án nhân dân Hà Nội và xử theo Luật pháp nước CH XHCN Việt Nam. Mọi chi phí cho các hoạt động xác minh và án phí do bên có lỗi chịu.
13.2 - Trong trường hợp bên nào gặp khó khăn phải thông báo với bên kia và chậm nhất sau 03 ngày, hai bên cử đại diện gặp nhau để bàn biện pháp giải quyết nhằm thực hiện tốt hợp đồng.
13.3 – Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý khi hai bên thực hiện đầy đủ các nội dung trong hợp đồng và không có tranh chấp gì.
13.4 - Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
13.5 - Hợp đồng làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY CP XD&PT KINH TẾ TIÊN PHONG ĐÀ NẴNG	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CTM T.T.MEC
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chánh Vui	**Nguyễn Thị Minh Lý**

BẢNG PHỤ LỤC CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG VÀ THÀNH TIỀN

(Kèm theo Hợp đồng kinh tế số 05/2020/HĐKT ngày 09/10/2020)

Công trình: Đầu tư Xây dựng các hạng mục cơ bản, thiết yếu tại CLB đua thuyền Đồng Nghệ

Hạng mục: Nhà ở và nhà ăn Vận động viên

STT	Nội dung	Quy cách	kích thước	Đ.Vị	S.Lg toàn bộ	KL ĐV	KL T.bộ	Đg g.công lắp dựng	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	NHÀ Ở VĐV									
	THÉP DẦM									
1	D1-1	I400x200x8x13	5650	thanh	22	372,9	8.203,80	5.000	41.019.000	
2	D1-2	I400x200x8x13	3100	thanh	4	204,6	818,40	5.000	4.092.000	
3	D1-3	I300x150x6.5x9	3880	thanh	16	142,396	2.278,34	5.000	11.391.680	
4	D1-4	I300x150x6.5x9	3980	thanh	56	146,066	8.179,70	5.000	40.898.480	
5	D2-1	I400x200x8x13	3100	thanh	4	204,6	818,40	5.000	4.092.000	
6	D2-2	I400x200x8x13	1500	thanh	18	99	1.782,00	5.000	8.910.000	
7	D2-3	I300x150x6.5x9	3880	thanh	14	142,396	1.993,54	5.000	9.967.720	
8	D2-4	I300x150x6.5x9	3980	thanh	40	146,066	5.842,64	5.000	29.213.200	
9	D2-5	I300x150x6.5x9	5965	thanh	4	218,9155	875,66	5.000	4.378.310	ko gc
10	D2-6	I300x150x6.5x9	3330	thanh	2	122,211	244,42	5.000	1.222.110	
11	D2-7	I300x150x6.5x9	990	thanh	10	36,333	363,33	5.000	1.816.650	
12	D2-8	I300x150x6.5x9	2830	thanh	2	103,861	207,72	5.000	1.038.610	
13	D2-9	I300x150x6.5x9	1000	thanh	4	36,7	146,80	5.000	734.000	
14	D2-10	I300x150x6.5x9	1040	thanh	2	38,168	76,34	5.000	381.680	
15	D2-11	I300x150x6.5x9	1380	thanh	2	50,646	101,29	5.000	506.460	
16	D2-12	I300x150x6.5x9	855	thanh	2	31,3785	62,76	5.000	313.785	
17	D2-13	I300x150x6.5x9	915	thanh	2	33,5805	67,16	5.000	335.805	
18	D2-14	I300x150x6.5x9	5650	thanh	4	207,355	829,42	5.000	4.147.100	
19	K2-1	I300x150x6.5x9	6161	thanh	22	226,1087	4.974,39	5.000	24.871.957	
20	Xà gồ C150x65x2.5	-2,5	320x4200	thanh	140	26,376	3.448,29	2.700	9.310.383	
21	Bọ xà gồ	-6	140x85	tấm	154	0,56	86,24	5.000	431.200	
22		-6	140x100	tấm	154	0,659	101,49	5.000	507.430	
23	PLD-100X96	-8	100X96	tấm	88	0,603	53,06	5.000	265.320	
24	PLD-100x100	-8	100x100	tấm	106	0,628	66,57	5.000	332.840	
25	PLD-107x98	-8	107x98	tấm	22	0,659	14,50	5.000	72.490	
26	PLD-130x130	-10	130x130	tấm	31	1,327	41,14	5.000	205.685	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
27	PLD-282x72	-8	282x72	tấm	176	1,275	224,40	5.000	1.122.000	
28	PLD-282x232	-14	282x232	tấm	20	7,19	143,80	5.000	719.000	
29	PLD-374x96	-8	374x96	tấm	5	2,255	11,28	5.000	56.375	
30	PLD-378x256	-14	378x256	tấm	122	10,635	1.297,47	5.000	6.487.350	
31	PLD-400x150	-14	400x150	tấm	12	6,594	79,13	5.000	395.640	
32	PLD-414x200	-14	414x200	tấm	22	9,1	200,20	5.000	1.001.000	
33	PLD-500x200	-14	500x200	tấm	78	10,99	857,22	5.000	4.286.100	
34	PLD-520x220	-14	520x220	tấm	22	12,573	276,61	5.000	1.383.030	
35	+ ma ní			sợi	16			160.000	2.560.000	đơ + 4 ma ní
36	Ti giằng xà gồ	f12	1000	thanh	130			55.000	7.150.000	bao vật tư
37	Lợp tôn			m2	554,4			16.000	8.870.400	
	THÉP CỘT									
1	Cột C1	I400x200x8x13	7800	thanh	22	514,8	11.325,60	5.000	56.628.000	
2	Cột C2	I400x200x8x13	9300	thanh	11	613,8	6.751,80	5.000	33.759.000	
3	Cột C4	I400x200x8x13	7650	thanh	4	504,9	2.019,60	5.000	10.098.000	
4	PLC-100X96	-8	100X96	tấm	162	0,603	97,69	5.000	488.430	
5	PLC-100x100	-8	100x100	tấm	22	0,628	13,82	5.000	69.080	
6	PLC-282X232	-14	282X232	tấm	12	7,19	86,28	5.000	431.400	
7	PLC-374x96	-8	374x96	tấm	588	2,255	1.325,94	5.000	6.629.700	
8	PLC-378x256	-14	378x256	tấm	136	10,635	1.446,36	5.000	7.231.800	
9	PLC-400x200	-8	400x200	tấm	11	5,024	55,26	5.000	276.320	
10	PLC-412x200	-8	412x200	tấm	4	5,175	20,70	5.000	103.500	
11	PLC-420x220	-16	420x220	tấm	74	11,605	858,77	5.000	4.293.850	
12	PLC-520x220	-16	520x220	tấm	22	14,369	316,12	5.000	1.580.590	
13	định vị bu lông móng				296			15.000	4.440.000	
	CẦU THANG THÉP									
1	DCT-1	I150x100x5.5x8		thanh			551,92	5.000	2.759.600	
2	DCT-2	I150x100x5.5x8		thanh			331,62	5.000	1.658.100	
3	DCT-3	I150x100x5.5x8		thanh			221,84	5.000	1.109.200	
4	DCT-4	I150x100x5.5x8		thanh			267,54	5.000	1.337.700	
5	DCT-5	I150x100x5.5x8		thanh			182,40	5.000	912.000	
6	PLC-177x300	-5	177x300	tấm	76	1,042	79,19	5.000	395.960	
7	PLC-1000x100	-5	1000x100	tấm	2	3,925	7,85	5.000	39.250	
8	PLC-1050x100	-5	1050x100	tấm	2	4,121	8,24	5.000	41.210	tôn chống trượt
9	PLC-1200x300	-5	1200x300	tấm	38	14,13	536,94	5.000	2.684.700	
10	PLC-1350x1200	-5	1350x1200	tấm	4	63,585	254,34	5.000	1.271.700	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
11	PLC-200x100	-10	200x100	tấm	4	1,57	6,28	5.000	31.400	
12	PLC-282x100	-10	282x100	tấm	4	2,214	8,86	5.000	44.280	
	SÀN DECK									
1	Sàn tầng 2	(Hàn trực tiếp	525	m2				20.000	10.500.000	
2	Sê nô mái	(hàn bù lấy tính lại giá)	194,2	m2				20.000	3.884.000	
				NHÀ ĂN						
	THÉP CỘT									
1	C1	I400x200x8x13	4500	thanh	10	297	2.970,00	5.000	14.850.000	
2	C2	I400x200x8x13	6700	thanh	5	442,2	2.211,00	5.000	11.055.000	
3	PLD-96X95	-8	96X95	tấm	70	0,573	40,11	5.000	200.550	
4	PLD-100x100	-8	100x100	tấm	10	0,628	6,28	5.000	31.400	
5	PLD-374x96	-8	374x96	tấm	93	2,255	209,72	5.000	1.048.575	
6	PLD-400x200	-8	400x200	tấm	5	5,024	25,12	5.000	125.600	
7	PLD-420x220	-16	420x220	tấm	30	11,605	348,15	5.000	1.740.750	
8	PLD-520x200	-16	520x200	tấm	10	13,062	130,62	5.000	653.100	
9	+ ma ní			sợi	16			160.000	2.560.000	đơ + 4 ma ní
10	Ti giằng xà gồ	f12	1000	thanh	84			55.000	4.620.000	bao vât tư
11	Lợp tôn			m2	494,4			16.000	7.910.400	
12	Diềm			md	25			30.000	750.000	
	THÉP DẦM									
1	D1-1	I400x200x8x13	1422	thanh	10	93,852	938,52	5.000	4.692.600	
2	D1-2	I300x150x6.5x9	5680	thanh	20	208,456	4.169,12	5.000	20.845.600	
3	D1-3	I300x150x6.5x9	1190	thanh	4	43,673	174,69	5.000	873.460	
4	D1-4	I400x200x8x13	1190	thanh	4	78,54	314,16	5.000	1.570.800	
5	D1-5	I400x200x8x13	1296	thanh	2	85,536	171,07	5.000	855.360	
6	D1-6	I300x150x6.5x9	1030	thanh	4	37,801	151,20	5.000	756.020	
7	D1-7	I400x200x8x13	9400	thanh	4	620,4	2.481,60	5.000	12.408.000	
8	D1-8	I300x150x6.5x9	9655	thanh	4	354,3385	1.417,35	5.000	7.086.770	
9	D1-9	I300x150x6.5x9	1355	thanh	4	49,7285	198,91	5.000	994.570	
10	k1-1	I400x200x8x13	9951	thanh	10	656,766	6.567,66	5.000	32.838.300	
11	C150x65x2.5	-2,5	320x6000	thanh	88		3.097,64	2.700	8.363.628	
12	Bọ xà gồ	-6	140x85	tấm	110	0,56	61,60	5.000	308.000	
13		-6	140x100	tấm	110	0,659	72,49	5.000	362.450	
14	PLD-96X95	-8	96X95	tấm	40	0,573	22,92	5.000	114.600	
15	PLD-98x93	-8	98x93	tấm	10	0,572	5,72	5.000	28.600	
16	PLD-100x100	-8	100x100	tấm	30	0,628	18,84	5.000	94.200	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
17	PLD-139x130	-10	139x130	tấm	16	1,418	22,69	5.000	113.440	
18	PLD-139x260	-10	139x260	tấm	8	2,837	22,70	5.000	113.480	
19	PLD-282x232	-14	282x232	tấm	4	7,19	28,76	5.000	143.800	
20	PLD-282x232	-14	282x232	tấm	4	7,19	28,76	5.000	143.800	
21	PLD-374x96	-8	374x96	tấm	80	2,255	180,40	5.000	902.000	
22	PLD-378x256	-14	378x256	tấm	64	10,635	680,64	5.000	3.403.200	
23	PLD-500x200	-14	500x200	tấm	30	10,99	329,70	5.000	1.648.500	
24	PLD-520x200	-16	520x200	tấm	10	13,062	130,62	5.000	653.100	
25	định vị bu lông móng				120			15.000	1.800.000	
	SÀN DECK									
1	Sê nô mái (thân trực tiếp nếu kan bu lông tính lại giá)		127,2	m2				20.000	2.544.000	
	Cộng						**98.771**		**536.389.213**	
	Hỗ trợ								**13.600.000**	
	Tổng cộng								**549.989.213**	
	Thuế VAT 10%								**54.998.921**	
	Thành tiền								**605.000.000**	

(Sáu trăm lẻ năm triệu đồng chẵn)

GHI CHÚ :

- *Gia công, hàn, sơn lót, sơn màu, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện toàn bộ*
- *Hình thức thanh toán: chuyển khoản.*
- *Tạm ứng và thanh toán: theo chi tiết trong Hợp đồng*
- *Thời gian hoàn thành:theo chi tiết trong Hợp đồng*
- *Bên B thi công lắp đặt đảm bảo chất lượng, kỹ thuật theo HSTK được duyệt và các yêu cầu của bên A, Chủ đầu tư và giám sát công tr*

BÊN A

Công ty CP Xây dựng & PTKT Tiền Phong ĐN

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TIỀN PHONG ĐÀ NẴNG

Nguyễn Chánh Vui

BÊN B

Công ty TNHH cơ khí & chế tạo máy T.T.MEC

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Nguyễn Thị Minh Lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-------***-------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 02.12.2020/HĐKT/ST-T.T.MEC

- Căn cứ Bộ luật dân sự được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.

- Căn cứ Luật thương mại của nước CHXHCN Việt Nam được Quốc hộ thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.

- Căn cứ vào nhu cầu thực tế và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại Tổng công ty Sông Thu, chúng tôi gồm có:

Bên A: TỔNG CÔNG TY SÔNG THU
Đại diện (Ông): **Nguyễn Hữu Hiển** Chức vụ: Tổng Giám đốc
Địa chỉ: 96 Yết kiêu – Phường Thọ Quang – Quận Sơn Trà – TP Đà nẵng
Điện thoại: 0236.3929567 Fax: 0236.3929576
Tài khoản: 3011100006009 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – TP Đà Nẵng
Mã số thuế: 0400100009

BÊN B : CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
Đại diện (Bà): **Nguyễn Thị Minh Lý** Chức vụ: Giám Đốc
Địa chỉ :Thửa đất số 1458, Tờ bản đồ số 3, thôn Túy Loan Đông, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại : 0905 977 491
Mã số thuế : 0401850491
Số tài khoản : 56510000291731 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Sông Hàn, Đà Nẵng

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc và giá trị hợp đồng.
1.1 Nội dung:
Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận vệ sinh toàn tàu, làm sạch các khoang két và hầm máy, bảo dưỡng toàn bộ các thiết bị trên 3 tàu RoRo5612.

Yêu cầu kỹ thuật: Các hạng mục công việc phải được làm sạch theo đúng yêu cầu của Sông Thu.

1.2 Giá trị Hợp đồng:

TT	Hạng mục/Tên vật tư thiết bị	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Vệ sinh toàn tàu, làm sạch các khoang két và hầm máy	tàu	3	595.600.000	1.786.800.000
2	Bảo dưỡng toàn bộ các thiết bị trên tàu	tàu	3	1.445.000.000	4.335.000.000
	Cộng				**6.121.800.000**
	Thuế VAT 10%				**612.180.000**
	Tổng cộng (bao gồm VAT)				**6.733.980.000**

Tổng giá trị hợp đồng: **6.733.980.000 đồng**
(Bằng chữ: Sáu tỷ bảy trăm ba mươi ba triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Điều 2: Phương thức thanh toán.

Thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng theo phương thức sau:

+ Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị của hợp đồng trong vòng 5 ngày sau khi hoàn thành công việc.

Điều 3. Thời gian, địa điểm thực hiện:

+ Địa điểm thực hiện: Tại 03 tàu RoRo5612.

+ Thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của mỗi bên:

4.1. Trách nhiệm Bên B:

+ Thực hiện đầy đủ các nội dung công việc cho bên A theo đúng yêu cầu như thỏa thuận.

+ Thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng, xuất hóa đơn và giao cho Bên A.

+ Nếu Bên B thi công trễ so với thời gian qui định trong hợp đồng này theo Điều 3 thì Bên A sẽ yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại như sau:

° Bồi thường 1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày làm việc trễ.

° Tổng bồi thường tối đa của hợp đồng là 5%.

4.2. Trách nhiệm Bên A:

+ Thực hiện thanh toán đầy đủ tiền và đúng thời hạn cho bên B như điều 2 của hợp đồng. Nếu Bên A thanh toán trễ so với thời gian qui định trong hợp đồng thì Bên B sẽ yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại như sau: Bên A phải thanh toán thêm tiền lãi với lãi suất bằng lãi suất huy động của Ngân hàng TMCP Quân Đội công bố tại thời điểm đến hạn thanh toán đối với số tiền chậm thanh toán. Tổng bồi thường tối đa của hợp đồng là 5%.

+ Chịu trách nhiệm bố trí mặt bằng cho Bên B thi công theo đúng với điều khoản quy định trong hợp đồng.

+ Kiểm tra chất lượng và nghiệm thu sau khi Bên B thi công xong.

Điều 6: Tranh chấp thương mại (nếu có):

Bất kỳ tranh chấp nào có liên quan đến Hợp đồng này mà hai bên không thể tự giải quyết được thì sẽ thống nhất đưa vụ việc đến Tòa án kinh tế Thành phố Đà Nẵng là tổ chức đầy đủ thẩm quyền để giải quyết, và quyết định của Tòa án sẽ là quyết định sau cùng cho hai bên.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
M.S.D.N: 0401850491 - C.T.N.H.H CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	TỔNG GIÁM ĐỐC M.S.D.N: 0400100009 - C.T.T.N.H.H TỔNG CÔNG TY SÔNG THU D.S.C.N.T.R.A - T.P ĐÀ NẴNG
Nguyễn Thị Minh Lý	Trung tá Nguyễn Hữu Hiển

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

(V/v:Gia công, lắp dựng vì kèo mái Nhà Đa Năng)

Số:10/2022/HĐKT/TP-T.T.MEC

CÔNG TRÌNH : NHÀ ĐA NĂNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIẾN THÀNH, P. HÒA QUÝ, Q. NGŨ HÀNH SƠN

GIỮA

CÔNG TY CP XD & PHÁT TRIỂN KINH TẾ TIỀN PHONG ĐÀ NẴNG

VÀ

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật dân sự số 33/2005/QH11, ngày 14/06/2006.

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003.

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện.

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về QLDA đầu tư xây dựng công trình

- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2004/NĐ-CP.

- Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

- Nhu cầu và khả năng của hai bên :

PHẦN II - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 29 tháng 09 năm 2022, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CP XD & PHÁT TRIỂN KINH TẾ TIỀN PHONG ĐÀ NẴNG

Người đại diện:	Ông: **NGUYỄN CHÁNH VUI** Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ:	79 Nguyễn Công Trứ, P, An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP Đà Nẵng
Điện thoại:	02363.831792 Fax : 02363.831792
Mã số thuế:	0400467222
Số tài khoản:	2001201030348 Tại : Ngân hàng NN & Phát triển Nông thôn Chi nhánh Nam Đà Nẵng

BÊN B: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Đại diện:	Ông **NGUYỄN THỊ MINH LÝ** Chức vụ Giám đốc
Địa chỉ:	Túy Loan Đông II, Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng
Điện thoại:	0236.3783879 Fax: 0236.3783680
Mã số thuế:	0401850491
Số tài khoản:	2008201006845, Tại Ngân hàng NN & Phát triển Nông thôn Chi nhánh Hòa Vang, TP Đà Nẵng

Hai bên chấp thuận và cùng nhau thống nhất kí Hợp Đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG:

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận gia công và lắp đặt hoàn chỉnh kết cấu thép và mái :Vì kèo, hệ giằng vì kèo, xà gồ, lợp mái , sơn với khối lượng như sau (Bảng tính khối lượng và thành tiền chi tiết kèm theo)

ĐIỀU2: VẬT LIỆU, PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG :

2.1 - Vật liệu chính sử dụng là vật liệu thép hình, thép tấm SS400 (Thương hiệu Phú Lôc, Tấn Quốc phân phối) theo đứng hồ sơ, chất lượng, quy cách theo đúng bản vẽ thiết kế được duyệt với bảng tính khối lượng và thành tiền chi tiết kèm theo.

- Phạm vi công việc bên B phải thi công bao gồm: Cung cấp vật liệu, gia công và lắp dựng kèo thép theo yêu cầu bản vẽ kỹ thuật của Bên A cung cấp.

2.2 - Chất lượng thi công: Đáp ứng theo yêu cầu của công trình và các quy trình, quy phạm liên quan

ĐIỀU 3: THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN :

3.1 - Thời gian bắt đầu: Từ khi hợp đồng được ký kết và bên B nhận được tiền tạm ứng.

3.2 - Tiến độ thực hiện: Thời thực hiện 15 ngày kể từ ngày nhận được tiền tạm ứng (Thời gian gia công kết cấu 10 ngày, thời gian lắp dựng và hoàn thiện 5 ngày).

3.3 Dừng, tạm dừng thi công theo tiến độ: việc bên B không hoàn thành đúng tiến độ trong các trường hợp sau sẽ không được coi là bên B dừng hoặc chậm trễ tiến độ thi công.

+ Sự kiện bất khả kháng mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lụt, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh…

+ Yêu cầu tạm dừng thi công của bên A.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC TRAO ĐỔI THÔNG TIN GIỮA HAI BÊN KHI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

4.1 - Hai bên cùng nhau phác thảo sơ đồ tổ chức liên lạc trong đó quy định một cách rõ ràng đường liên lạc và cách thức được chấp thuận giữa hai bên.

4.2 - Hình thức liên lạc giữa hai bên trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thứ tự ưu tiên sẽ bao gồm:

- Công văn
- Fax, điện thoại
- Email

4.3 Bên A sẽ bảo đảm rằng:

4.3.1 – Tất cả các yêu cầu đối với Bên B sẽ được gửi đến cho người đại diện, người được ủy quyền của Bên B bằng công văn, Fax, hoặc Email.

4.3.2 - Tất cả các thông tin liên quan đến hạng mục công việc của Bên B trong Hợp đồng này phải được sao một bản cho Bên B, để Bên B biết được đầy đủ các thông tin.

4.3.3 - Các thông tin liên lạc có tính chất quan trọng phải được thực hiện bằng Fax hoặc bằng thư.

4.4 – Bên B phải đảm bảo rằng :

Tất cả trao đổi với Bên A của Bên B phải được người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền của Bên B xác nhận và chuyển đến cho Bên A bằng Fax, thư đồng thời gửi cho Công ty.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU

5.1 - Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu công việc cho Bên B căn cứ theo tiến độ và giao hàng của bên B và được Bên A chấp thuận.

5.2 - Các hạng mục công việc chỉ được nghiệm thu khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định được Tư vấn giám sát hiện trường chấp thuận.

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

6.1- Hình thức thanh toán : chuyển khoản

6.2– Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam

6.3 - Hồ sơ thanh toán :

- Biên bản nghiệm thu có xác nhận của bên A, bên B.
- Biên bản đối chiếu công nợ.
- Hóa đơn GTGT theo quy định.

6.4 - GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THỜI GIAN THANH TOÁN:

- Giá trị hợp đồng sau thuế là: 329.919.000 đồng

(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi chín triệu, chín trăm mười chín nghìn đồng).

- Giá hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT 10%.

Đính kèm "Bảng phụ lục Kinh phí kèo mái che số 02/TTMEC ngày 23.9.2022"

- Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho bên B theo từng đợt.
- Thanh toán đợt 1: Bên A tạm ứng cho bên B 30% giá trị Hợp đồng được ký kết.
- Thanh toán đợt 2: Bên A tạm ứng tiếp cho bên B 40% giá trị hợp đồng khi chuyển đầy đủ vật tư hệ vì kèo mái đến chân công trình.
- Thanh toán đợt 3: Thanh toán giá trị còn lại khi bên B hoàn thiện gia công lắp dựng được chủ đầu tư, giám sát A chấp nhận nghiệm thu đưa vào sử dụng và bên B cung cấp đầy đủ hóa đơn thanh toán hợp lệ.

ĐIỀU 7: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

7.1 - Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

7.2 - Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Phí trọng tài Bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG

8.1 - Sự kiện bất khả kháng là sự việc xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, luc, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,.... Và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.....

8.2 – Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

8.2.1 - Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do các sự kiện bất khả kháng gây ra.

8.2.2 – Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

8.2.3 - Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

ĐIỀU 9: VẬT TƯ THIẾT BỊ CỦA BÊN B

9.1 - Bên B sẽ chịu trách nhiệm đối với tất cả các vật tư thiết bị của mình để hoàn thiện sản phẩm..

9.2 - Bên B phải bảo đảm rằng các vật tư cung cấp đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn hiện hành.

ĐIỀU 10: AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

10.1 - Bên B phải trang bị dụng cụ an toàn và bảo hộ lao động cho cán bộ và công nhân tại nhà xưởng cũng như công trường. Mọi sự vi phạm những quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề an toàn lao động Bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm

10.2 - Bên B phải thực hiện tất cả các bước hợp lý để bảo vệ môi trường để hạn chế thiệt hại và phiền toái tới con người và tài sản do kết quả từ sự ô nhiễm, tiếng ồn và hậu quả gây ra từ hoạt động thi công của bên B

10.3 - Bên B sẻ đảm bảo việc phát ra khí thải, chất thải bề mặt gây ra từ các hoạt động của Bên B không vượt quá các chỉ số được quy định trong tiêu chuẩn kỹ thuật và sẽ không vượt quá các chỉ số được quy định bởi các luật liên quan của nhà nước Việt Nam.

ĐIỀU 11: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

11.1 - Tổ chức kĩ thuật nhận bản vẽ thi công.

11.2 - Bên B có trách nhiệm quản lý và bảo vệ vật tư, nguyên liệu, thiết bị thi công an toàn lao động và sinh hoạt của công nhân, cán bộ kỹ thuật của Bên B trong nhà xưởng cũng như trên công trường xây dựng.

11.3 - Các phương tiện lao động, thiết bị thi công, xe máy và nhân công của Bên B khi ra vào công trường phải được đăng ký với bên A

11.4 - Tuân thủ các nội quy, quy định của Bên A về an toàn lao động và bảo vệ môi trường, quản lý chất lượng và tiến độ.

11.5 - Qúa trình thi công bên B phải thực hiện việc giảm ô nhiễm môi trường theo quy định của Pháp luật về xây dựng và bảo vệ môi trường.

11.6 - Bên B không được phép giao cho một bên thứ 3 nào khác thực hiện toàn bộ hợp đồng này.

11.7 - Thực hiện hợp đồng bằng toàn bộ chi phí của mình theo giá trị hợp đồng và tuân thủ theo các điều khoản về quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu được nêu trong các tài liệu không tách rời của hợp đồng thuộc điều 2.

ĐIỀU 12: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

12.1- Báo trước cho bên B 02 ngày trước khi thi công để bên B tập kết máy móc, hàng hóa.

12.2 – Bàn giao hồ sơ thiết kế cho Bên B.

12.3 - Bên A có trách nhiệm giải quyết các quan hệ tại hiện trường với Tư vấn giám sát công trường.

12.4 - Bên A có trách nhiệm thanh toán kinh phí xây dựng đúng thời hạn theo Điều 6 của hợp đồng này khi Bên B thực hiện thi công đúng tiến độ.

12.5 - Bên A phải thực hiện chế độ giám sát thi công và nghiệm thu công trình theo quy định của Luật Xây dựng .

12.6 - Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo nội dung hợp và các thỏa thuận khác hai bên đã kí kết

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

13.1 - Mọi tranh chấp liên quan đến hợp đồng này sẽ được hai bên giải quyết thông qua thương lượng trên nguyên tắc hữu nghị và hợp tác. Trong trường hợp không thoả thuận được, vụ việc sẽ được đưa ra Toà án kinh tế thuộc toà án nhân dân Hà Nội và xử theo Luật pháp nước CH XHCN Việt Nam. Mọi chi phí cho các hoạt động xác minh và án phí do bên có lỗi chịu.

13.2 - Trong trường hợp bên nào gặp khó khăn phải thông báo với bên kia và chậm nhất sau 03 ngày, hai bên cử đại diện gặp nhau để bàn biện pháp giải quyết nhằm thực hiện tốt hợp đồng.

13.3 – Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý khi hai bên thực hiện đầy đủ các nội dung trong hợp đồng và không có tranh chấp gì.

13.4 - Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

13.5 - Hợp đồng làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chánh Vui	Nguyễn Thị Minh Lý

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Địa Chỉ : Thôn Túy Loan Đông, Xã Hòa PHong, Huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng, Việt Nam
ĐIỆN THOẠI: 0236.3783879 - 0905808869
STK: 2008201006845, mở tại Agribank Hòa Vang, TP Đà Nẵng

Số: 02/TTMEC

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 09 năm 2022

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ KÈO MÁI CHE

CÔNG TRÌNH: NHÀ ĐA NĂNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIẾN THÀNH, P. HÒA QUÝ

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TIỀN PHONG ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : 504 Trưng Nữ Vương, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP Đà nẵng

Điện thoại : 0236831792 Fax : 0236831792

Công ty TNHH Cơ khí và chế tạo máy T.T.MEC xin hân hạnh gửi đến quý khách hàng lời chào trân trọng hợp tác !

Công ty chúng tôi xin báo gía theo yêu cầu của quý Công ty như sau:

STT	Nội dung	Quy cách	kích thước	Đ.Vị	S.Lg cấu kiện	S.Lg toàn bộ	KL ĐV	KL T.bộ	Đg g.công lắp dựng	Thành tiền	Ghi chú
I	**KHUNG KÈO K1**					**5**		**6.504,523**		**203.210.969**	đồng
	Bu lông neo M24 5.6	F24	680	bộ	8	40	2,488	99,510	140.000	5.600.000	
	Bản đế	-20	200x400	tấm	4	20	12,560	251,200	20.727	5.206.691	
	Dầm chính	I400x200x8x13	7613	tấm	2	10	525,906	5.259,060	20.727	109.005.979	
	Cánh dầm	-13	200x400	tấm	2	10	8,164	81,640	20.727	1.692.175	
	Bụng dầm	-8	400x400	tấm	2	10	10,048	100,480	20.727	2.082.676	
	Lưng dầm	-16	200x333	tấm	2	10	8,365	83,650	20.727	1.733.828	
	Tăng cứng đầu dầm	-16	100x400	tấm	4	20	5,024	100,480	20.727	2.082.676	
	Sườn tăng cường	-6	100x374	tấm	24	120	1,762	211,385	20.727	4.381.430	
	Đầu kèo	-16	250x620	tấm	2	10	19,468	194,680	20.727	4.035.185	
	Gân đầu kèo	-8	184x190	tấm	4	20	2,195	43,910	20.727	910.130	
	Bọ xà gồ	L75x6	200	cái	18	126	1,413	178,038	20.727	3.690.242	
	Bu lông liên kết M24x80 8.8	M24x80 8.8		bộ	6	30	0,320	9,596	30.000	900.000	
	Bu lông M12x30 Liên kết xà gồ	M12x30		bộ	72	432	0,031	13,434	5.200	2.246.400	
	Nhân công							6.627,062	9.000	59.643.555	
II	**GIẰNG XÀ GỒ TÔN...**					**1**		**807,188**		**96.715.104**	đồng
	Bu lông neo M16x300	M16x300		bộ	16	16	0,474	7,582	85.000	1.360.000	
	Dầm giằng đỉnh	I200x100*6*8	5000	thanh	2	2	109,900	219,800	20.727	4.555.855	
		I200x100*6*8	4550	thanh	2	2	100,009	200,018	20.727	4.145.828	
		I200x100*6*8	4200	thanh	2	2	92,316	184,632	20.727	3.826.918	
	Bích liên kết dầm	-10	200X250	tấm	12	12	3,925	47,100	20.727	976.255	
		-10	200x450	tấm	2	2	7,065	14,130	20.727	292.876	
	Bu lông liên kết	M12X60		bộ	20	20	0,062	1,244	10.400	208.000	
	Bách giằng cáp	-10	80x250	tấm	8	8	1,570	12,560	20.727	260.335	

STT	Nội dung	Quy cách	kích thước	Đ.Vị	S.Lg cấu kiện	S.Lg toàn bộ	KL ĐV	KL T.bộ	Đg g.công lắp dựng	Thành tiền	Ghi chú
	Giằng cáp FI16	F16	6000	m	16	80	1,580	126,362	55.000	4.400.000	
	Tăng đơ	F18		bộ	16	16	1,199	19,191	50.000	800.000	
	Ma ní			bộ	64	64	0,089	5,686	15.800	1.011.200	
	Ti giằng xà gồ	F14		bộ	96	96	1,330	127,704	90.000	8.640.000	
	Nhân công							966,009	9.000	8.694.079	
	Thi công lắp đặt xà gồ	C125x50x15x2	4200	thanh	36	36	16,815	605,329	5.500	3.329.311	
			4550	thanh	36	36	17,816	641,361	5.500	3.527.484	
			5000	thanh	36	36	20,018	720,630	5.500	3.963.465	
	Sơn xà gồ, vì kèo, giằng vì kèo, sơn EXPO			m2	1	1		429,950	50.000	21.497.500	
	GC cắt hàn nối, khoan lỗ, sơn kẽm xà gồ, chở ra công trình			thanh		108			45.000	4.860.000	
	Thi công lợp tôn		8060	m2	1	16,12	27,500	443,300	20.000	8.866.000	
	Lắp diềm đỉnh		60000	md		1		60,000	25.000	1.500.000	
	Vận chuyển cẩu lắp dựng, cẩu tôn xà gồ, vì kèo				1					10.000.000	
III	**Nhúng kẽm nóng**			kg	1			**7.311,711**	-	**0**	đồng
	TỔNG I+II+III									**299.926.073**	đồng
	THUẾ VAT 10%									**29.992.607**	đồng
	TỔNG CỘNG									**329.919.000**	đồng

GHI CHÚ:

Trên đây là khối lượng gia công lắp dựng toàn bộ phần mái hoàn chỉnh (Bao gồm cả vật tư và nhân công)

(Đã bao gồm chi phí hỗ trợ vận chuyển thép về xưởng sản xuất)

Bên A (bên giao khoán) chỉ cung cấp xà gồ thép và tôn lợp, diền mái, vít bắn tôn, ke chống bão để bên B (bên giao khoán) thi công

- *Cung cấp toàn bộ bulong và định vị, lắp đặt*
- *Gia công, hàn, sơn lót 1 lớp, sơn màu ghi 2 lớp vì kèo, xà gồ, lắp đặt hoàn thiện.*
- *Bên B chịu phần chi phí thí nghiệm siêu âm vì kèo, khung giằng và xuất kết quả thí nghiệm cho bên A*
- *Hình thức thanh toán: chuyển khoản.*
  tạm ứng trước 30% giá trị hợp đồng, thanh toán 40% giá trị khi chuyển vật tư đến chân công trình, thanh toán phần còn lại sau khi nghiệm thu bàn giao.
- *Thời gian thanh toán: Sau khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và hóa đơn tài chính.*
- *Thời gian hoàn thành: 15 ngày sau khi nhận được văn bản xác nhận đặt hàng.*
- *Báo giá này có giá trị trong vòng 7 ngày.*
- *Sử dụng thép tấm CT38, fy=240MPa*
- *Sử dụng Bulong neo M24 G5.6; M12 G8.8; M24x80 G8.8; neo M16 G5,6;*

Ngày 29 tháng tháng 9 năm 2022

Công ty TNHH Cơ khí và chế tạo máy T.T.MEC
Giám đốc

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Lý

Công ty CP Xây dựng và PTKT tiền Phong Đà Nẵng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TIỀN PHONG ĐÀ NẴNG

Nguyễn Chánh Tuí

Ng Hoàng Vy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
******

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 811/2023/HĐKT/HHL-TTMEC

CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT VÀ BỘT ĐÁ SIÊU MỊN

ĐỊA ĐIỂM : CCN ĐẠI HIỆP, XÃ ĐẠI HIỆP, HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM

HẠNG MỤC : THI CÔNG KHUNG KẾT CẤU THÉP, SÀN THAO TÁC, SILO, GÀU TẢI KHU VỰC TÁCH QUANG ĐẦU VÀO

GIỮA

CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT VẬT LIỆU VÀ THƯƠNG MẠI HÒA HƯNG LỘC

VÀ

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

NGÀY 08 THÁNG 11 NĂM 2023

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 hướng dẫn về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 hướng dẫn một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng;

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan;

- Nhu cầu thỏa thuận giữa các Bên.

PHẦN 2 – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 08 tháng 11 năm 2023 tại Văn phòng Công ty TNHH MTV Sản xuất vật liệu và Thương mại Hòa Hưng Lộc, đại diện hai bên ký kết hợp đồng gồm:

Một bên là:

1. Chủ đầu tư: Bên giao thầu *(Sau đây gọi tắt là Bên A)*

- Tên giao dịch : **CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT VẬT LIỆU VÀ THƯƠNG MẠI HÒA HƯNG LỘC**
- Người đại diện: Ông **NGUYỄN PHAN THANH** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đại Hiệp, xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.
- Mã số thuế: 0401692478

Và bên kia là:

2. Nhà thầu: Bên nhận thầu *(Sau đây gọi tắt là Bên B)*

- Tên giao dịch : **CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC**
- Người đại diện: Bà **NGUYỄN THỊ MINH LÝ** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : Túy Loan Đông , Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng, Việt nam.
- Mã số thuế : 0401850491
- Điện thoại : 0511.3783879
- Tài khoản : 2008201006845, Tại NH Agribank Hòa Vang

Các bên thống nhất thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1 : Nội dung công việc và sản phẩm của hợp đồng:

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng hạng mục công trình: *Thi công khung kết cấu thép, sàn thao tác, silo, gàu tải khu vực tách quang đầu vào thuộc Công trình Nhà Máy Sản Xuất Hạt Và Bột Đá Siêu Mịn.* theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt và những thay đổi khác.

ĐIỀU 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:

Phải thực hiện theo đúng hồ sơ phương án được duyệt, bảo đảm sự bền vững và chính xác, tuân thủ theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

Toàn bộ vật tư đưa vào thi công tại công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, số lượng theo quy định và phải được cán bộ bên A xác nhận để làm cơ sở thanh quyết toán.

ĐIỀU 3 : Thời gian thực hiện hợp đồng:

Ngày khởi công : Sau khi ký hợp đồng.

Với tiến độ thực hiện cụ thể như sau:

- Phần khung kết cấu thép, sàn thao tác, silo nạp liệu, phễu chứa thành phẩm phế phẩm, đường ống hút bụi : 08 ngày kể từ ngày nhận tiền tạm ứng.
- Phần silo nạp liệu vào gàu tải, gàu tải: 20 ngày kể từ ngày nhận tiền tạm ứng.

ĐIỀU 4 : Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình xây dựng:

4.1. Điều kiện nghiệm thu:

- Tuân theo các quy định về quản lý chất lượng công trình.

- Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc xây dựng, từng bộ phận công trình xây dựng, từng hạng mục công trình xây dựng hoặc công trình đưa vào sử dụng.

- Bên A sẽ tổ chức giám sát và chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo quy định.

- Công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu phương án, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

4.2. Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng:

- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã xây dựng xong đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

ĐIỀU 5: Bảo hành công trình:

5.1. Bên thi công xây dựng có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho Chủ đầu tư. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa khiếm khuyết hoặc khi công trình đưa vào sử dụng không đảm bảo chất lượng do lỗi của nhà thầu gây ra, Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng 03 ngày sau khi nhận được thông báo từ bên A, nếu quá thời hạn này mà bên B không bắt đầu thực hiện công việc sửa chữa thì Bên A có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này

và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên B và thông báo cho Bên B giá trị trên. Bên B buộc phải chấp thuận giá trị trên.

5.2. Thời hạn bảo hành công trình là 12 tháng theo quy định của Nhà nước, được tính từ ngày hạng mục công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

ĐIỀU 6: Giá trị hợp đồng :

Giá trị hợp đồng tạm tính chưa bao gồm thuế VAT đã được hai bên thống nhất: **817.365.390 đồng** (Phụ lục đơn giá kèm theo).

(Bằng chữ: Tám trăm mười bảy triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm chín mươi đồng./.)

Đơn giá Hợp đồng cố định, sẽ không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.

ĐIỀU 7: Thanh toán hợp đồng:

7.1 Tạm ứng lần 1: Sau khi hợp đồng được hai bên ký kết, Bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

Tạm ứng lần 2: Sau khi bên B tập kết toàn bộ máy móc, thiết bị, vật tư đã gia công hoàn thiện đến công trình và được cán bộ kỹ thuật bên A xác nhận, Bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*).

Toàn bộ số tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư khấu trừ vào giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành.

7.2 Quyết toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị khối lượng công việc quyết toán và sẽ được thanh toán khi nghiệm thu và bàn giao và Bên B xuất chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình 5%;

Việc thanh quyết toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá trong hợp đồng.

7.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

7.4. Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam

7.5.Hồ sơ thanh toán.

- Văn bản đề nghị thanh toán/Giấy đề nghị thanh toán;
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng;
- Hồ sơ hoàn công (vào cuối các giai đoạn thi công xây dựng theo quy định) có xác nhận của Bên A và đơn vị Tư vấn giám sát (nếu có);
- Bảng kê những thay đổi so với thiết kế đã được duyệt có xác nhận của đại diện nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn giám sát, nhà thầu thiết kế và đại diện Bên A;
- Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng (đối với đợt quyết toán);

- Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng công trình đối với các hạng mục công việc do Bên B thực hiện (nếu có);

- Hóa đơn giá trị gia tăng (đối với đợt quyết toán);

- Biên bản thanh lý hợp đồng;

- Bản sao hợp đồng;

- Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm hai bên:

8.1, Trách nhiệm bên A:

- Bàn giao mặt bằng cho bên B

- Cử cán bộ giám sát trong suốt thời gian thi công công trình.

- Bên A chịu trách nhiệm mua bảo hiểm xây dựng công trình kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình.

- Tổ chức nghiệm thu khối lượng hoàn thành cho Bên B.

- Xác nhận chất lượng, số lượng toàn bộ vật tư đưa vào thi công

- Thanh toán cho bên B theo quy định tại hợp đồng này.

8.2, Trách nhiệm bên B:

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động cho người và phương tiện trong suốt quá trình tham gia thi công.

- Gia công kết cấu tại xưởng của bên B, mời đại diện bên A đến kiểm tra trước khi sơn hoàn thiện.

- Tuyệt đối tuân thủ các quy định về an ninh trật tự, vệ sinh môi trường của bên A, địa phương trong suốt quá trình thực hiện.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định trong hợp đồng

- Có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ thi công công trình do thiết kế dự toán.

- Phạt 2,5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại hoặc những chi phí phát sinh (nếu có), và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp bên B không đảm bảo các quy định trong hợp đồng.

- Trong quá trình thi công phải theo yêu cầu của cán bộ kỹ thuật bên A.

- Cung cấp đầy đủ chứng từ, hóa đơn hợp lệ theo hợp đồng.

ĐIỀU 9: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

- Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

- Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải, toà án kinh tế giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. Bất khả kháng:

10.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất ... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách...

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

10.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

11.1. Tạm dừng hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu gây ra.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt do tạm dừng hợp đồng, do hai bên thoả thuận để khắc phục.

11.2. Huỷ bỏ hợp đồng:

a/ Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

b/ Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

c/ Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền.

ĐIỀU 12. Điều khoản chung:

12.1. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà Nước về bảo mật.

12.2. Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.

12.3. Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

12.4. Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Nguyễn Phan Thanh	**Nguyễn Thị Minh Lý**

PHỤ LỤC

CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT VÀ BỘT ĐÁ SIÊU MỊN
HẠNG MỤC : THI CÔNG KHUNG KẾT CẤU THÉP, SÀN THAO TÁC, SILO, GÀU TẢI KHU VỰC TÁCH QUANG ĐẦU VÀO
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH MTV SXVL & TM HÒA HƯNG LỘC

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	KHUNG KẾT CẤU THÉP, SÀN THAO TÁC, LAN CAN, SILO, PHỄU, GÀU TẢI KHU VỰC TÁCH QUANG NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO				
1	Khoan cấy keo Ramset G5 Pro bu lông fi 20 (Chân trụ H250)	Bộ	16	120.000	1.920.000
2	Khoan cấy keo Ramset G5 Pro bu lông fi 16 (Chân trụ silo cấp liệu gầu tải)	Bộ	24	90.000	2.160.000
3	Khung kết cấu thép, sàn thao tác (SS400)	kg	6.266,18	33.000	206.783.940
4	Khung lan can trụ tay vịn fi34*2.5 (SS400)	md	35	550.000	19.250.000
5	Phễu trung gian silo vào máy (SUS201)	kg	191,43	100.000	19.143.000
6	Silo nạp liệu (SS400)	kg	4.337,82	33.000	143.148.060
7	Họng nạp liệu (SUS201)	kg	130,01	100.000	13.001.000
8	Silo cấp liệu gàu tải (SS400)	kg	1.330,83	33.000	43.917.390
9	Phễu thành phẩm, phế phẩm (SUS201)	kg	828,98	100.000	82.898.000
10	Gia công, sơn lắp đặt đường ống hút bụi	Bộ	2	43.000.000	86.000.000
11	Gàu tải cấp liệu B360x12m - Thân tole dày 3mm. - Sàn thao tác. - Truyền động gián tiếp. - Dây đai gàu dày 10mm. - Gàu inox 304 rộng 300mm dày 3mm - Motor 3 pha 7.5HP,1450v/p - Công suất gàu 20T/h - Vật liệu: Thép sơn màu.	Bộ	1	160.000.000	160.000.000
12	Thi công tháo dỡ khung thép, sàn, thang leo hiện trạng, silo chứa và đấu nối lại theo thiết kế mới	Trọn bộ	1	20.000.000	20.000.000
	CỘNG				**817.365.390**
	THUẾ VAT 10%				**81.736.539**
	TỔNG CỘNG				**899.101.929**

(Bằng chữ: Tám trăm chín mươi chín triệu, một trăm lẻ một nghìn, chín trăm hai mươi chín đồng./.)

ĐẠI DIỆN BÊN A

M.S.D.N: 0401692478 CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT VẬT LIỆU & THƯƠNG MẠI HÒA HƯNG LỘC TỈNH QUẢNG NAM

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phan Thanh

ĐẠI DIỆN BÊN B

M.S.D.N: 0401850491-C.T.N.H.H CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Thị Minh Lý

YÊU CẦU KỸ THUẬT

A. CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT CHUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ

Toàn bộ các yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quy mô, tính chất của gói thầu, dự án và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

I. CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI GIA CÔNG CHẾ TẠO, KIỂM TRA, NGHIỆM THU

Một số tiêu chuẩn tham khảo áp dụng trong thiết kế, chế tạo và lắp đặt được thể hiện trong "***Bảng 1.1. Một số tiêu chuẩn tham khảo áp dụng trong thiết kế, chế tạo và lắp đặt***" dưới đây:

TT	Công đoạn	Tiêu chuẩn áp dụng
1	***Vật liệu***	
1.1	Thép các bon cán nóng dùng trong XD	TCVN: 5709 - 93
1.2	Thép các bon kết cấu thông thường – Mác thép và yêu cầu kỹ thuật	TCVN 1765: 1975
1.3	Thép các bon kết cấu chất lượng tốt – Mác thép và yêu cầu	TCVN 1766: 1975
1.4	Thép kết cấu hợp kim thấp – Mác, yêu cầu kỹ thuật	TCVN 3104: 1979
2	***Thiết kế gia công lắp ráp và nghiệm thu***	
2.1	Bản vẽ các kết cấu kim loại	TCVN 5889 - 1995
2.2	Tải trọng và tác động	TCVN - 2737 - 1995
2.3	Kết cấu thép – tiêu chuẩn thiết kế	TCXDVN - 2005
2.4	Kết cấu thép – gia công lắp ráp và nghiệm thu – yêu cầu kỹ thuật	TCVN 170 - 1989
2.5	Mối hàn hồ quang điện bằng tay. Kiểu kích thước cơ bản	TCVN 1691 -75
2.6	Làm sạch bề mặt	TCVN 4452 - 87
2.7	Băng tải, gầu tải, xích tải, vít tải – sai số lắp đặt	TCXD 181 - 1996

Trên bản vẽ kỹ thuật nếu không có chỉ định về dung sai cho các chi tiết, cụm chi tiết, thiết bị cụ thể thì sẽ ưu tiên lấy theo các chỉ dẫn, dung sai cho phép trong các bộ tiêu chuẩn tương ứng để làm cơ sở chế tạo, kiểm tra, nghiệm thu hoặc tham khảo trong các bảng trích dẫn dưới đây:

Đối với các bề mặt, kích thước có gia công cơ khí bằng cắt gọt kim loại bảng 1.2

Bảng 1.2 – Sai số kích thước giữa mặt phẳng gia công của các kết cấu máy

Kích thước (mm)	Dung sai (mm)	Kích thước (mm)	Dung sai (mm)
0 ÷ 6	± 0,1	1.000 ÷ 15.000	± 1,2
>6 ÷ 10	± 0,2	1.501 ÷ 2.500	± 1,5
>10 ÷ 50	± 0,3	2.501 ÷ 3.500	± 2,0
51 ÷ 120	± 0,5	3.501 ÷ 5.000	± 2,5
121 ÷ 260	± 0,6	5.001 ÷ 10.000	± 3,0
261 ÷ 500	± 0,8	10.001 ÷ 15.000	± 4,0
501 ÷ 750	± 0,9	15.001 ÷ 20.000	± 5,0
751 ÷ 1.000	± 1,0		

Đối với các bề mặt chi tiết, kết cấu không qua gia công cơ khí bảng 1.3

Bảng 1.3 – Sai số kích thước giữa mặt phẳng không gia công của các kết cấu máy

Kích thước, mm	Dung sai, mm	Kích thước, mm	Dung sai, mm
250 ÷ 600	± 2,0	5 001 ÷ 6 000	± 7,0
601 ÷ 1 500	± 3,0	6 001 ÷ 8 000	± 8,0
1 501 ÷ 3 000	± 4,0	8 001 ÷ 10 000	± 9,0
3 001 ÷ 4 000	± 5,0	10 001 ÷ 15 000	± 10,0
4 001 ÷ 5 000	± 6,0	15 001 ÷ 20 000	± 11,0
		> 20 001	± 12,0

Đối với các bề mặt chi tiết, kết cấu thép khi cắt, sai lệch lấy theo bảng 1.4

Bảng 1.4 - Sai lệch cho phép của kích thước dài các chi tiết kết cấu khi cắt

TT	Hạng mục	Chiều dài của chi tiết kết cấu, m					
		<1,5	1,5-2,5	2,5-4,5	4,5-9,0	9,0-15,0	15,0-21,0
1	Sai lệch về chiều dài, chiều rộng chi tiết						
	- Cắt thủ công bằng ô xy, mm	± 2,5	± 3,0	± 3,5	± 4,0	± 4,5	± 5,0
	- Cắt nửa tự động, tự động theo khuôn hay đường kẻ, mm	± 1,5	± 2,0	± 2,5	± 3,0	± 3,5	± 4,0
	- Cắt bằng máy trên đường chuyền tự động, mm	± 1,0	± 1,5	± 2,0	± 2,5	± 3,0	± 3,5
	- Cắt bằng dao hoặc phay, mm	± 0,5	± 1,0	± 1,5	± 2,0	± 2,5	± 3,0

2	Sai lệch về hiệu số chiều dài hai đường chéo của tấm thép						
	- Khi hàn giáp mép, mm			± 4,0	± 5,0	± 6,0	
	- Khi hàn chồng, mm			± 6,0	± 8,0	± 10,0	

Đối với ray thép sai số gia công, lắp đặt, kiểm tra, nghiệm thu lấy theo bảng 1.5

Bảng 1.5 - Sai số độ phẳng, thẳng cho phép của ray theo chiều dài

Độ dài đường chạy, mm	Loại sai số		
	Độ lõm của đường ray, mm	Độ lõm của mặt chịu áp làm đường chạy, mm	Độ phẳng của đường ray, mm
≤ 1000	0,15	0,20	0,4
> 1000 ÷ 2500	0,20	0,30	0,5
> 2500 ÷ 4000	0,25	0,40	0,6
> 4000 ÷ 63000	0,30	0,50	0,8
> 6300 ÷ 10000	0,40	0,60	1,0

II. CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI LỚP PHỦ BẢO VỆ BỀ MẶT THÉP:

1. Đối với các bề mặt mạ kẽm nhúng nóng

Các kết cấu thép của thiết bị sau khi gia công hoàn thiện trước khi chuyển công đoạn mạ kẽm nhúng nóng thì toàn bộ các kết cấu thép phải được vệ sinh tẩy sạch các vết bám bẩn, sơn, dầu, mỡ, các mối hàn phải được làm sạch xỉ hàn, vảy hàn…

Các kết cấu kín trước khi chuyển công đoạn nhúng kẽm phải được gia công thêm các lỗ thoát hơi, thoát kẽm

Mạ nhúng kẽm các bề mặt thiết bị, kết cấu thép được chỉ định chiều dày lớp mạ kẽm nhúng nóng ≥80µm.

Sau khi mạ kẽm nhúng nóng nếu xuất hiện các tình trạng cong vênh, vặn làm biến dạng kết cấu, sai số vượt mức cho phép thì phải tiến hành uốn nắn nguội đến mức đạt yêu cầu và nằm trong phạm vi tiêu chuẩn cho phép.

2. Đối với các bề mặt mạ kẽm điện phân

Các chi tiết kim loại là thép khi yêu cầu mạ kẽm điện phân thì toàn bộ chi tiết phải được vệ sinh tẩy sạch các vết bám bẩn, sơn, dầu mỡ, các mối hàn sạch xỉ, vảy hàn… trên toàn bộ bề mặt của chi tiết.

Chiều dày lớp mạ kẽm điện phân từ 15µm đến 30µm tùy thuộc vào ứng dụng của từng chi tiết được chỉ định trong các yêu cầu kỹ thuật cụ thể trên bản vẽ kỹ thuật tương ứng.

Sau khi mạ kẽm điện phân; đối với các bề mặt lắp ghép có độ chính xác cao như các cổ trục lắp vòng bi, gối ổ, hộp giảm tốc… phải được tiến hành kiểm tra lại các kích thước và được đánh bóng hoặc mài lại khi các sai số kích thước chưa đạt so với yêu cầu kỹ thuật của chi tiết

3. Yêu cầu đối với hệ sơn.

Nhà thầu phải tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu kỹ thuật sơn (theo hãng sơn cung cấp) trong quá trình sơn các kết cấu thép thông nhằm đảm bảo chất lượng lớp sơn giúp cho việc bảo vệ tốt thiết bị trong thời gian làm việc lâu dài (>15 năm)

Đáp ứng được một số yêu cầu cơ bản như liệt kê dưới đây nhưng cũng phải luôn đảm bảo các yếu tố khác theo các tiêu chuẩn có liên quan:

2.1 Xuất xứ của hệ thống sơn:

Sơn sử dụng đối với hệ thống thiết bị là sơn của hãng **Hampel** gồm đầy đủ: Chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO), chứng chỉ tính chất vật lý và cơ học của sơn, chứng chỉ chất lượng (CQ) của sơn.

2.2 Các thông số kỹ thuật:

Đáp ứng các yêu cầu về sơn bảo vệ kết cấu thép trong môi trường công nghiệp C4, theo tiêu chuẩn ISO 12944-5. Hạn sử dụng của sơn phải còn ít nhất 06 tháng kể từ ngày cung cấp. Độ bền của sơn phải được lựa chọn ở mức cao (trên 15 năm). Kết quả thử nghiệm tính chất vật lý và cơ học của sơn do cơ quan kiểm định có thẩm quyền của Việt Nam cung cấp.

2.3 Chuẩn bị bề mặt:

Bề mặt các kết cấu thép phải được làm sạch các bavia, vảy xỉ hàn trước khi phun cát. Bề mặt kết cấu thép sau đó được làm sạch bằng phun cát đáp ứng:

- Độ sạch bề mặt: Áp dụng cho tất cả các khu vực đã được phun cát; Phương pháp đánh giá bằng mắt tham chiếu theo mẫu chuẩn và tiêu chuẩn ISO 8501-1, yêu cầu đạt Sa2.5 (*Khi quan sát bằng cách thông thường, bề mặt phải không còn dầu mỡ, chất bẩn và đa số những vảy cán, rỉ sét, các lớp sơn cũ cũng như tạp chất. Chỉ còn lại các vết dưới dạng đốm hay giải nhỏ*). Bề mặt các kết cấu thép sau khi được làm sạch bụi bẩn và hoàn toàn khô theo tiêu chuẩn ISO 8501-1 tiến hành sơn theo đúng yêu cầu và quy trình kỹ thuật của nhà sản xuất sơn.

- Độ nhám bề mặt: Áp dụng cho tất cả các khu vực đã được phun cát; Phương pháp đánh giá bằng mắt + đo bản sao; Thiết bị/ tiêu chuẩn: Bản sao (Replica tape) + đồng hồ đo (KTA) hoặc bộ mẫu chuẩn so sánh độ nhám. Yêu cầu độ nhám bề mặt từ 40 - 70 microns.

2.4 Thi công sơn:

Nhà thầu được đề nghị cung cấp các hệ thống sơn được lựa chọn theo tiêu chuẩn ISO12944-5 và thi công sơn dưới sự kiểm tra, giám sát trực tiếp của hãng sơn cung cấp và tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình sơn được sự đồng ý của chủ đầu tư, đáp ứng các tiêu chí dưới đây:

- Hệ thống sơn màu trắng RAL9010 (Pure White): Cho các thiết bị, cơ cấu cố định và kết cấu thép tại tất cả các khu vực, nhiệt độ làm việc đến 120°C.

- Hệ thống sơn màu vàng RAL1037 (Sun Yellow): Cho tất cả lan can, cơ cấu di chuyển như các cánh cửa, các thiết bị xe di chuyển tại tất cả các khu vực, nhiệt độ làm việc đến 120°C.

Hệ sơn chính sử dụng để sơn các thiết bị gia công bằng thép được liệt kê trong bảng 4.1

Bảng 4.1 – Hệ thống sơn chính (Sơn gốc Alkyd)

Hệ thống Sơn	Lớp sơn thứ 01 (µm)		Lớp sơn thứ 02 (µm)		Lớp sơn thứ 03 (µm)		Toàn bộ hệ sơn (µm)	
	Sơn lót chống gỉ	Độ dày	Sơn phủ tạo màu	Độ dày	Sơn phủ tạo màu	Độ dày	Số lớp	Độ dày
Màu trắng	Màu xám	30	Màu RAL9016 (Pure White)	25	Màu RAL9016 (Pure White)	25	3	80
Màu vàng	Màu xám	30	Màu RAL1037 (Sun Yellow)	25	Màu RAL1037 (Sun Yellow)	25	3	80

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do -Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 2505/HĐKT/2023/PH-TMEC

- Căn cứ vào bộ luật Dân sự số 91/2015/QH ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH 11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày .... tháng 5 năm 2023, tại văn phòng Công ty Cổ phần xây dựng Phú Hòa; Các bên dưới đây gồm có:

1. ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ HÒA

Địa chỉ : Quốc lộ 14B, Thôn Phú Hòa 1, Xã Hòa Nhơn, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 0913402452/0905700439

Mã số thuế : 0400473554

Tài khoản : 06001014205678 Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải chi nhánh Đà Nẵng (MSB)

: 2004201007597 Tại NH: Agribank chi nhánh Sơn Trà, TP Đà Nẵng

Email : phuhoadn.acc@gmail.com

Đại diện, Ông : **Đinh Văn Lê Phúc** Chức vụ: **Giám đốc**

2. ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Địa chỉ : Túy Loan Đông , Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng, Việt nam

Điện thoại : 0511.3783879 Fax: 0511.3783680

Tài khoản số: 2008201006845, Tại NH Agribank Hòa Vang.

Mã số thuế : 0401850491

Đại diện : Bà **Nguyễn Thị Minh Lý** Chức vụ : **Giám đốc**

Hai Bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế với các nội dung và điều khoản sau đây:

ĐIỀU I: TÊN HÀNG HÓA, GIÁ CẢ, QUY CÁCH, CHẤT LƯỢNG:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện: gia công lan can cầu phục vụ thi công công trình: Khu tái định cư Đồng Gò Tre- Xã Phổ Phong- Thị xã Đức Phổ- Tỉnh Quảng Ngãi. Nội dung bảng kê chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Quy cách	ĐVT	Khối lượng toàn bộ (tạm tính)	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gia công Thép Lan can		Kg	10.114,72	26.500	268.040.080	Quyết toán qua cân
2	Mạ kẽm nhúng nóng		Kg	10.114,72	8.700	87.998.060	
	TỔNG					356.038.140	
	THUẾ VAT 10%					35.603.814	
	TỔNG CỘNG					391.641.954	

Bằng chữ : (Ba trăm chín mươi mốt triệu,sáu trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm năm mươi bốn đồng chẵn)

Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT 10%. Trường hợp Nhà nước thay đổi thuế suất thuế GTGT thì đơn giá sẽ được điều chỉnh theo thuế suất mới.

Giá trị hợp đồng là giá trị tạm tính, quyết toán qua khối lượng cân thực tế.

1.1 Căn cứ để chế tạo thi công: Theo các bản vẽ của Bên A cung cấp cho Bên B là cơ sở để gia công chế tạo, nghiệm thu công trình.

1.2 Tuân thủ đúng các yêu cầu về mặt kỹ thuật, vật liệu chế tạo theo bản vẽ thiết kế kèm theo.

1.3 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A có thay đổi các thông số kỹ thuật làm ảnh hưởng đến việc thi công, Bên B sẽ tính toán lại cho hợp lý và Bên A phải thanh toán đủ chi phí những phần việc mà Bên B đã thực hiện.

1.4 Chất lượng sản phẩm: theo yêu cầu Bên A, đúng theo bản vẽ thiết kế.

ĐIỀU II : THỜI GIAN HOÀN THÀNH VÀ BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

2.1 Chế tạo xong toàn bộ tại xưởng: **25-35 ngày** kể từ ngày Bên A ứng tiền đợt 1.

ĐIỀU III: PHƯƠNG THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

3.1 Phương thức: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

3.2. Điều kiện thanh toán: thanh toán làm 02 đợt:

*- Đợt 1: Tạm ứng **50%** sau khi ký hợp đồng.*

- Đợt 2: Thanh toán toàn bộ số tiền còn lại sau khi hai Bên nghiệm thu khối lượng hoàn thành và Bên B gửi cho Bên A đầy đủ hồ sơ thanh toán;

+ Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- *Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc, chất lượng sản phẩm;*
- *Phiếu xuất kho;*
- *Hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp;*
- *Phiếu xuất xưởng đơn hàng.*

ĐIỀU V: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

5.1 TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A :

- Cung cấp đầy đủ các bản vẽ thiết kế cho Bên B.
- Thanh toán cho Bên B đúng thời hạn như điều III

5.2 TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B:

- Thực hiện đúng qui trình kỹ thuật, bảo đảm chất lượng.
- Xuất hóa đơn tài chính bao gồm thuế VAT cho bên A khi 02 bên nghiệm thu sản phẩm hoàn thành
- Sản xuất đúng kích thước, quy cách, chủng loại hàng hoá, chất lượng sản phẩm theo đúng bản vẽ thiết kế bên A cung cấp, đảm bảo tính mỹ thuật của sản phẩm. Chịu trách nhiệm và phải cung cấp sản phẩm khác đạt yêu cầu cho bên A nếu bên A phát hiện bộ hoàn thiện nào bên B không thực hiện đảm bảo đúng theo yêu cầu bên A.

- Bảo đảm tiến độ thi công, bàn giao sản phẩm đúng thời hạn qui định.

- Chịu toàn bộ chi phí khắc phục, sửa chữa những hư hỏng, sai sót trong thời gian bảo hành công trình (12 tháng);

ĐIỀU VI: ĐIỀU KIỆN CHUNG:

- Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận, Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm và bồi thường mọi thiệt hại do mình gây ra cho Bên kia. Trong trường hợp hai Bên không thương lượng giải quyết được thì một bên có quyền khởi kiện đến Tòa án Kinh tế thuộc Tòa án Nhân dân thành phố Đà Nẵng để giải quyết; Quyết định của Tòa án buộc các Bên phải thi hành.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bên A tạm ứng đợt 1cho Bên B theo Điều III đã ghi trong hợp đồng;

- Hợp đồng hết hiệu lực khi hai bên đã hoàn thành xong nghĩa vụ thực hiện hợp đồng và ký biên bản thanh lý hợp đồng .

- Hợp đồng được lập thành 02 (Hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Giám đốc	**Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ HÒA	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
ĐINH VĂN LÊ PHÚC	**NGUYỄN THỊ MINH LÝ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 01.05/HĐKT/2023/HG-TTMEC

- Căn cứ vào bộ luật Dân sự số 91/2015/QH ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH 11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại văn phòng Công ty TNHH cơ khí & chế tạo máy T.T.MEC ***Các bên dưới đây gồm có:***

1. ĐẠI DIỆN BÊN A : CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HÀ GIANG
Địa chỉ : Thửa đất số 612,Tờ bản đồ số 19,Mặt tiền đường tránh Nam Hải Vân,Xã Hòa Nhơn,Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng
Điện thoại 0981136767 MST: **0101306594**
Đại diện là Ông : **.Tiêu Hồng Tư** Chức vụ :**Giám đốc**

2. ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
Địa chỉ : Túy Loan Đông , Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng, Việt nam
Điện thoại : 0511.3783879 Fax: 0511.3783680
Tài khoản số: 2008201006845, Tại NH Agribank Hòa Vang.
Mã số thuế : **0401850491**
Đại diện : **Bà Nguyễn Thị Minh Lý** Chức vụ : **Giám đốc**

Hai Bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế với các nội dung và điều khoản sau đây:

ĐIỀU I: TÊN HÀNG HÓA, GIÁ CẢ, QUY CÁCH, CHẤT LƯỢNG:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện: gia công lắp dựng dầm dẫn và dầm cầu trục chi tiết cụ thể như sau:

Gia công lắp đặt Cầu trục Q=3 tấn Khẩu độ 25m, Dầm biên chạy dọc L56m
- Tổng giá trị trước thuế : **430.400.000** vnđ
(Bốn trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng./.)
- Thuế VAT 10% : **43.040.000** vnđ
(Bốn mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn./.)
- Tổng Giá trị sau thuế: **473.440.000** vnđ

Bằng chữ: (Bốn trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng y./.)

1.1 Căn cứ để chế tạo thi công: Theo các bản vẽ của Bên B cung cấp để gia công chế tạo và nghiệm thu công trình.

1.2 Tuân thủ đúng các yêu cầu về mặt kỹ thuật, vật liệu chế tạo theo bản vẽ thiết kế kèm theo.

1.3 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A có thay đổi các thông số kỹ thuật làm ảnh hưởng đến việc thi công, Bên B sẽ tính toán lại cho hợp lý và Bên A phải thanh toán đủ chi phí những phần việc mà Bên B đã thực hiện.

1.4 Chất lượng sản phẩm: theo yêu cầu Bên A

ĐIỀU II : THỜI GIAN HOÀN THÀNH, BÀN GIAO, THANH TOÁN

2.1 Chế tạo xong toàn bộ tại xưởng: **25-35 ngày** kể từ ngày Bên A ứng tiền đợt 1.

3.1 Phương thức: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

4.1. Điều kiện thanh toán: thanh toán làm 02 đợt:

- Đợt 1: Tạm ứng 50% giá trị hợp đồng.

- Đợt 2: Thanh toán 50% còn lại khi bàn giao công trình và hóa đơn tài chính.

ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1 TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A :

- Hỗ trợ bàn giao mặt bằng để bên B thi công trụ và giằng, dầm cẩu….

3.2 TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B:

- Thực hiện đúng qui trình kỹ thuật, bảo đảm chất lượng.
- Bảo đảm tiến độ thi công, bàn giao sản phẩm đúng thời hạn qui định.
- Chịu toàn bộ chi phí khắc phục, sửa chữa những hư hỏng, sai sót trong thời gian bảo hành công trình là 01 năm;

ĐIỀU IV: ĐIỀU KIỆN CHUNG:

- Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận, Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm và bồi thường mọi thiệt hại do mình gây ra cho Bên kia. Trong trường hợp hai Bên không thương lượng giải quyết được thì một bên có quyền khởi kiện đến Tòa án Kinh tế thuộc Tòa án Nhân dân thành phố Đà Nẵng để giải quyết; Quyết định của Tòa án buộc các Bên phải thi hành.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bên A tạm ứng đợt 1cho Bên B theo Điều III đã ghi trong hợp đồng;

- Hợp đồng hết hiệu lực khi hai bên đã hoàn thành xong nghĩa vụ thực hiện hợp đồng và ký biên bản thanh lý hợp đồng .

- Hợp đồng được lập thành 02 (Hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Giám đốc	**Giám đốc**
TIÊU HỒNG TƯ	**NGUYỄN THỊ MINH LÝ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
******

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 410/2023/HĐKT/HHL-TTMEC

CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT VÀ BỘT ĐÁ SIÊU MỊN

ĐỊA ĐIỂM : CCN ĐẠI HIỆP, XÃ ĐẠI HIỆP, HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM

HẠNG MỤC : THI CÔNG KHUNG THÉP, CẦU TRỤC KHU TẨY RỬA CÁT

GIỮA

CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT VẬT LIỆU VÀ THƯƠNG MẠI HÒA HƯNG LỘC

VÀ

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

NGÀY 04 THÁNG 10 NĂM 2023

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 hướng dẫn về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 hướng dẫn một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng;

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan;

- Nhu cầu thỏa thuận giữa các Bên.

PHẦN 2 – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 04 tháng 10 năm 2023 tại Văn phòng Công ty TNHH MTV Sản xuất vật liệu và Thương mại Hòa Hưng Lộc, đại diện hai bên ký kết hợp đồng gồm:

Một bên là:

1. Chủ đầu tư: Bên giao thầu ***(Sau đây gọi tắt là Bên A)***

- Tên giao dịch : **CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT VẬT LIỆU VÀ THƯƠNG MẠI HÒA HƯNG LỘC**
- Người đại diện: Ông **NGUYỄN PHAN THANH** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đại Hiệp, xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.
- Mã số thuế: 0401692478

Và bên kia là:

2. Nhà thầu: Bên nhận thầu ***(Sau đây gọi tắt là Bên B)***

- Tên giao dịch : **CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC**
- Người đại diện: Bà **NGUYỄN THỊ MINH LÝ** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : Túy Loan Đông , Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng, Việt nam.
- Mã số thuế : 0401850491
- Điện thoại : 0511.3783879
- Tài khoản : 2008201006845, Tại NH Agribank Hòa Vang

Các bên thống nhất thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1 : Nội dung công việc và sản phẩm của hợp đồng:

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng hạng mục công trình: *Thi công khung thép, cầu trục khu tẩy rửa cát thuộc Công trình Nhà Máy Sản Xuất Hạt Và Bột Đá Siêu Mịn.* theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt và những thay đổi khác.

ĐIỀU 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:

Phải thực hiện theo đúng hồ sơ phương án được duyệt, bảo đảm sự bền vững và chính xác, tuân thủ theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

Toàn bộ vật tư đưa vào thi công tại công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, số lượng theo quy định và phải được cán bộ bên A xác nhận để làm cơ sở thanh quyết toán.

ĐIỀU 3 : Thời gian thực hiện hợp đồng:

Ngày khởi công : Sau khi ký hợp đồng

Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận tiền tạm ứng (có phụ lục kèm theo)

ĐIỀU 4 : Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình xây dựng:

4.1. Điều kiện nghiệm thu:

- Tuân theo các quy định về quản lý chất lượng công trình.
- Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc xây dựng, từng bộ phận công trình xây dựng, từng hạng mục công trình xây dựng hoặc công trình đưa vào sử dụng.
- Bên A sẽ tổ chức giám sát và chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo quy định.
- Công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu phương án, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

4.2. Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng:

- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã xây dựng xong đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

ĐIỀU 5: Bảo hành công trình:

5.1. Bên thi công xây dựng có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho Chủ đầu tư. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa khiếm khuyết hoặc khi công trình đưa vào sử dụng không đảm bảo chất lượng do lỗi của nhà thầu gây ra, Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng 03 ngày sau khi nhận được thông báo từ bên A, nếu quá thời hạn này mà bên B không bắt đầu thực hiện công việc sửa chữa thì Bên A có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên B và thông báo cho Bên B giá trị trên, Bên B buộc phải chấp thuận giá trị trên.

5.2. Thời hạn bảo hành công trình là 12 tháng theo quy định của Nhà nước, được tính từ ngày hạng mục công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

ĐIỀU 6: Giá trị hợp đồng :

Giá trị hợp đồng tạm tính chưa bao gồm thuế VAT đã được hai bên thống nhất: **371.882.471 đồng** (Phụ lục đơn giá kèm theo).

(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi mốt triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi mốt đồng./.)

Đơn giá Hợp đồng cố định, sẽ không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.

ĐIỀU 7: Thanh toán hợp đồng:

7.1 Tạm ứng lần 1: Sau khi hợp đồng được hai bên ký kết, Bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tạm ứng lần 2: Sau khi bên B tập kết toàn bộ máy móc, thiết bị, vật tư đã gia công hoàn thiện đến công trình và được cán bộ kỹ thuật bên A xác nhận, Bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Toàn bộ số tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư khấu trừ vào giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành.

7.2 Quyết toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị khối lượng công việc quyết toán và sẽ được thanh toán khi nghiệm thu và bàn giao và Bên B xuất chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình 5%;

Việc thanh quyết toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá trong hợp đồng.

7.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

7.4. Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam

7.5.Hồ sơ thanh toán.

- Văn bản đề nghị thanh toán/Giấy đề nghị thanh toán;
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng;
- Hồ sơ hoàn công (vào cuối các giai đoạn thi công xây dựng theo quy định) có xác nhận của Bên A và đơn vị Tư vấn giám sát (nếu có);
- Bảng kê những thay đổi so với thiết kế đã được duyệt có xác nhận của đại diện nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn giám sát, nhà thầu thiết kế và đại diện Bên A;
- Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng (đối với đợt quyết toán);
- Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng công trình đối với các hạng mục công việc do Bên B thực hiện (nếu có);
- Hóa đơn giá trị gia tăng (đối với đợt quyết toán);
- Biên bản thanh lý hợp đồng;

- Bản sao hợp đồng;
- Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm hai bên:

8.1, Trách nhiệm bên A:

- Bàn giao mặt bằng cho bên B

- Cử cán bộ giám sát trong suốt thời gian thi công công trình.

- Bên A chịu trách nhiệm mua bảo hiểm xây dựng công trình kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình.

- Tổ chức nghiệm thu khối lượng hoàn thành cho Bên B.

- Xác nhận chất lượng, số lượng toàn bộ vật tư đưa vào thi công

- Thanh toán cho bên B theo quy định tại hợp đồng này.

8.2, Trách nhiệm bên B:

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động cho người và phương tiện trong suốt quá trình tham gia thi công.

- Gia công kết cấu tại xưởng của bên B, mời đại diện bên A đến kiểm tra trước khi sơn hoàn thiện.

- Tuyệt đối tuân thủ các quy định về an ninh trật tự, vệ sinh môi trường của bên A, địa phương trong suốt quá trình thực hiện.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định trong hợp đồng

- Có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ thi công công trình do thiết kế dự toán.

- Phạt 2,5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại hoặc những chi phí phát sinh (nếu có), và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp bên B không đảm bảo các quy định trong hợp đồng.

- Trong quá trình thi công phải theo yêu cầu của cán bộ kỹ thuật bên A.

- Cung cấp đầy đủ chứng từ, hóa đơn hợp lệ theo hợp đồng.

ĐIỀU 9: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

- Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

- Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải, toà án kinh tế giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. Bất khả kháng:

10.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất ... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách...

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

10.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

11.1. Tạm dừng hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu gây ra.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt do tạm dừng hợp đồng, do hai bên thoả thuận để khắc phục.

11.2. Huỷ bỏ hợp đồng:

a/ Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

b/ Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

c/ Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền.

ĐIỀU 12. Điều khoản chung:

12.1. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà Nước về bảo mật.

12.2. Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.

12.3. Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

12.4. Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Nguyễn Phan Thanh	Nguyễn Thị Minh Lý

PHỤ LỤC

CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT VÀ BỘT ĐÁ SIÊU MỊN
HẠNG MỤC : THI CÔNG KHUNG THÉP, CẦU TRỤC KHU TẨY RỬA CÁT
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH MTV SXVL & TM HÒA HƯNG LỘC

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Cung cấp, gia công lắp đặt hoàn thiện khung thép cột, dầm, giằng bao gồm vệ sinh sơn chống rỉ 2 lớp	kg	7.354,54	29.450	216.591.203
2	Bulong dầm giằng, I200, ống fi114, V63, M16x60(8.8)	Bộ	276	10.000	2.760.000
3	Cung cấp, gia công lắp đặt hoàn thiện hệ thống monorail đường chạy I300x150 bản mã liên kết dày 16mm bao gồm vệ sinh sơn chống rỉ 2 lớp	kg	1.766,15	30.450	53.779.268
4	Bulong dầm monorail M22x60(8.8)	Bộ	32	23.500	752.000
5	Cung cấp lắp đặt Palang điện 3 tấn dầm đơn chiều cao nâng 12m, nâng hạ 7.5m/p, di chuyển ngang 20m/p 01 tốc độ, quy cách cáp 12,5*0.4 nhánh, trang bị đi kèm tay bấm có dây công tắt giới hạn hành trình nâng, hành trình di chuyển tời Hàng Nhật Bản đã qua sử dụng 95% Chạy trên dầm monorail	Bộ	2	36.000.000	72.000.000
6	Hệ điện dọc đường chạy ray điện an toàn 3p-50A, kẹp ray chổi tiếp điện.	Hệ	1	15.000.000	15.000.000
7	Kiểm định an toàn cầu trục	cv	1	5.000.000	5.000.000
8	Điều khiển từ xa	Bộ	2	3.000.000	6.000.000
	CỘNG				**371.882.471**
	THUẾ VAT 10%				**37.188.247**
	TỔNG CỘNG				**409.070.718**

(Bằng chữ: Bốn trăm lẻ chín triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm mười tám đồng./.)

ĐẠI DIỆN BÊN A

Nguyễn Phan Thanh

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Thị Minh Lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do -Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01.08/HĐKT/2022/QV-TMEC

- Căn cứ vào bộ luật Dân sự số 91/2015/QH ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH 11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày .... tháng 8 năm 2022, tại văn phòng Công ty TNHH cơ khí & chế tạo máy T.T.MEC Các bên dưới đây gồm có:

1. ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY TNHH H&N TRANS

Địa chỉ: H2/14 K387 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Đại diện là Ông : Trần Quốc Huy Chức vụ : **Giám đốc**

Mã số thuế: 0401 934 889

2. ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Địa chỉ: Túy Loan Đông , Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng, Việt nam

Điện thoại : 0511.3783879 Fax: 0511.3783680

Tài khoản số: 2008201006845, Tại NH Agribank Hòa Vang.

Mã số thuế : 0401850491

Đại diện : **Bà Nguyễn Thị Minh Lý** Chức vụ : **Giám đốc**

Hai Bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế với các nội dung và điều khoản sau đây:

ĐIỀU I: TÊN HÀNG HÓA, GIÁ CẢ, QUY CÁCH, CHẤT LƯỢNG:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện: gia công lắp dựng nhà xưởng như sau:

Thi công móng dầm (xe đào bên A cấp) và nhà xưởng có bản vẽ và bản dự trù kinh phí đính kèm.

Giá trị hợp đồng:

STT	Nội dung	ĐVT	Slượng T.bộ	Thành tiền	Ghi chú
1	KHUNG NHÀ XƯỞNG	TB	1	531,297,611	
2	THI CÔNG MÓNG GIẰN	TB	1	50,389,155	
3	THI CÔNG CỬA, LA PHONG	TB	1	139,230,000	
	TỔNG			720,916,766	
	THUẾ VAT 10%			72,091,677	
	TỔNG CỘNG			793,008,443	

Bằng chữ : Bảy trăm chín mươi ba triệu không trăm lẻ tám nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng y./.

1.1 Căn cứ để chế tạo thi công: Theo các bản vẽ của Bên B cung cấp để gia công chế tạo và nghiệm thu công trình.

1.2 Tuân thủ đúng các yêu cầu về mặt kỹ thuật, vật liệu chế tạo theo bản vẽ thiết kế

kèm theo.

1.3 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A có thay đổi các thông số kỹ thuật làm ảnh hưởng đến việc thi công, Bên B sẽ tính toán lại cho hợp lý và Bên A phải thanh toán đủ chi phí những phần việc mà Bên B đã thực hiện.

1.4 Chất lượng sản phẩm: theo yêu cầu Bên A

ĐIỀU II : THỜI GIAN HOÀN THÀNH VÀ BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

2.1 Chế tạo xong toàn bộ tại xưởng: **10-12 ngày** kể từ ngày Bên A ứng tiền đợt 1.

ĐIỀU III: PHƯƠNG THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

3.1 Phương thức: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

3.2. Điều kiện thanh toán: thanh toán làm 03 đợt:

- Đợt 1: Tạm ứng trước 50% giá trị hợp đồng.

- Đợt 2: Thanh toán đến 30% trước khi vận chuyển đến công trình.

- Đợt 3: Thanh toán 20% giá trị còn lại sau khi hoàn thành nghiệm thu bàn giao.

ĐIỀU V: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

5.1 TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A :

- Hỗ trợ bàn giao mặt bằng.
- Thi công trụ và giằng, dầm cẩu….

5.2 TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B:

- Thực hiện đúng qui trình kỹ thuật, bảo đảm chất lượng.
- Bảo đảm tiến độ thi công, bàn giao sản phẩm đúng thời hạn qui định.
- Chịu toàn bộ chi phí khắc phục, sửa chữa những hư hỏng, sai sót trong thời gian bảo hành công trình;

ĐIỀU VI: ĐIỀU KHOẢN BẢO HÀNH

Công trình được bảo hành 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và chịu mọi chi phí sửa chữa khắc phục hư hỏng nếu có trong thời gian bảo hành và do lỗi của Bên B.

ĐIỀU VII: ĐIỀU KIỆN CHUNG:

- Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận, Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm và bồi thường mọi thiệt hại do mình gây ra cho Bên kia. Trong trường hợp hai Bên không thương lượng giải quyết được thì một bên có quyền khởi kiện đến Tòa án Kinh tế thuộc Tòa án Nhân dân thành phố Đà Nẵng để giải quyết; Quyết định của Tòa án buộc các Bên phải thi hành.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bên A tạm ứng đợt 1cho Bên B theo Điều III đã ghi trong hợp đồng;
- Hợp đồng hết hiệu lực khi hai bên đã hoàn thành xong nghĩa vụ thực hiện hợp đồng và ký biên bản thanh lý hợp đồng .
- Hợp đồng được lập thành 02 (Hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **Giám đốc**
M.S.D.N: 0401934888 CÔNG TY TNHH H&N TRANS THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	M.S.D.N: 0401850491-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
GIÁM ĐỐC *Trần Quốc Huy*	**NGUYỄN THỊ MINH LÝ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----------*----------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(Số: 2202/2018/ HĐKT)
V/v: Cung cấp máy móc thiết bị

- *Căn cứ vào bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.*
- *Căn cứ vào bộ luật thương mại 36/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.*
- *Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, nhu cầu và khả năng của hai bên.*

Hôm nay, ngày 26 tháng 02 năm 2019
Tại trụ sở : Công ty TNHH Dệt Lưới Hồng Hải
Lô 7, KCN Điện Nam –Điện Ngọc, TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ& CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Địa chỉ: Túy Loan Đông , Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng, Việt nam
Điện thoại : 0511.3783879 Fax : 0511.3783680
Tài khoản số: 2008201006845, Tại NH Agribank Hòa Vang.
Mã số thuế : 0401850491
Đại diện : Bà **Nguyễn Thị Minh Lý** Chức vụ : Giám đốc

Bên B: CÔNG TY TNHH DỆT LƯỚI HỒNG HẢI

Địa chỉ : Lô 7, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, TX. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại : Fax :
Mã số thuế : 4000739704
Người đại diện : Bà **Phạm thị Xinh** Chức vụ : Giám đốc

Hai bên cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận và đi đến thống nhất kí kết hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1 : Chủng loại, số lượng, giá cả máy móc:

STT	*Tên hàng hóa*	*Đơn vị tính*	*Số lượng*	*Đơn giá*	*Thành tiền*
1	*Máy dệt lưới*	*máy*	*04*	*550.000.000*	*2.200.000.000*
2	*Máy kéo sợi*	*máy*	*02*	*1.100.000.000*	*2.200.000.000*
3	*Máy đánh dây 01*	*máy*	*01*	*600.000.000*	*600.000.000*
4	*Máy đánh dây 02*	*máy*	*01*	*500.000.000*	*500.000.000*
Tổng cộng					*5.500.000.000*
Thuế vat: 10%					*550.000.000*
Tổng cộng thanh toán					*6.050.000.000*

Điều 2 : Thời gian và địa điểm giao hàng

- Thời gian giao hàng : Chia làm 3 đợt

+ Đợt 1: Giao máy đánh dây 01, 01 máy kéo sợi, 01 máy dệt lưới sau 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

+ Đợt 2: Giao máy dây 02, 01 máy kéo sợi , 01 máy dệt lưới sau 30 ngày kể từ ngày giao hàng đợt 1.

+ Đợt 3: Giao 02 máy dệt lưới còn lại sau 30 ngày kể từ ngày giao hàng đợt 2.

- Địa điểm giao hàng : Giao hàng tại nhà xưởng bên B.

Điều 3 : Thanh toán

- Phương thức thanh toán : chuyển khoản

* Chia làm 4 lần:

- Lần 1 : Bên B đặt cọc cho bên A 50% giá trị hợp đồng là 3.025.000.000đồng (Ba tỷ không trăm hai mươi lăm triệu đồng y) sau 10 ngày kể từ ngày kí kết hợp đồng.
- Lần 2 : Bên B thanh toán 20 % giá trị hợp đồng là : 1.210.000.00đ (Một tỷ hai trăm mười triệu đồng y) sau 05 ngày kể từ ngày nhận hàng đợt 01
- Lần 3: Thanh toán 20% giá trị hợp đồng là: 1.210.000.00đ (Một tỷ hai trăm mười triệu đồng y) ngay sau khi nhận bàn giao máy đợt 3
- Lần 4: Thanh toán 10% còn lại là: 605.000.000đ (Sáu trăm lẻ năm triệu đồng y) sau 05 ngày kể từ ngày nhận máy đợt 3.

Điều 4: Trách nhiệm của hai bên:

4.1 Trách nhiệm của bên A:

- Giao máy đúng thời gian, địa điểm cam kết tại điều 2.
- Cử nhân viên có chuyên môn kỹ thuật hướng dẫn bên B sử dụng máy.
- Xuất hóa đơn tài chính cho bên B.

4.2 Trách nhiệm của bên B:

- Thanh toán đúng tiến độ cam kết tại điều 3.

Điều 5 : Giải quyết tranh chấp

- Trong quá trình thực hiện hợp dồng, nếu có xảy ra tranh chấp mà hai bên không tự giải quyết được thì sẽ mời Tòa án Kinh tế Đà Nẵng giải quyết.
- Quyết định của Tòa án là cơ sở để hai bên thực hiện. Án phí do bên thua kiện chịu

Điều 6: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng.
- Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật và hợp đồng kinh tế.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày kí và sẽ tự hết hiệu lực hoặc hai bên lập biên bản thanh lí hợp đồng sau khi hai bên đã hoàn thành nghĩa vụ giao nhận, thanh toán hàng hóa.
- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản, có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị pháp lí như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Nguyễn Thị Minh Lý	Phạm Thị Xinh

+ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 11.12/**2019/HT-TTM**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11, được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 01/07/2006

- Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/ QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 12 năm 2019 tại văn phòng Công ty TNHH Cơ khí & Chế tạo máy T.T.MEC, chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV NGƯ LƯỚI CỤ HẢI THANH

Địa chỉ : Lô C4 Cụm CN An Lưu, P.Điện Nam Đông, TX.Điện Bàn, T.Quảng Nam

Điện thoại : 0912 122 934 Fax : .....

Tài khoản số: ....., Tại .....

Mã số thuế : 4001097986

Đại diện : **Bà Phạm Thị Xinh** Chức vụ : **Giám đốc**

II. Bên nhận gia công (BÊN B): CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Địa chỉ : Túy Loan Đông , Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng, Việt nam

Điện thoại : 0511.3783879 Fax : 0511.3783680

Tài khoản số: 2008201006845, Tại NH Agrib nk Hòa Vang.

Mã số thuế : 0401850491

Đại diện : **Bà Nguyễn Thị Minh Lý** Chức vụ : **Giám đốc**

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

1.1 Nội dung: Bên A đồng ý thuê Bên B thi công lắp đặt nhà hoàn thiện xưởng sản xuất Công ty Ngư lưới cụ Hải Thanh Cụm công nghiệp An lưu theo bảng phụ lục dự trù khối lượng đính kèm (giai đoạn 2 gia công giá đỡ máng xối, ống thoát nước, lắp đặt tôn, xà gồ, giằn cáp, ti giằn xà xà gồ ...)

1.2 Giá trị Hợp đồng: 440.000.000(Bốn trăm bốn mươi triệu đồng y)

ĐIỀU 2: QUY CÁCH

2.1 Chất lượng thi công:

- Bên B hoàn thiện thi công cho bên A đúng chất lượng, quy cách, kích thước theo bản vẽ.

ĐIỀU 3: ĐỊA ĐIỂM THỜI GIAN THI CÔNG:

3.1 Địa điểm thi công : địa điểm thi công của bên A.

Nhà xưởng Công ty Ngư lưới cụ Hải Thanh tại Cụm công nghiệp An Lưu.

3.2 Thời gian hoàn thành: Trong vòng **20 ngày** kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN:

4.1 Tạm ứng và thanh toán

- Bên A sẽ tạm ứng 40% giá trị hợp đồng sau khi Hợp đồng được ký kết.
- Bên A tạm ứng tiếp 30% giá trị của hợp đồng khi khi tiến độ công trình đạt 70%.
- Sẽ thanh toán 100% giá trị còn lại của Hợp đồng sau khi nghiệm thu bàn giao công trình và xuất hóa đơn tài chính cho Bên A.

4.2 Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản

4.3 Bảo hành: Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình sau khi bàn giao cho Bên A . Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục sửa chữa khiếm khuyết hoặc khi công trình sử dụng do lỗi của Bên B gây ra, chi phí về nhân công trong thời gian bảo hành do Bên B chịu.

Thời gian bảo hành công trình 1 năm (12 tháng) kể từ ngày Bên B bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

ĐIỀU 5: NGHĨA VỤ CỦA MỖI BÊN:

5.1. Nghĩa vụ của Bên A:

- Thanh toán đúng theo thoả thuận tại **Điều 4** của hợp đồng này.
-Cung cấp đầy đủ vật tư kịp thời cho bên B.

5.2. Nghĩa vụ của Bên B:

- Cung cấp cho bên A công trình hoàn thiện đúng chủng loại, quy cách, kỹ thuật và tiến độ theo Hợp đồng.
- Xuất Hóa đơn GTGT và cung cấp các giấy tờ liên quan.
- Bên B chịu trách nhiệm sửa chữa nếu sản phẩm không đạt yêu cầu.

- Đảm bảo an toàn lao động, cung cấp nhân công có năng lực tay nghề phù hợp.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG :

- Hai bên cam kết sẽ thực hiện nghiêm túc các điều khoản của hợp đồng. Nếu bên nào thực hiện sai hoặc tự ý không thực hiện, gây thiệt hại cho bên kia thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, đồng thời phải bồi hoàn về kinh tế.

- Mọi bổ sung hoặc thay đổi các điều khoản trong hợp đồng đều phải được sự nhất trí của cả hai bên và được làm thành văn bản.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp hai bên sẽ cùng bàn bạc để tìm biện pháp giải quyết. Trong trường hợp không thống nhất được hai bên sẽ đưa vụ việc tranh chấp ra Toà án kinh tế Đà Nẵng để giải quyết. Quyết định của Toà án kinh tế Đà Nẵng là quyết định cuối cùng bên sai sẽ phải chịu hoàn toàn phí tổn.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và tự động thanh lý khi hai bên thực hiện đầy đủ hết nghĩa vụ của mình.

Hợp đồng gồm 4 trang, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
PHẠM THỊ XINH	NGUYỄN THỊ MINH LÝ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
(Số: 15 /2022/HĐCCTC/ACC-MEC)

HẠNG MỤC: THÁO DỠ VÀ LẮP ĐẶT ALU ĐÀI KSKL CAM RANH
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA KHẮC PHỤC HƯ HỎNG XUỐNG CẤP TẠI ĐÀI KIỂM SOÁT KHÔNG LƯU CAM RANH
ĐỊA ĐIỂM: CHKQT CAM RANH – KHÁNH HÒA

GIỮA

CN. TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG ACC TẠI TP. ĐÀ NẴNG

VÀ

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Tháng 09/2022

PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ nhu cầu, năng lực và thỏa thuận giữa các Bên.

PHẦN 2. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 25 tháng 8 năm 2022, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN GIAO THẦU (Bên A) :

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG ACC TẠI TP. ĐÀ NẴNG

Giấy CNĐKKD số:	**0100726116-003**
Địa chỉ trụ sở chính:	Sân bay Đà Nẵng, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại:	02363. 713 661
Số tài khoản:	110000049931 tại NH Vietinbank CN Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Đại diện :	Ông **NGUYỄN QUẾ DƯƠNG**
Chức vụ:	**Giám đốc**

BÊN NHẬN THẦU (Bên B):

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Giấy CNĐKKD số:	**0401850491**
Địa chỉ trụ sở chính:	Túy Loan Đông, Hòa Phong, Hòa Vang, Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại:	02363. 783 879
Số tài khoản:	2008201006845, tại NH Agribank Hòa Vang, Đà Nẵng
Đại diện :	Bà **NGUYỄN THỊ MINH LÝ**
Chức vụ:	**Giám đốc**

Bên A và Bên B được gọi riêng là **Bên** và gọi chung là **Các Bên.**

CÁC BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI CÁC NỘI DUNG VÀ ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ NHƯ SAU:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý thực hiện việc "**Tháo dỡ, thi công khung thép và Alu**" cho công trình: "Sửa chữa, khắc phục hư hỏng xuống cấp tại đài kiểm soát không lưu Cam Ranh" đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và theo yêu cầu của Bên A.

ĐIỀU 2. TIẾN ĐỘ THI CÔNG HOÀN THÀNH

- Tiến độ thi công hoàn thành: Trong vòng 45 ngày làm việc (không kể ngày nghỉ và lễ)

ĐIỀU 3. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

	Tên hàng, quy cách	ĐVT	Số lượng tạm tính	Đơn giá	Thành tiền
1	Tháo dỡ khung thép và Alu cũ	m2	683.32	33.520	22.904.819
2	Thi công khung thép và Alu mới (Ancoret 4ly)	m2	683.32	2.244.904	1.533.983.311
3	Lắp dựng khung vách kính nhôm dày 1,6mm, kính an toàn 8,38mm, phụ kiện đầy đủ	m2	47	2.400.000	112.800.000
4	Lắp dựng cửa đi nhôm dày 1,6mm, kính an toàn 8,38mm, phụ kiện đầy đủ	m2	2	2.500.000	5.000.000
5	lắp dựng cửa đi nhôm dày 1,6mm, kính an toàn 8,38mm (cửa nhà vệ sinh), phụ kiện đầy đủ	m2	17	2.500.000	42.500.000
6	Máng cáp sơn tĩnh điện KT200x100x1,5mm và phụ kiện đi kèm (bao gồm nhân công lắp đặt hoàn thiện)	md	36.6	450.000	16.470.000
	Cộng tiền hàng (làm tròn)				**1.733.658.000**
	Tổng giá trị (Đã bao gồm thuế)				**1.733.658.000**

(Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi tám ngàn đồng ./.).

3.1 Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vật tư, thiết bị, nhân công, bảo quản, vận chuyển, các chi phí trực tiếp và gián tiếp khác như đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, bảo hiểm … theo luật định và vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng.

3.2 Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

3.3 Thanh quyết toán theo khối lượng thi công thực tế được nghiệm thu và đơn giá của hợp đồng này.

3.4 Những thay đổi nào ngoài thiết kế hoặc chủng loại hàng hóa thay đổi khác với hồ sơ Hợp Đồng thì được tính phát sinh. Đối với những hàng hóa phát sinh có tính chất tương tự theo Hợp Đồng thì đơn giá được áp dụng sẽ căn cứ theo đơn giá có trong Hợp Đồng. Đối với các đơn giá không có trong Hợp Đồng thì hai Bên sẽ thỏa thuận trên cơ sở đơn giá thị trường tại thời điểm phát sinh hoặc tại thời điểm ký kết Phụ lục hợp đồng cho khối lượng hàng hóa này trước khi thực hiện và được hai bên thống nhất bằng văn bản.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC VÀ TIẾN ĐỘ THANH, QUYẾT TOÁN

4.1 **Phương thức thanh toán:** theo hình thức chuyển khoản

4.2 **Đồng tiền thanh toán:** đồng Việt Nam

4.3 **Tạm ứng:**

a) Tạm ứng đợt 1:

Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 45% giá trị hợp đồng sau thuế trong vòng 03 *(ba)* ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ tạm ứng đợt 1 của Bên B.

Hồ sơ tạm ứng bao gồm:

+ Công văn đề nghị tạm ứng (01 bản gốc);

+ Bảo lãnh tạm ứng vô điều kiện, không hủy ngang với giá trị bảo lãnh là bằng với giá trị tạm ứng, hiệu lực bảo lãnh cho đến khi thu hồi hết khoản tạm ứng hoặc khi bên A

xác nhận khối lượng, giá trị thực hiện cho bên B tương ứng với giá trị đã tạm ứng;

- Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được tự động giảm trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán;
- Mẫu bảo lãnh phải được sự chấp thuận của Bên A trước khi phát hành.

b) Tạm ứng đợt 2:

Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B đến 80% giá trị hợp đồng sau thuế (*bao gồm toàn bộ giá trị tạm ứng quy định tại Mục a, Khoản 4.3 Hợp đồng này*), tương đương 35% giá trị hợp đồng trong vòng 03 *(ba)* ngày làm kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ của Bên B.

Hồ sơ tạm ứng bao gồm:

+ Công văn đề nghị tạm ứng (01 bản gốc);
- Bảng tính giá trị nghiệm thu công việc giữa các bên
- Phiếu chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, phiếu chứng nhận chất lượng của nhà máy sản xuất vật tư;
- Biên bản nghiệm thu bàn giao;
- Hoá đơn thuế giá trị gia tăng;
- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4.4 Thanh quyết toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị quyết toán *(đã bao gồm giá trị tạm ứng tại Khoản 4.3 hợp đồng này)* trong vòng 05 *(năm)* ngày làm việc kể từ ngày hạng mục được nghiệm thu bàn giao với Chủ đầu tư.

Hồ sơ quyết toán bao gồm):

- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng;
- Bản vẽ hoàn công;

ĐIỀU 5. CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

5.1 Vật tư sử dụng phải đảm bảo mới 100%, đúng chất lượng, quy cách, xuất xứ, chủng loại theo yêu cầu thiết kế và chất lượng đã được hai bên thống nhất theo Điều 1 của hợp đồng;

5.2 Trong trường hợp vì lý do khách quan mà cần phải thay thế bất cứ vật tư, vật liệu nào thì Bên B phải thông báo trước cho Bên A về lý do, giá thành của vật tư, vật liệu thay thế và phải đảm bảo vật tư, vật liệu được thay thế có tính năng, công dụng, chất lượng, số lượng và giá trị tương đương hoặc tốt hơn vật liệu, vật tư ban đầu. Mọi sự thay đổi phải được sự chấp thuận của Bên A trước khi thi công, lắp đặt.

5.3 Nếu thấy nghi nghờ về chất lượng, Bên A sẽ lấy mẫu vật liệu để thí nghiệm. Kết quả thí nghiệm của 1 đơn vị thí nghiệm độc lập có đủ tư cách pháp lý là không đạt thì Bên B có trách nhiệm chịu toàn bộ chi phí thí nghiệm này và phải thay đổi vật tư cho phù hợp. Nếu mẫu thí nghiệm đạt thì chi phí thí nghiệm Bên A tự chịu.

ĐIỀU 6. NGHIỆM THU CÔNG VIỆC

6.1 Việc nghiệm thu công trình được tiến hành theo trình tự quy định về quản lý chất lượng công trình;

6.2 Căn cứ tiến độ thi công và chất lượng, tiến độ thực tế thi công, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu công trình và ký xác nhận bằng văn bản;

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

7.1 Sau khi ký hợp đồng bên A có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hạng mục thi công và mặt bằng thi công đảm bảo đủ điều kiện thi công (cả tính chính xác của các vị trí đặt chờ và an toàn) cho Bên B triển khai thi công;

7.2 Thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của hợp đồng này;

7.3 Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Bên B hoàn thành công việc đúng thời hạn; cử đại diện bố trí bàn giao khu vực an toàn kỹ thuật để bên B thi công, bảo quản vật liệu và sản phẩm hoàn thiện trước khi bàn giao cho bên A.

7.4 Cử giám sát kỹ thuật theo dõi tại công trình và nghiệm thu khối lượng công việc đã hoàn thành;

7.5 Bên A có quyền đình chỉ thi công nếu phát hiện Bên B sử dụng vật tư không bảo đảm chất lượng, không đúng theo yêu cầu kỹ thuật;

7.6 Nếu Bên B tự ý ngưng thi công quá 07 *(bảy)* ngày mà không có lý do thỏa đáng (gồm các tình huống bị động) thì Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng, mời đơn vị khác vào thi công và không thanh toán bất kỳ chi phí nào Bên B đã đưa vào thi công công trình;

7.7 Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trong hợp đồng này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7.8 Bên A sẽ cung cấp nguồn đấu nối, đồng hồ đo đếm chỉ số điện, nước. Bên B có trách nhiệm tự đấu nối, chi trả tiền vật tư, vật liệu đấu nối và kéo dẫn từ nguồn đến khu vực sử dụng; tiền điện, nước phục vụ thi công Bên B chịu.

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

8.1 Chịu trách nhiệm hoàn toàn về kỹ thuật thi công, tiến độ thi công, chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn kỹ thuật đúng theo thiết kế, theo quy định, tiêu chuẩn hiện hành và các nội dung đã thống nhất với Bên A;

8.2 Đảm bảo vật tư, vật liệu đúng chủng loại, chất lượng, yêu cầu thiết kế và quy định của Bên A;

8.3 Bên B có trách nhiệm hỗ trợ triển khai bản vẽ Shop drawing để Bên A phê duyệt và đính kèm hợp đồng (nếu có).

8.4 Chịu trách nhiệm về chất lượng công trình do Bên B thi công, trường hợp Bên B thi công không đảm bảo chất lượng hoặc công trình xảy ra sự cố thì Bên B phải khẩn trương tiến hành khắc phục. Trường hợp Bên B không khắc phục hoặc việc khắc phục không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế và tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam trong thời gian Bên A yêu cầu thì Bên A được quyền tự khắc phục và Bên B phải chịu và hoàn trả mọi chi phí liên quan đến việc khắc phục này cho Bên A;

8.5 Phối hợp chặt chẽ với đại diện Bên A khi nhận mặt bằng đủ điều kiện thi công và bảo quản sản phẩm, trong quá trình thi công và cho đến khi bàn giao lại cho bên A; Bên B không chịu trách nhiệm và yêu cầu bên A chịu chi phí nếu các vật liệu của các đơn vị bên A làm ảnh hưởng (nếu có) đến sản phẩm mà bên B đã lắp dựng.

8.6 Chịu trách nhiệm quản lý vật tư, nhân viên, máy móc thiết bị, dụng cụ để thực hiện nhiệm vụ đúng theo yêu cầu, tiêu chuẩn thiết kế;

8.7 Có trách nhiệm lập đầy đủ các hồ sơ liên quan đến việc nghiệm thu, bàn giao khi Bên A yêu cầu;

8.8 Chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn lao động, PCCC và vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công phần công việc của mình, Bên B phải đảm bảo không gây ảnh hưởng đến việc hoạt động bình thường của các khu vực lân cận;

8.9 Chịu trách nhiệm hoàn toàn và không giới hạn những tai nạn lao động xảy ra trong quá trình thực hiện công việc của Bên B;

8.10 Bên B phải tuân thủ và thực hiện đúng nội quy, quy định và các chỉ dẫn về an toàn lao động, an toàn vận hành máy móc thiết bị, an toàn khả năng chịu lực và về vệ sinh môi trường do Bên A ban hành và theo quy định pháp luật hiện hành; Chấp hành toàn bộ các quyết định của Bên A về quản lý mặt bằng, vị trí tập kết máy móc thiết bị, vật tư vật liệu tại Dự án;

8.11 Không được chuyển nhượng Hợp đồng hoặc một phần Hợp đồng này khi chưa được sự đồng ý của Bên A.

8.12 Cung cấp hóa đơn tài chính hợp pháp theo quy định của bộ tài chính cho Bên A;

8.13 Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trong hợp đồng này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

8.14 Có trách nhiệm bảo hành sản phẩm bàn giao trong vòng 12 tháng. Thời gian bảo hành tính từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình với Chủ đầu tư.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

9.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh … và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

9.2 Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng; tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng cũng phải có nghĩa vụ:

9.3 Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa thiệt hai do sự kiện bất khả kháng gây ra.

9.4 Thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

9.5 Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

ĐIỀU 10: TẠM DỪNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

10.1 Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng gồm:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra.
- Các trường hợp bất khả kháng xảy ra.
- Các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận bằng văn bản.

Một Bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do Bên còn lại đã vi phạm hợp đồng nhưng phải báo cáo cho Bên còn lại biết bằng văn bản và cùng bàn bạc, giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết, trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên còn lại.

10.2 Chấm dứt hợp đồng:

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B vi phạm hợp đồng. Việc vi phạm hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn khi:
  a. Bên B ngừng thi công khi không có sự tạm ngưng nào được ghi trong tiến độ thi công của công trình và sự tạm ngưng đó không được sự đồng ý của Bên A.
  b. Bên A đã lưu ý đến việc sửa chữa sai sót hợp đồng, khắc phục vi phạm chất lượng, tiến độ của công trình nhưng Bên B đã không sửa chữa những sai sót đó hoặc chất lượng, tiến độ công trình không được khắc phục trong khoảng thời gian phù hợp do Bên A yêu cầu.
  c. Bên B bị vỡ nợ hay phá sản mà không có khả năng tái tạo hay khôi phục lại được.
- Khi hợp đồng bị chấm dứt thì Bên B phải lập tức dừng thi công tại công trường, đảm bảo an toàn cho công trình, bàn giao lại toàn bộ hồ sơ liên quan đến công việc đã làm và chưa làm cho Bên A và rời khỏi công trường.

ĐIỀU 11: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

11.1 Nếu trong quá trình thực hiện có khó khăn, trở ngại thì hai bên bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng. Trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày kể từ ngày

phát sinh tranh chấp, nếu hai bên không đạt được thỏa thuận thì hai bên thống nhất đưa vụ việc ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành.

11.2 Trong thời gian tranh chấp, mâu thuẫn đang được giải quyết thì các bên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này - ngoại trừ vấn đề đang bị tranh chấp.

ĐIỀU 12: THANH LÝ HỢP ĐỒNG

12.1 Hợp đồng được tự động thanh lý khi các bên đã hoàn thành mọi quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng này.

12.2 Hai Bên tiến hành thanh lý hợp đồng trong vòng 07 *(bảy)* ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng. Hai Bên phải lập Biên bản thanh lý hợp đồng, có đầy đủ chữ ký và dấu của các Bên cho việc thanh lý hợp đồng (áp dụng đối với trường hợp vi phạm hợp đồng).

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

13.1 Hai bên có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung, điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng; không bên nào được đơn phương sửa chữa nội dung hoặc sửa chữa hợp đồng. Mọi bổ sung, sửa đổi các điều khoản của hợp đồng phải được hai bên thống nhất bằng văn bản hoặc Phụ lục hợp đồng.

13.2 Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quế Dương	Nguyễn Thị Minh Lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----------*----------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(Số: 04.09/19.SD / HĐ –TTM

- *Căn cứ vào bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.*
- *Căn cứ vào bộ luật thương mại 36/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.*
- *Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, nhu cầu và khả năng của hai bên.*

Hôm nay, ngày ..26..... tháng .09..... năm 2019

Tại trụ sở: Lô C4 Cụm CN An Lưu, P.Điện Nam Đông, TX.Điện Bàn, T.Quảng Nam

BÊN BÁN(BÊN A): CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T, MEC

Địa chỉ: Thôn Túy Loan Đông, X. Hòa Phong, H. Hoà Vang, TP. Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401850491

Điện thoại : 02363.780.680 Fax: 02363.780.680

Tài khoản: 2008201006845 Ngân hàng Agribank – CN Hòa Vang – TP. Đà Nẵng

Người đại diện : Bà Nguyễn Thị Minh Lý Chức vụ : Giám đốc

BÊN MUA (BÊN B): CÔNG TY TNHH MTV NGƯ LƯỚI CỤ HẢI THANH

Địa chỉ : Lô C4 Cụm CN An Lưu, P.Điện Nam Đông, TX.Điện Bàn, T.Quảng Nam

Mã số thuế : 4001097986

Điện thoại : 0912 122 934

Tài khoản: ..... – Ngân hàng.....

Người đại diện : Bà Phạm Thị Xinh Chức vụ : Giám đốc

Đã cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận và đi đến kí kết hợp đồng xây lắp như sau:

Điều 1 : Đối tượng hợp đồng:

1 – Xây lắp khung sườn nhà xưởng theo bản vẽ của bên B

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Diện tích	Đơn giá	Thành tiền
1	Thi công lắp đặt hoàn thiện khung sườn nhà xưởng	m 2	5.040	1.200.000	6.048.000.000

Bằng chữ: Sáu tỷ không trăm bốn mươi tám triệu đồng y

- **Đơn giá trên chưa bao gồm VAT 10%.**

Được quét bằng CamScanner

Điều 2 : Thời gian và địa điểm giao hàng

- Thời gian thi công : 90 ngày kể từ ngày bên B tạm ứng.
- Địa điểm thi công : Thi công tại Lô C4 Cụm CN An Lưu, P.Điện Nam Đông, TX.Điện Bàn, T.Quảng Nam.

Điều 3 : Thanh toán

- Phương thức thanh toán : Tiền mặt hoặc chuyển khoản

* Chia làm 3 đợt :

- Đợt 1: Bên đặt hàng đặt cọc (tạm ứng) cho bên thi công số tiền là : 3.600.000.000(Ba tỷ sáu trăm triệu đồng y) ngay sau khi ký hợp đồng.
- Đợt 2: Thanh toán thêm 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng y) sau khi bên A tập kết đầy đủ thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ thi công tại công trình, có xác nhận của bên B.
- Đợt 3: Thanh toán số tiền còn lại sau khi hoàn thành nghiệm thu , đưa vào sử dụng xuất hóa đơn tài chính

Điều 4 : Quyền và trách nhiệm của các bên

* Quyền và *trách nhiệm của bên A*:

- Yêu cầu bên B thanh toán đúng theo tiến độ cam kết của hợp đồng
- Thực hiện thi công hoàn thiện đúng thiết kế bản vẽ kỹ thuật của bên B.
- Thực hiện thi công đúng tiến độ cam kết
- Đảm bảo công trình chịu được bão cấp 12.
- Bảo hành 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thi công hoàn thiện, bàn giao, chịu mọi trách nhiệm chi phí sữa chữa, bảo hành bảo dưỡng trong thời gian bảo hành.
- Bàn giao đầy đủ chứng từ hợp lệ

* Quyền và *trách nhiệm của bên B:*

- *Yêu cầu bên A thi công đúng tiến độ cam kết hợp đồng.*
- Thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thời hạn qui định tại điều 3 trong hợp đồng.

Điều 5 : Giải quyết tranh chấp

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có xảy ra tranh chấp mà hai bên không tự giải quyết được thì sẽ mời Tòa án Kinh tế có thẩm quyền giải quyết.
- Quyết định của Tòa án là cơ sở để hai bên thực hiện. Án phí do bên thua kiện chịu

Điều 6 : Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng.
- Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật và hợp đồng kinh tế.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày kí và sẽ tự hết hiệu lực hoặc hai bên lập biên bản thanh lí hợp đồng sau khi hai bên đã hoàn thành nghĩa vụ giao nhận, thanh toán hàng hóa cũng như bảo hành sản phẩm.
- Hợp đồng này được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản, có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị pháp lí như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA	ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGƯ LƯỚI CỤ HẢI THANH	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC
Phạm Thị Xinh	Nguyễn Thị Minh Lý

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do -Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01.06/HĐKT/2023/QH-TMEC

- Căn cứ vào bộ luật Dân sự số 91/2015/QH ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH 11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật Đoanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại văn phòng Công ty TNHH cơ khí & chế tạo máy T.T.MEC Các bên dưới đây gồm có:

1. ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY TNHH MAY MẶC XUẤT KHẨU QUỐC HUY

Địa chỉ: Đường DH409, thôn Phú Sơn 3, Xã Hòa Khương, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng

Đại diện là Ông : Trần Quốc Huy Chức vụ : **Giám đốc**

Mã số thuế : 0402178071

Số tài khoản :848486868, ở tại NH TMCP Á Châu – PGD Hoàng Diệu

2. ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ & CHẾ TẠO MÁY T.T.MEC

Địa chỉ: Túy Loan Đông , Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng, Việt nam

Điện thoại : 0236.3783879 Fax: 0236.3783680

Tài khoản số : 2008201006845, Tại NH Agribank Hòa Vang.

Mã số thuế : 0401850491

Đại diện : **Bà Nguyễn Thị Minh Lý** Chức vụ : **Giám đốc**

Hai Bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế với các nội dung và điều khoản sau đây:

ĐIỀU I: TÊN HÀNG HÓA, GIÁ CẢ, QUY CÁCH, CHẤT LƯỢNG:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện: gia công lắp dựng nhà xưởng như sau:

Thi công móng dầm (xe đào bên A cấp) và nhà xưởng có bản vẽ đính kèm.

Tổng giá trị giao khoán thi công xây lắp hoàng thiện nhà xưởng may theo bản xẽ bên A và bên B thống nhất trọn gói là:

- Giá trước thuế: 1.910.000.000 vnđ
- Thuế GTGT 10%: 191.000.000 vnđ
- Giá sau thuế: 2.101.000.000 vnđ

Bằng chữ : Hai tỷ, một trăm lẽ một triệu đồng chẵn./.

1.1 Căn cứ để chế tạo thi công: Theo các bản vẽ của Bên B cung cấp để gia công chế tạo và nghiệm thu công trình.

1.2 Tuân thủ đúng các yêu cầu về mặt kỹ thuật, vật liệu chế tạo theo bản vẽ thiết kế kèm theo.

1.3 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A có thay đổi các thông số kỹ thuật làm ảnh hưởng đến việc thi công, Bên B sẽ tính toán lại cho hợp lý và Bên A phải thanh toán đủ chi phí những phần việc mà Bên B đã thực hiện.

1.4 Chất lượng sản phẩm: theo yêu cầu Bên A

ĐIỀU II : THỜI GIAN HOÀN THÀNH VÀ BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

2.1 Thời gian thực hiện Hợp đồng 65 ngày .

ĐIỀU III: PHƯƠNG THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

3.1 Phương thức: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

3.2. Điều kiện thanh toán: thanh toán làm 03 đợt:

- Đợt 1: Tạm ứng trước 50% giá trị hợp đồng.

- Đợt 2: Thanh toán đến 30% trước khi vận chuyển đến công trình.

- Đợt 3: Thanh toán 20% giá trị còn lại sau khi hoàn thành nghiệm thu bàn giao.

ĐIỀU V: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

5.1 TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A :

- Hỗ trợ bàn giao mặt bằng.
- Thi công trụ và giằng, dầm cẩu….

5.2 TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B:

- Thực hiện đúng qui trình kỹ thuật, bảo đảm chất lượng.
- Bảo đảm tiến độ thi công, bàn giao sản phẩm đúng thời hạn qui định.
- Chịu toàn bộ chi phí khắc phục, sửa chữa những hư hỏng, sai sót trong thời gian bảo hành công trình;

ĐIỀU VI: ĐIỀU KHOẢN BẢO HÀNH

Công trình được bảo hành 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và chịu mọi chi phí sửa chữa khắc phục hư hỏng nếu có trong thời gian bảo hành và do lỗi của Bên B.

ĐIỀU VII: ĐIỀU KIỆN CHUNG:

- Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận, Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm và bồi thường mọi thiệt hại do mình gây ra cho Bên kia. Trong trường hợp hai Bên không thương lượng giải quyết được thì một bên có quyền khởi kiện đến Tòa án Kinh tế thuộc Tòa án Nhân dân thành phố Đà Nẵng để giải quyết; Quyết định của Tòa án buộc các Bên phải thi hành.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bên A tạm ứng đợt 1cho Bên B theo Điều III đã ghi trong hợp đồng;
- Hợp đồng hết hiệu lực khi hai bên đã hoàn thành xong nghĩa vụ thực hiện hợp đồng và ký biên bản thanh lý hợp đồng .
- Hợp đồng được lập thành 02 (Hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY TNHH MAY MẶC XUẤT KHẨU QUỐC HUY	**Giám đốc**
GIÁM ĐỐC	
Trần Quốc Huy	**NGUYỄN THỊ MINH LÝ**